



"Một tiếng nói độc đáo đầy uy lực từ văn học Chile!"

— Ursula K. Le Guin

LUIS SEPÚLVEDA

Lão già mê đọc
truyện tình



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

lão già
mê đọc
truyện tình

Dịch từ bản tiếng Anh
THE OLD MAN WHO READ LOVE STORIES
do Peter Bush chuyển ngữ - Arcadia Books, UK. 2002

UN VIEJO QUE LEÍA NOVELAS DE AMOR
© Luis Sepúlveda, 1989.

This book is published by arrangement with Literarische
Agentur Dr.Ray-Göde Mertin Inh. Nicole Witt e. K., Frankfurt
am Main, Germany

Vietnamese edition copyright:
2008 Nha Nam Publishing & Communications JSC
All rights reserved.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Cổ phần Văn hóa
và Truyền thông Nhã Nam, 2008.

Bản quyền tác phẩm được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản,
sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc chế bản điện tử,
đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự
cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật
và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả.
Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản
quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

lão già mê đọc truyện tình

LUIS SEPÚLVEDA

PHẠM MINH ĐIỆP dịch



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



Luis Sepúlveda sinh năm 1949 tại thành phố Ovalle, Chile. Sau khi tốt nghiệp trung học ở Santiago, ông học ngành sân khấu tại Đại học Quốc gia. Năm 1969, Sepúlveda học về kịch tại Đại học Tổng hợp Moscow.

Luis Sepúlveda là một người hoạt động chính trị tích cực, đặc biệt trong phong trào chống chủ nghĩa độc tài. Ông đã đi khắp các nước châu Mỹ Latin và đến năm 1978 thì dừng chân ở Quito (Ecuador). Ở đây ông thành lập đoàn kịch và trở thành đạo diễn của nhà hát Alliance Française. Sau đó ông tham gia cuộc thám hiểm do UNESCO tổ chức nhằm đánh giá ảnh hưởng của quá trình thực dân hóa tới đời sống của thổ dân Shuar.

Suốt thời gian thám hiểm kéo dài bảy tháng đó, ông đã chia sẻ cuộc sống cùng thổ dân và dần thấu hiểu châu Mỹ Latin, một lục địa đa văn hóa và đa ngôn ngữ với đời sống con người phụ thuộc vào môi trường thiên nhiên. Tác phẩm *Lão già mê đọc truyện tình* được viết từ cảm hứng của chuyến đi đó đã giành được giải Tigre Juan, giải thưởng văn học danh giá của Tây Ban Nha.

Ông đã đi tới nhiều vùng trên trái đất và có nhiều đóng góp với những sứ mạng khác nhau, người bảo vệ môi trường, người tổ chức biểu diễn nghệ thuật, nhà báo, nhà văn.

Dành tặng người bạn nơi xa Miguel Tzenke,
lãnh tụ thống nhất của người Shuar vùng
Sumbi thượng nguồn Nangaritza, người bảo
vệ vĩ đại của Amazonia.

Trong đêm của những câu chuyện kể kỳ
diệu, bạn đã cho tôi thấy từng góc cạnh cái thế
giới màu xanh chưa ai từng biết đến của bạn,
để rồi sau đó, trên những vùng đất rất xa
Thiên đường Ecuador, tôi có thể sáng tạo nên
câu chuyện này.

L.S.

Khi cuốn tiểu thuyết này đang được đọc lên ở Oviedo, Tây Ban Nha, giữa những thành viên ban giám khảo sau đó vài ngày sẽ trao tặng nó giải thưởng Tigre Juan, thì cách đó hàng ngàn kilômét đáng hổ thẹn, một toán sát nhân với đầy đủ vũ khí được trả tiền bởi những kẻ khác - những tên tội phạm uy quyền hơn, những gã với quần là áo lượt, móng tay chải chuốt, lớn tiếng đại diện cho "sự tiến bộ" - đã cướp đi cuộc đời một trong những người bảo vệ ưu tú nhất của Amazonia, và là một trong những nhân vật tiêu biểu và tuyệt vời nhất trong cuộc chiến bảo vệ sinh thái toàn cầu.

Cuốn sách này sẽ chẳng bao giờ tới được tay người, Chico Mendes, người bạn thương mến luôn nói ít làm nhiều, nhưng giải thưởng Tigre Juan này vẫn thuộc về người và thuộc về tất cả những ai tiếp nối con đường của người, con đường chung của chúng ta để bảo vệ thế giới duy nhất mà chúng ta có được.

L.S.

1

Bầu trời như một cái bụng lừa phồng to lơ lửng đầy hăm dọa ngay trên đầu người. Con gió nồm ẩm thổi bay đám lá lúa thưa và hung hăng lắc những thân chuối còi cọc điểm trang mặt tiền tòa thị chính.

Vài người dân El Idilio và một nhóm khách từ vùng quê lân cận tập hợp lại trên bến, đợi chờ tới lượt mình ngồi xuống chiếc ghế di động của bác sĩ Rubicundo Loachamín, một nha sĩ, người chuyên dùng thứ thuốc tê bằng lời rất đặc trưng để xoa dịu cơn đau cho bệnh nhân.

“Có đau không?” bác sẽ hỏi.

Bệnh nhân của bác tóm chặt hai tay vịn ghế, đáp lại bằng đôi mắt mở to nhìn bác chăm chăm, mồ hôi đổ như tắm.

Vài người còn cố gạt đôi tay sỗ sàng của

bác ra khỏi miệng mình để xả đầy tai bác những gì bác đáng phải nghe, nhưng mọi nỗ lực của họ bị đôi cánh tay rắn chắc của nhà phẫu thuật rặng cùng những thanh âm hết sức độc tài chặn đứng.

“Bình tĩnh, đồ ngốc! Bỏ tay xuống! Ta biết là đau chứ. Nhưng lỗi của ai đấy? Nào! Của ta à? Không hề! Đấy là lỗi của chính phủ! Nhét nó vào cái óc bả đậu của cậu đi. Răng cậu bị sâu là tại chính phủ. Cậu bị đau răng là tại chính phủ.”

Kẻ khốn khổ kia đành nhắm nghiền mắt lại hoặc yếu ớt gật đầu thừa nhận.

Bác sĩ Loachamín rất ghét chính phủ. Tất cả các chính phủ. Là đứa con trai không giá thú của một người nhập cư Iberia, bác thừa hưởng từ cha mình nỗi căm ghét kinh khủng đối với bất cứ thứ gì có mùi quyền lực, nhưng nguyên do của thứ hằn thù ấy đã rơi rớt mất trong những cuộc ăn chơi rượu chè thời trai trẻ, và rồi thứ chủ nghĩa vô chính phủ lộn xộn của bác trở thành một nét phản ánh tinh thần mang lại cho bác vẻ cuốn hút nào đó.

Bác hung hăng gọi cả chính phủ đương

thời lẫn lữ ngoại bang⁽¹⁾ từ những mỏ dầu Coca đến là bọn xâm phạm lãnh thổ thô bạo, chẳng thèm xin phép đã lôi máy ảnh ra chụp lấy chụp để những cái miệng bệnh nhân của bác đang ngoác rộng.

Gần đó, nhóm thủy thủ tàu *Sucre* đang bốc những buồng chuối xanh và túi cà phê hạt lên tàu.

Xếp đống cả trên bến là những két bia, rượu rum Frontera, muối, và những bình ga butan mà họ đã dỡ xuống từ hồi sáng.

Tàu *Sucre* sẽ lên đường ngay sau khi bác sĩ sửa sang xong các bộ răng, rồi tiếp tục ngược dòng Nangaritza, chuyển sang dòng Zamora, và, chậm nhất là sau bốn ngày, sẽ cập bến El Dorado.

Con tàu, thật ra là một mảnh thuyền cũ nát còn biết nổi trên mặt nước, được thúc đi nhờ một viên trưởng tàu kiêm thợ máy, toàn bộ sức lực của hai thủy thủ vạm vỡ, và nhờ cả thứ bệnh lao kinh niên của cái động cơ diesel cổ lỗ. Con tàu sẽ không trở lại cho tới tận sau

1. Gringo: biệt danh không mấy thiện cảm thổ dân khu vực Mỹ Latin dành cho những người nước ngoài, không nói tiếng Tây Ban Nha, đặc biệt ám chỉ cư dân nói tiếng Anh, nhất là từ Mỹ.

mùa mưa lúc này đang lăm le ập đến với cả bầu trời đầy mây.

Bác sĩ Rubicundo Loachamín đến El Idilio mỗi năm hai lần, cũng giống cái anh đưa thư hầu như chẳng mang thư đến cho ai bao giờ. Ló ra khỏi mép cái túi thư xơ mòn của anh ta chỉ có những giấy tờ của chính phủ gửi cho ngài thị trưởng hoặc mấy bức chân dung nghiêm trang của các vị thống đốc gần đây nhất đã bị nhòe hết màu vì ẩm ướt.

Người ta mong chờ con tàu đến chỉ với hy vọng được cung cấp khoản dự trữ muối, ga, bia, và rượu rum, nhưng mọi căng thẳng thực sự tan biến khi người ta thấy bác sĩ đến, đặc biệt là những người sống sót qua trận sốt rét, đã chán trò khắc khổ vụn rã, chỉ mong sao quét sạch chúng ra khỏi miệng để còn chọn lấy một trong những bộ răng giả được bày ngay ngắn trên tấm vải màu tía vốn gọi ngay ra hình ảnh các vị Hồng y Giáo chủ.

Vừa lớn tiếng phản đối chính phủ, bác sĩ sẽ vừa nhắc mẩu răng cuối cùng ra, rồi bảo họ súc miệng bằng một ngụm rượu rum.

“Xong. Bộ này ổn không?”

“Chật quá. Tôi không ngậm lại được.”

“Quái thật! Bọn mình đúng là một lũ khéo léo làm sao! Nào, thử cái này xem.”

“Lông quá. Tôi mà hắt xì là nó rơi ngay.”

“Vậy thì đừng có ồm, đồ dốt. Mở miệng ra.”

Và họ ngoan ngoãn nghe lời.

Sau khi thử nhiều bộ khác nhau, họ sẽ tìm được bộ vừa nhất và mặc cả trong khi bác sĩ khử trùng những bộ còn lại bằng cách nhúng ngập chúng vào trong nồi clo sôi sùng sục.

Cái ghé di động của bác sĩ Loachamin đúng là một trạm y tế thật sự đối với những người sống khắp bên bờ sông Zamora, Yacuambi, và Nangaritza.

Thực ra nó là một cái ghé cắt tóc cũ, chân trắng men trắng và đủ cả hai tay vịn. Phải gom cả sức lực cơ bắp của cả viên trưởng tàu cùng đội thủy thủ tàu *Sucre* mới nâng được nó lên và đặt xuống thật vững trên cái bệ phẳng rộng một mét vuông mà bác gọi là “phòng khám” của mình.

“Quái quỷ! Ta là chủ cái phòng khám này. Ở đây cậu phải làm tất cả những gì ta bảo. Khi xong việc, cậu có gọi ta là thằng cướp rằng,

kẻ chõ mũi, tên xoắn lưỡi, bất cứ cái tên nào cậu muốn cũng được, mà rồi ta còn để cậu mời ta một chén nữa là đằng khác.”

Một nỗi đau đớn khủng khiếp hiện trên khuôn mặt của những người đang chờ tới lượt mình, và những người đã xong cuộc hẹn với cái kim nhỏ răng trông cũng chẳng vui vẻ gì hơn.

Những kẻ duy nhất mang bộ mặt tươi cười hơn hờ quanh phòng khám là đám người Jibaro, đang ngồi chồm hổm mà quan sát.

Jibaro là những thổ dân bị chính những người cùng dòng giống, tộc Anhdiêng Shuar, từ bỏ, vì bị coi là lữ thoái hóa biến chất mà bọn Apache hoặc người da trắng đã mua chuộc.

Chuyên mặc đồ thừa của người da trắng, người Jibaro chấp nhận không chút phản kháng cái tên giễu cợt⁽¹⁾ mà những kẻ xâm chiếm người Tây Ban Nha gán cho.

Luôn có sự khác biệt khổng lồ giữa một người Shuar kiêu hãnh và tự hào, người biết rõ những vùng đất bí mật của Amazon, với một người Jibaro, như những người Jibaro đang tự

1. Jibaro, hay jivaro, theo tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là "người rừng".

tập trên bến El Idilio này, chỉ khao khát một giọt rượu thừa rơi rớt.

Đám người Jibaro cười lộ hàm răng nhọn hoắt được mài bằng đá ngoài sông.

“Còn các người, nhìn ngó cái gì thế hả? Rồi sẽ đến ngày lũ khỉ các người rơi vào nanh vuốt của ta,” bác sĩ nạt.

Khi nhận ra lời nói ấy là nhằm vào mình, đám người Jibaro đáp lại đầy hào hứng.

“Người Jibaro răng tốt. Người Jibaro ăn thịt khỉ nhiều.”

Đôi lúc một bệnh nhân chột kêu thét lên làm kinh hoảng lũ chim, rồi tay này hất chiếc kim của bác sĩ ra, tay kia tóm lấy tay nắm con dao rựa.

“Kìa, cư xử như một người đàn ông đi chứ, đồ ngốc. Ta biết là đau chứ, và ta cũng bảo với cậu đó là lỗi của ai rồi cơ mà. Đừng có đổ vấy cho ta. Ngồi yên đi, xem cậu gan dạ đến đâu nào.”

“Nhưng đau đến xé óc ra rồi, bác sĩ ơi. Cho tôi uống một ngụm đã.”

Bác sĩ xử lý xong bệnh nhân cuối cùng, thở phào một cái. Bác gói những bộ răng giả không tìm được chủ mới vào tấm vải tía Hồng

y, và khi đang tẩy trùng các dụng cụ làm răng, bác nhìn thấy một cái xương của người Shuar đang trôi tới.

Một anh chàng thổ dân đứng trên đuôi chiếc xương mảnh mai, chèo thật êm. Khi tới gần tàu *Sucre*, anh quạt mạnh mái chèo hai cái để ghé xương sát vào con tàu.

Khuôn mặt chán chường của viên trưởng tàu ghé ra bên hông tàu. Anh chàng Shuar bắt đầu kể lể gì đó với ông, lấy cả cơ thể mà diễn tả, và liên tục khạc nhổ:

Bác sĩ lau khô các dụng cụ xong, xếp chúng gọn vào chiếc cặp da. Rồi bác cầm cái chậu đựng chỗ răng vừa nhổ hất xuống nước.

Viên trưởng tàu và anh chàng Shuar đi qua chỗ bác sĩ, về phía văn phòng của ngài thị trưởng.

“Chúng ta phải chờ rồi, bác sĩ ạ. Họ sắp đem xác một tên ngoại bang đến.”

Tin ấy chẳng làm bác hài lòng chút nào. Tàu *Sucre* là một cỗ máy cổ quái khó chịu, đặc biệt là trên đường trở về, khi nó mang đầy những chuối xanh với cà phê cuối mùa sắp thối.

Nếu mưa đổ xuống giữa đường, mà có thể lắm, vì họ đã bị chậm lại một tuần do máy

lần hồng máy, thì cả hàng hóa, khách đi tàu, lẫn thủy thủ sẽ phải chen chúc dưới một tấm bạt căng trên boong, chẳng còn tí chỗ hở nào mà treo võng, và nếu thêm một cái xác vào nữa thì chuyến đi sẽ thành khó chịu gấp đôi.

Bác sĩ giúp nâng cái ghế di động lên tàu rồi đi bộ ra tít xa cuối bến. Antonio José Bolívar Proaño đang chờ bác ở đó, một lão già có làn da sạm sương gió, hoàn toàn chẳng bận tâm đến ý nghĩa rối rắm của cái loạt tên nghe kêu như chuông kia.

“Chưa chết à, Antonio José Bolívar?”

Trước khi đáp, lão cúi ngửi hai nách mình.

“Hình như thế. Chưa thấy bốc mùi gì cả. Bác thì sao?”

“Bộ răng của lão sao rồi?”

“Đây,” lão đáp, luồn tay vào túi áo. Lão giở chiếc khăn tay đã bạc màu, giơ ra bộ răng giả.

“Sao không mang nó vào hả lão ngốc kia?”

“Tôi cho vào ngay đây. Không ăn không nói thì mang răng làm gì chứ?”

Lão chỉnh bộ răng giả cho vừa, tắc tắc

lưỡi, phun ra một bãi đờm, rồi đưa cho bác sĩ một chai Frontera.

“Cảm ơn. Tôi nghĩ là hôm nay đã kiếm đủ cho một chai này rồi.”

“Chắc chắn rồi. Hôm nay bác đã nhổ được hai mươi bảy bộ với một đồng răng vụn cơ mà. Nhưng bác vẫn chưa phá được kỷ lục của chính bác đâu.”

“Lão vẫn đếm đấy à?”

“Bạn bè thì phải thế chứ. Phải ăn mừng những quả trứng đậm của nhau chứ. Nhưng bác không nghĩ là hồi bọn khai hoang trẻ tuổi còn đến đây thì tốt hơn à? Bác còn nhớ cậu tá điền người Montuve không, cái cậu trai đã phải nhổ hết cả bộ răng chỉ vì cá cược ấy?”

Bác sĩ Rubicundo Loachamín hơi nghiêng đầu cố rây lọc cái sàng ký ức để cuối cùng, nó hiện ra hình ảnh một anh chàng không được trẻ lắm, ăn mặc kiểu Montuve - toàn đồ trắng, chân đất, mà lại đeo cựa thúc ngựa bằng bạc.

Anh chàng Montuve đến phòng khám của bác cùng với khoảng hai chục người nữa say bí tỉ. Đó là những kẻ tìm vàng nay đây mai đó. Người ta gọi những người này là bọn lang thang, chúng chẳng quan trọng việc tìm được

vàng ở dưới sông hay là vàng trong túi đeo của người khác. Anh chàng Montuve đổ sụp xuống ghế, đỡ đầu nhìn bác.

“Nói xem có vấn đề gì nào.”

“Nhổ hết đi. Từng cái một. Rồi xếp thành hàng trên bàn ấy.”

“Há miệng ra.”

Anh chàng ngoan ngoãn làm theo, và bác thấy còn rất nhiều răng quanh mấy cái răng hàm đã hỏng, vài cái có lỗ, số còn lại còn rất tốt.

“Cậu còn khá nhiều răng tốt đấy. Cậu trả được đủ số tiền để nhổ hết chứ?”

Vẻ ngu ngốc biến mất khỏi khuôn mặt anh ta.

“Như bác thấy đấy, bác sĩ, những người bạn của tôi đây không tin khi tôi bảo tôi là một đáng trọng phu. Tôi nói với họ là tôi sẽ nhổ hết sạch răng cùng một lúc mà không một tiếng rên. Bọn tôi đã cá với nhau rồi, bác và tôi sẽ chia nhau phần thắng cược.”

“Đến lúc bác ta bắt đầu nhổ, mày sẽ đùn thối ra trong quần rồi khóc đòi mẹ cho mà xem,” một người trong nhóm kia lớn tiếng chế nhạo, rồi lũ còn lại cười phá lên ha hả.

“Tốt nhất là đi uống thêm nữa rồi nghỉ

cho kỹ đi. Tôi chẳng khoái những trò ngu ngốc,” bác sĩ nói.

“Được thôi, bác sĩ, nếu bác không để tôi thắng cú này, tôi sẽ xin cái thủ của bác bằng người bạn thân mến của tôi đây.”

Đôi mắt anh chàng Montuve lóe sáng khi anh ta vuốt ve tay nắm con dao rựa.

Và thế là cuộc cá cược bắt đầu.

Anh chàng há miệng ra và bác sĩ nhắm đếm cẩn thận. Có mười lăm cái răng tất cả, khi bác công bố con số ấy, nhân vật chính xếp đủ mười lăm mẫu vàng lên tám vỉa Hồng y đang bày sẵn các bộ răng giả. Mỗi mẫu cho một cái răng, và những kẻ đánh cá kia, dù được hay thua, cũng phân chia bằng những mẫu vàng. Tổng số vàng đã tăng lên đáng kể sau cái răng thứ năm.

Anh chàng Montuve chịu đựng bảy cái răng đầu tiên nhỏ ra không mấy may động đậy. Người ta còn nghe được cả tiếng một con bọ hạ cánh. Rồi, khi cái thứ tám đang bị nhấc lên, máu bất ngờ tràn ra đầy miệng anh ta. Không nói được, nhưng anh ta ra hiệu cho Loachamín ngừng lại.

Anh chàng phun mấy cục máu đông ra

sàn, nốc một hơi rượu dài khiến cả cơ thể quần quai đau đớn trên ghế, nhưng vẫn không một tiếng kêu than, sau khi khạc nhổ một lần nữa lại ra dấu cho bác sĩ tiếp tục.

Đến cuối cuộc tàn sát, móm hoàn toàn, mặt thì sưng vù suốt từ bên tai nọ đến bên tai kia, anh chàng Montuve vẫn thể hiện niềm sung sướng khùng khiếp trước chiến thắng khi cùng bác chia chác chiến lợi phẩm.

“Chao ôi, đúng vậy. Những ngày xa xưa ấy,” bác sĩ Loachamín lẩm rầm, tu một hơi rượu dài.

Thứ chất cay làm từ đường mía đốt cháy cổ họng bác, và mặt bác cau có khi đưa trả lại cái chai.

“Dùng có khó coi thế chứ, bác sĩ. Cái này sẽ giết sạch bọn ký sinh trong bụng bác đấy,” Antonio José Bolívar lên tiếng, nhưng lão dùng ngay lại.

Hai chiếc xương đang tiến tới gần, lộ ra trên mép xương là mái đầu vàng hoe của kẻ thiệt mạng.

2

Viên thị trưởng, kẻ bày tôi nhân dân duy nhất, kẻ có thẩm quyền cao nhất, kẻ đại diện cho thứ quyền lực xa tít tắp chẳng mấy may khiến bất kỳ ai run sợ, là một tên béo phì béo nộn luôn đỏ mồm hôi không ngừng nghỉ.

Dân địa phương kể rằng mồm hôi hắc bắt đầu túa ra ngay khi hắc từ tàu *Sucre* đặt chân lên bờ, từ giây phút đó trở đi người ta thấy hắc cứ phải luôn tay vắt mấy chiếc khăn tay ướt sũng, và vì thế hắc lãnh ngay biệt danh Cóc Nhớt.

Người ta cũng đồn rằng trước khi đến El Idilio, hắc đã được điều đến một thành phố lớn nào đó trên vùng núi, và rằng hắc bị đẩy về chốn ao tù miền Đông này vì tội thụt két.

Ngoài đỏ mồm hôi, công việc chính của hắc còn là xoay cho được khoản bia bọt. Yên

vị trong phòng làm việc xong là hắn chỉ lo uống dè từng chai bằng cách nhấp từng ngụm nhỏ một, vì hắn biết chắc chắn rằng một khi nguồn cung cấp này cạn, cuộc đời hắn sẽ còn khốn khổ vô vọng hơn nhiều.

Nếu hắn gặp may, cơn khát kia sẽ được đền lại bằng chuyến viếng thăm của một tên ngoại bang mang đầy trầu whisky. Viên thị trưởng không thèm uống loại rượu bia mà dân ở đây thường uống. Hắn đổ cho rượu Frontera cái tội gây ra ác mộng và rằng hắn bị một bóng ma điên dại đuổi bắt không ngơi.

Đã từ lâu lắm rồi, nếu có ai còn nhớ được, hắn sống với một người phụ nữ thổ dân, người luôn bị hắn đánh đập dã man, bị hắn quàng cho cái tội đã bỏ bùa hắn, và ai ai cũng đợi chờ ngày bà ta nổi điên lên mà giết hắn. Người ta thậm chí còn cựa với nhau cả chuyện ấy nữa.

Từ lúc hắn đến đây, tức là bảy năm trước, hắn đã bị tất cả mọi người căm ghét rồi.

Hắn đến, mang theo chứng cuồng tăng thuế mà không có bất cứ lý do nào chính đáng. Hắn tìm mọi cách bán giấy chứng nhận cho phép săn bắt và câu cá trong cả những khu vực

chính phủ còn chưa đụng đến. Hắn đòi đánh thuế lên quyền của những người chuyên đi nhặt lượm củi mục trong cái khu rừng nhiệt đới già cỗi hơn bất kỳ vùng đất nào, và trong một cơn bốc đồng của tinh thần công dân nhiệt thành, hắn đã bắt dựng lên một cái lán tre để nhốt tất cả những kẻ say rượu không chịu nộp tiền phạt cho tội gây rối trật tự.

Bóng dáng hắn vừa thấp thoáng đã làm trời dậy bao ánh nhìn khinh miệt, và mồ hôi của hắn nuôi dưỡng lòng căm ghét của người dân nơi đây.

Hoàn toàn trái ngược với hắn là ngài thị trưởng tiền nhiệm, người đã rất được yêu mến. “Hãy sống và để kẻ khác được sống” là tuyên ngôn của ông. Những chuyến viếng thăm của con tàu với thư từ và cả ông bác sĩ đều là nhờ công lao của ông, nhưng ông không trụ được lâu trên bến tàu này.

Một đêm nọ nổ ra cuộc tranh cãi nảy lửa giữa ông và mấy tên đào vàng, rồi hai ngày sau người ta phát hiện xác ông với cái đầu đã bị một nhát dao rựa bổ banh ra và bị lũ kiến xoi mất đến một nửa.

Suốt hai năm El Idilio hoàn toàn vắng

bóng đại diện chính phủ để bảo vệ chủ quyền của Ecuador trên cái vùng rừng nhiệt đới có lẽ chẳng bao giờ vạch nổi đường biên giới này. Cuối cùng thì chính phủ cũng gửi tới kẻ thất thế này đây.

Mỗi thứ Hai - hẳn bị ám ảnh bởi những ngày thứ Hai - người ta lại thấy hẳn kéo ngọn cờ lên cái cọc ở trên bến, mãi cho tới khi một cơn bão cuốn bay mảnh vải rách ấy vào tuốt trong rừng, và biến mất cùng với nó là cái nghi lễ ngày thứ Hai mà chẳng ai buồn để ý.

Viên thị trưởng vừa tới bến tàu. Hắn lấy khăn tay lau khắp cả mặt lẫn cổ, rồi vừa xoắn mạnh cái khăn cho khô, vừa ra lệnh nhắc cái xác lên bờ.

Đó là xác của một người đàn ông tóc vàng, vạm vỡ, chắc chắn dưới bốn mươi tuổi.

“Chúng mày tìm thấy nó ở đâu?”

Mấy người Shuar nhìn nhau, bần khoản không biết có phải trả lời không.

“Lũ rừng rú này không hiểu tiếng Tây Ban Nha à?” viên thị trưởng gầm gừ.

Một người quyết định lên tiếng.

“Trên đầu nguồn. Cách đây hai ngày đường.”

“Để ta xem vết thương,” viên thị trưởng ra lệnh.

Một người khác lật đầu cái xác lên. Bọn côn trùng đã đánh gọn con mắt phải, nhưng bên mắt trái vẫn còn loang loáng màu xanh da trời. Có một vết rạch dài kéo từ cằm xuống tới vai phải anh ta. Một vài mạch máu và cả giò bọ lòi ra từ vết thương.

“Chúng mày đã giết nó.”

Mấy người Shuar lùi lại một bước.

“Không phải. Người Shuar không giết ai cả.”

“Đừng có dối trá. Chúng mày đã hạ nó bằng một nhát dao. Rõ ràng rành ra rồi.”

Tên béo, người đẫm mồ hôi, giơ khẩu súng lục lên ngắm thẳng vào mấy người thổ dân đang hết sức bàng hoàng.

“Không đúng. Người Shuar không giết ai cả,” người đàn ông vừa nói lại đánh bạo lên tiếng lần nữa.

Viên thị trưởng buộc ông ta câm miệng ngay lập tức bằng một phát súng.

Một tia máu lớn phụt ra từ trán người đàn ông Shuar.

“Đừng có bèn mảng đến đây mà tưởng

tao là thằng ngu. Chúng mày đã giết nó. Đi theo tao. Rồi chúng mày sẽ phải tường trình hết mọi sự. Đi! Lũ mọi rợ! Còn ông, thuyền trưởng, chuẩn bị tinh thần mang hai thằng tội phạm này lên tàu.”

Đáp lại, viên trưởng tàu *Sucre* chỉ nhún vai.

“Xin thứ lỗi cho tôi. Nhưng ông đang làm nhầm toàn chuyện vớ vẩn đấy. Chẳng có vết dao nào hết.” Đó là giọng nói của Antonio José Bolívar.

Viên thị trưởng tức tối siết chặt cái khăn tay.

“VẬY LÃO THÌ BIẾT CÁI GÌ CHỨ?”

“TÔI BIẾT NHỮNG GÌ TÔI NHÌN THẤY ĐƯỢC.”

Lão già bước tới bên cái xác, cúi xuống, lật đầu cái xác về phía hấn và vạch vết thương ra.

“Ông không thấy phần thịt có nhiều vết rạch sâu và dài đây à? Ông không thấy có vết sâu vào tới tận hàm rồi càn xuống dưới càn nông dần đi hay sao? Ông không thấy là có tới bốn vết rất lớn, chứ không phải một đấy sao?”

“Lão nói thế là có ý quái gì?”

“Là chẳng có cái thứ dao bốn lưỡi nào cả. Chính là dấu vết móng vuốt. Móng vuốt của

mèo rừng. Một con mèo trưởng thành đã giết hẳn. Cứ ngồi thử mà xem.”

Viên thị trưởng lại chùi khăn tay lên cổ.
“Người ấy à? Ta thấy nó đã rửa ra rồi.”

“Cúi xuống ngồi đi. Sợ gì xác chết hay giòi bọ chứ. Ngửi mùi quần áo, mùi tóc, ngửi tất tạt mà xem.”

Tên béo đành gặng vượt qua cảm giác ghê tởm, cúi xuống, hít hít từ một khoảng cách an toàn nhất, y như một con chó đang sợ hãi.

“Mùi gì đấy?” lão già hỏi.

Những người đứng ngoài tò mò tiến tới gần và ngửi khắp cái xác.

“Ta không biết. Làm sao mà ta biết được? Mùi máu, mùi giòi,” viên thị trưởng trả lời.

“Đấy là mùi thối nước đái mèo,” một người đứng ngoài nói chớ vào.

“Nước đái mèo cái. Một con mèo cái rất to,” lão già xác nhận.

“Như thế cũng không chứng minh được là hai thằng này đã không giết hẳn.”

Viên thị trưởng cố cao giọng xác định uy quyền của mình, nhưng sự chú ý của những người dân địa phương lúc này chỉ tập trung vào Antonio José Bolívar.

Lão già kiểm tra lại cái xác một lần nữa.

“Hắn bị một con mèo cái giết. Con đực hẳn còn ở đâu quanh đây thôi, có lẽ nó bị thương. Con cái giết hẳn rồi đá ngay lên người hắn để đánh dấu, để những con thú khác không thể ăn thịt hắn khi nó đi tìm bạn tình của nó.”

“Rõ là ba thứ chuyện đàn bà xó bếp. Lũ người rừng này đã giết hẳn rồi tưới nước đá mèo lên người hắn chứ gì. Các người lúc nào cũng nhắm nhắm tin vào những chuyện nhảm nhí cũ rích.”

Mấy người thổ dân lao xao phản ứng, nhưng cái nòng súng lập tức ngấm thẳng về phía họ khiến họ phải im bật.

“Vậy thì sao họ lại muốn giết hẳn?” bác sĩ lên tiếng.

“Tại sao à? Ta rất ngạc nhiên là bác lại hỏi như vậy đấy, bác sĩ. Để cướp của. Còn vì mục đích nào nữa chứ? Lũ mọi rợ này có chuyện gì mà không dám làm.”

Lão già lắc đầu vẻ khó khăn, nhìn bác sĩ. Bác hiểu ngay Antonio José Bolívar đang cần gì, liền cùng lão lôi tất cả đồ đạc trên cái xác ra bày lên sàn ván gỗ trên bến.

Một cái đồng hồ đeo tay, một cái la bàn, một cái ví dày cộp tiền giấy, một cái bật lửa bằng dầu, một con dao đi săn, một dây chuyền bạc có mặt hình đầu ngựa.

Lão già nói gì đó với một người Shuar bằng thứ tiếng của họ, rồi người này nhảy ngay xuống xuống, lấy cái túi vải bạt xanh của kẻ thiệt mạng đưa cho lão.

Khi chiếc túi mở ra, tất cả đều thấy trong đó có nhiều đạn và năm tấm da mèo rừng bé tí. Những tấm da mèo đốm dài không đến ba mươi phân. Những tấm da bọc đầy muối và bốc mùi hôi thối, dù không nồng nặc bằng cái xác kia.

“Rồi đây, thưa quý ông, tôi cho là vấn đề đã sáng tỏ,” bác sĩ lên tiếng.

Viên thị trưởng, mồ hôi vẫn đổ xối xả, nhìn mấy người Shuar, nhìn lão già, nhìn những người dân địa phương, rồi nhìn bác sĩ, không thốt nổi một lời.

Ngay lúc trông thấy mấy tấm da, nhóm thổ dân lo lắng bàn với nhau điều gì đó, rồi nhảy vội xuống mấy chiếc xuống.

“Đứng lại! Chúng mày phải chờ đến khi tao xử lý xong đã,” tên béo rít lên.

“Cứ để họ đi. Họ có lý do chính đáng. Hay là ông vẫn chưa hiểu ra vấn đề?”

Lão già nhìn viên thị trưởng, lắc đầu. Chợt lão nhặt một tấm da lên, quảng về phía hần. Tén béo đầm đìa mồ hôi, chùn lại về ghê tởm khi tóm lấy nó.

“Xem kia, quý ông. Ông không học được chút gì sau bao nhiêu năm ở đây hay sao? Nghĩ đi chứ. Tên ngoại bang đề tiện này đã giết hết bọn mèo con và nhiều khả năng còn làm mèo bố bị thương nữa. Nhìn trời kia kìa. Sắp mưa rồi. Tưởng tượng cái cảnh ấy mà xem. Mèo mẹ phải đi săn để nhét cho đầy thức ăn vào bụng còn lấy cái cho lũ con bú trong mấy tuần đầu của mùa mưa. Lũ mèo con chưa cai sữa, mèo bố phải ở lại trông nom chúng. Đây là tập tính của lũ mèo rừng, và đây cũng là lý do tên ngoại bang này phát hiện ra chúng. Bây giờ hần mèo mẹ đang lang thang vợ vắn, phát điên lên vì đau đớn, và con người chính là thứ nó săn tìm. Nó lần theo dấu vết tên ngoại bang kia hần là rất dễ dàng. Tên khốn xấu số mang theo mùi sữa mèo trên lưng hần, và mèo mẹ chỉ việc lần theo dấu ấy mà thôi. Giờ thì nó đã giết được một người. Nó đã

biết mùi và vị máu người, và trong cái óc nhỏ bé của nó thì tất cả chúng ta đều đã giết chết con nó, đối với nó chúng ta có mùi giống nhau hết. Cứ để những người Shuar đi. Họ phải loan báo cho người của họ và cả các khu lân cận. Mỗi ngày trôi qua là mỗi ngày mèo mẹ càng thêm tuyệt vọng, càng thêm nguy hiểm, và nó sẽ bám theo mùi máu quanh các căn lều. Tên ngoại bang này đúng là một tên khốn nạn! Nhìn mấy tấm da mà xem. Bé tí tẹo và vô dụng. Đi sẵn vào đúng lúc trời đất chuyển mùa mưa, và lại bằng súng ngắn nữa! Nhìn mấy cái lỗ trên tấm da này xem. Ông có hiểu không? Ông buộc tội những người Shuar trong khi thủ phạm là tên ngoại bang này. Đi sẵn trái mùa loài thú đang được bảo vệ. Và nếu ông còn bắn khoản chuyện vũ khí, thì tôi nói cho ông biết rằng người Shuar không có đâu, vì họ tìm thấy xác hắc ở rất xa cái chỗ hắc bị giết. Nếu ông không tin tôi, thử nhìn đôi ủng của hắc xem. Gót ủng đã bị cào nát. Nghĩa là mèo mẹ đã lôi hắc đi một đoạn rất dài sau khi giết hắc. Nhìn xem ngực áo của hắc đã rách toạc kia. Con thú đã cắn chặt lấy cái áo để kéo hắc đi. Tên ngoại bang xấu số.

Đấy hẳn là một cái chết rất khủng khiếp. Nhìn xem vết thương này. Một cái vuốt của mèo mẹ đã cắt đứt tĩnh mạch nơi cổ hẳn. Chắc hẳn hẳn đã trải qua cơn đau đớn tột độ cả nửa tiếng đồng hồ khi mèo mẹ uống máu hẳn trào ra từ đó, và rồi con thú ranh ma lôi hẳn tới bên bờ sông để lũ kiến không có cơ hội chén thịt hẳn. Đó là lúc nó đá lên người hẳn, để đánh dấu, và lúc những người Shuar tìm thấy hẳn chắc là lúc nó đi tìm bạn tình của nó. Cứ để họ đi, và bảo họ báo cho cả bọn đào vàng đang cắm lều tạm dọc bờ sông nữa. Một con mèo rừng điên cuồng vì đau đớn còn nguy hiểm hơn cả hai mươi thằng sát nhân cộng lại.”

Viên thị trưởng, chẳng đáp lại nổi lời nào, chuồn vội đi viết một bản thông báo gửi cho đồn cảnh sát ở El Dorado.

Gió bắt đầu nóng lên và đặc quánh lại. Gió bám riết vào da như một tấm màng dính dính khó chịu và mang theo cái tĩnh lặng từ rừng sâu thường có trước mỗi cơn giông. Ông trời trên cao kia đã sẵn sàng òa ra bất cứ giây phút nào.

Từ tòa thị chính vang lên tiếng máy chữ lọc cọc uể oải, trong khi ở bên ngoài, hai người đàn ông sắp đóng xong chiếc quan tài để bỏ cái xác giờ đang nằm lắt lay trên sàn gỗ bến tàu.

Viên trưởng tàu *Sucre* nhìn lên bầu trời đầy mây, chủi thề, rồi lại nguyên rửa kẻ đã chết với vô số lời tục tĩu. Ông đã tự nhận lấy nhiệm vụ phủ muối xuống đáy quan tài, dù biết tác dụng của nó cũng chẳng được bao nhiêu.

Việc đáng lẽ nên làm chính là cái việc thường vẫn xảy ra đối với những kẻ chết trong rừng, những kẻ chỉ vì thứ luật pháp ngớ ngẩn mà người ta không thể mặc kệ cho nằm lại trong rừng được: rạch mở cái xác từ cổ cho đến háng, lôi tất ruột gan phèo phổi ra, rồi bỏ đầy muối vào. Thế là nó còn có thể được đem ra mà chiêm ngưỡng vào lúc kết thúc cuộc hành trình. Nhưng đây lại là một tên ngoại bang khốn kiếp, nên hẳn phải được giữ nguyên tất cả, cùng với giới bộ đang đánh chén trong bụng hắn, và đến khi người ta bốc xuống tàu, hắn sẽ chỉ còn là một cái túi chất lỏng bốc mùi nôn mửa.

Bác sĩ và lão già ngồi lên mấy bình ga butan, ngấm dòng nước trôi. Họ chuyện nhau chai Frontera và hút xì gà làm từ những lá thuốc dày, cái loại chống được ẩm ướt.

“Thề có Chúa, Antonio José Bolívar, lão đã bắt ngài thị trưởng phải câm họng. Tôi không biết lão cũng là một thám tử cơ đấy. Lão đã làm hấn nhục nhả trước mặt tất cả mọi người, hấn đáng bị như thế lắm. Tôi mong một ngày không xa mấy chú Jibaro sẽ cho hấn một mũi tên xuyên người.”

“Vợ hấn sẽ giết hấn. Bà ta đang vun đắp hận thù, nhưng vẫn chưa đủ thôi. Những chuyện thế này cần thời gian.”

“Đây. Tôi quên bém đi mất chỉ vì mấy chuyện vợ vẫn với cái xác kia. Tôi có mang cho lão hai cuốn sách.”

Đôi mắt lão già sáng bừng lên.

“Truyện tình chứ?”

Bác sĩ gật đầu.

Antonio José Bolívar rất mê đọc truyện tình, và trong mỗi chuyến tới đây bác sĩ đều mang cho lão một ít sách mới.

“Có buồn không?” lão hỏi.

“Trái tim lão sẽ phải tan chảy thành nước ấy chứ,” bác sĩ khẳng định.

“Có những đôi yêu nhau thắm thiết chứ?”

“Như thể chưa từng có ai biết yêu vậy.”

“Họ có phải đau đớn nhiều không?”

“Phải nói là suýt quá giới hạn chịu đựng của tôi đấy,” bác sĩ đáp.

Thực ra, bác sĩ Rubicundo Loachamín chưa từng động đến cuốn tiểu thuyết nào cả.

Lần đầu tiên, khi lão già nhờ bác kiểm cho sách để đọc, nhấn mạnh rằng lão thích những câu truyện tình đau đớn, tuyệt vọng, với những cái kết có hậu, bác sĩ cảm thấy như vừa nhận một nhiệm vụ không tưởng.

Bác nghĩ, trông mình sẽ nực cười biết bao khi vào một hiệu sách ở Guayaquil mà hỏi rằng: “Lấy cho tôi một câu truyện tình buồn nẫu ruột, đau khổ cực độ, và kết thúc có hậu.” Họ sẽ nghĩ bác là một kẻ không bình thường. Và rồi, thật bất ngờ, bác đã tìm được giải pháp trong một nhà thổ bên bờ biển.

Bác sĩ thích phụ nữ da màu, đầu tiên là vì họ luôn thánh thót những điều có thể dựng một vận động viên quyền anh đã ngã gục dúi

dui lại hùng dũng đứng thẳng dậy được, và thứ hai là vì họ không toát mồ hôi lúc trên giường.

Một chiều, khi đang đùa giỡn với Josefina, người đàn bà vùng Esmeralda có làn da căng như mặt trống, bác trông thấy một hàng sách dựng ngay ngắn trên bàn trang điểm.

“Em đọc sách à?” bác hỏi.

“Có chứ, nhưng em hay đọc rề rà,” người đàn bà trả lời.

“Em thích đọc chuyện kiểu gì nhất?”

“Truyện tình,” Josefina đáp. Cô có chung sở thích với Antonio José Bolívar.

Từ buổi chiều ấy trở đi, Josefina vừa là người chăm sóc tình cảm vừa lãnh thêm trách nhiệm phê bình văn học. Cứ sáu tháng một lần, cô lại chọn ra hai cuốn tiểu thuyết, theo ý cô, chắc chắn sẽ gây ra những cơn đau tim cực độ, những cuốn mà rồi sau đó Antonio José Bolívar sẽ đọc một mình trong căn lều nhìn ra con sông Nangaritza của lão.

Lão già cầm lấy hai cuốn sách, xem kỹ bìa, rồi tuyên bố chúng thuộc danh sách yêu thích của mình.

Trong khi ấy, chiếc quan tài đã được nhắc

lên tàu và viên thị trưởng đang đứng giám sát việc khuân vác. Khi trông thấy bác sĩ, hắn bèn sai người đến chỗ bác.

“Ngài thị trưởng bảo ông ấy không quên tiền thuế của bác sĩ đâu.”

Bác sĩ đưa cho người đàn ông xấp tiền giấy đã đếm sẵn, nói thêm:

“Nói hay đấy! Bảo hắn rằng ta là một công dân rất biết tuân thủ luật pháp đấy.”

Người đàn ông quay lại chỗ viên thị trưởng. Tên béo cầm lấy xấp tiền, nhét sâu vào trong túi áo, rồi giơ một tay lên trán nhìn về phía bác sĩ tỏ ý đã nhận được.

“Hắn cũng làm tôi sống dở chết dở với cái thứ thuế má của hắn,” lão già bình luận.

“Đúng là những vụn vãi ngon lành. Các chính phủ luôn sống bằng những miếng ăn ranh ma chộp giật từ dân chúng mà. Tốt nhất là mình đừng có quá phiền lòng về bọn họ.”

Cả hai lại tiếp tục hút thuốc và uống rượu, ngắm nhìn dòng nước xanh bất tận chảy qua.

“Trông lão đăm chiêu quá đấy, Antonio José Bolívar. Quên nó đi.”

“Bác nói phải. Tôi chẳng thích chuyện này tí nào. Tôi biết chắc Cóc Nhót đang nghĩ

kế hoạch lập đội đi săn, và thể nào hấn cũng bảo tôi đi cùng. Tôi chẳng thích một tí tẹo nào. Bác có thấy cái vết thương đấy không? Một đòn bằng móng vuốt rất ngọt. Đấy là một con thú lớn, và móng vuốt của nó phải dài đến năm centimét. Một con thú hung dữ đến thế, thì dù có đói khát thế nào, nó cũng sẽ không từ bỏ quyết tâm đâu. Rồi mưa còn sắp đổ xuống. Dấu vết của nó sẽ trôi sạch, con khát máu sẽ càng khiến những dấu vết đó trở nên tinh quái hơn.”

“Lão từ chối được mà. Lão đã quá già với cái trò đuổi bắt vòng quanh ấy rồi.”

“Đừng tin chắc thế. Đôi lúc tôi còn thấy muốn lấy vợ lần nữa đây. Biết đâu có ngày tôi lại mời bác làm phù rể cho tôi ấy chứ.”

“Này, hỏi nhỏ nhé, lão bao nhiêu tuổi rồi, Antonio José Bolívar?”

“Già lắm rồi. Sáu mươi mấy gì đó theo giấy tờ, nhưng tính tới đoạn tôi đã biết đi khi người ta làm giấy cho tôi thì chắc phải gần bảy mươi.”

Chuông tàu *Sucre* kêu vang, báo hiệu khởi hành, và họ phải chia tay nhau.

Lão già ngồi lại trên bến cho tới khi con

tàu khuất hẳn sau một khúc uốn của con sông. Rồi lão quyết định từ giờ cho đến hết ngày sẽ không nói chuyện với ai nữa, bèn nhấc bộ răng giả ra, gói vào khăn tay, và, với hai cuốn sách ghì chặt vào ngực, lên đường trở về lều.

3

Antonio José Bolívar Proaño biết đọc, nhưng không biết viết.

Cố lắm lão cũng chỉ nguệch ngoạc ra được tên mình mỗi khi cần ký giấy tờ gì đó, như khi bầu cử chẳng hạn, nhưng những lần như thế rất hiếm và đã lâu lắm đến nỗi lão sắp quên biến cả cách cầm bút.

Lão đọc rất chậm, đánh vần từng âm tiết một và lắm nhảm khe khẽ như thể đắm chìm trong niềm hưởng thụ mê say, và khi đã xoay sở xong trọn một từ, lão sẽ đọc lại trong một hơi rành rọt. Sau đó, lão lại thực hiện quy trình y hệt với cả một câu, rồi cũng với cách này lão dần dần nắm được toàn bộ cảm xúc và ý tưởng thấm đẫm từng trang sách.

Khi phát hiện một đoạn nào mình đặc biệt thích thú, lão sẽ đọc đi đọc lại cho đến khi

thấy đủ để hình dung ra vẻ đẹp tuyệt vời của ngôn ngữ loài người.

Lão luôn phải dùng kính lúp mới đọc được, và đó là đồ vật quý giá thứ hai trong gia tài của lão. Thứ nhất là bộ răng giả.

Lão sống trong một căn lều tre rộng mười mét vuông bày biện tất cả số đồ đạc sơ sài của lão: một cái vồng bằng sợi đay, một cái thùng đựng bìa cũ để đặt bếp dầu, và một cái bàn cao ngắn ngưỡng, là do có một hôm đột nhiên thấy đau lưng, lão nhận ra tuổi già sắp tới được mình mất rồi, bèn quyết định sẽ gắng càng ít ngồi càng tốt.

Chẳng bao lâu sau đó, lão tự đóng cái bàn có chân rất dài này để đứng ăn cơm, và đứng đọc tiểu thuyết tình yêu.

Căn lều có lợp mái rơm che mưa che nắng và có một cửa sổ nhìn ra sông. Đây cũng là chỗ lão đặt cái bàn cao.

Một cái khăn tắm cũ xơ treo gần cửa ra vào, bên cạnh miếng xà bông thay mỗi năm hai lần. Đây là loại xà bông tốt, sức mùi mỡ động vật, chuyên để làm sạch quần áo, bát đĩa, đồ bếp, tóc và cả cơ thể.

Bức tường đối diện với cái vồng có treo

bức chân dung một đôi trai gái, đã được một họa sĩ vùng núi tỉa tót cẩn thận.

Chàng trai, là Antonio José Bolívar Proaño, mặc bộ vest màu xanh rất thanh nhã, sơ mi trắng, và cà vạt kẻ sọc, toàn những thứ chỉ có trong trí tưởng tượng của một họa sĩ vẽ truyền thần mà thôi.

Cô gái, là Dolores Encarnación del Santísimo Sacramento Estupiñán Otavalo, trong một trang phục lộng lẫy tới mức chỉ tồn tại và vẫn tiếp tục tồn tại trong những góc khuất buồng bình của ký ức, nơi bắt rễ loài cỏ dại cô đơn.

Một tấm khăn choàng nhung xanh che hờ mang lại vẻ quý phái cho mái tóc đen huyền được rẽ ngôi giữa và thả dài tự nhiên xuống lưng. Trên tai cô lấp lánh đôi bông tai tròn bằng vàng, và trên cổ cô cũng rực sáng mấy chuỗi hạt vàng.

Lộ ra trên khoảng ngực áo của cô là nét thêu thùa truyền thống sang trọng riêng có ở áo cánh của phụ nữ vùng Otavala, và ngay phía trên là một đôi môi đỏ đang mỉm cười.

Hai người quen nhau từ tấm bé, khi còn ở San Luis, một ngôi làng trên núi gần ngọn núi

lửa Imbabura. Hai người đính hôn khi mới mười ba tuổi, rồi hai năm sau đó, sau một nghi lễ mà cả hai cùng chỉ đóng một chút vai trò, còn đang ngượng ngùng với ý nghĩ đắm đầu vào một chuyến mạo hiểm quá sức, thì cả hai chợt nhận ra họ đã được cưới cho nhau từ lúc nào.

Đôi vợ chồng trẻ con sống ba năm đầu hôn nhân trong ngôi nhà của bố cô dâu, một người đàn ông góa vợ già cả, người đồng ý coi cả hai là những người thừa kế để đổi lại cho những quan tâm săn sóc và những lời cầu nguyện từ họ.

Ông cụ mất vào năm hôn nhân thứ mười chín của hai người, và họ được thừa hưởng một miếng đất con con không đủ nuôi một gia đình, cùng vài con gia súc đã bị nướng sạch vào chi phí đám tang.

Thời gian trôi qua. Người đàn ông cày cấy miệt mài trên mảnh đất của gia đình và cả trên những mảnh đất của người khác. Họ kiếm chỉ đủ để trang trải tối thiểu cho cuộc sống, nhưng thứ mà họ có vô biên là những lời đồn độc địa, không nhằm vào lão, mà là vào Dolores Encarnación del Santísimo Sacramento Estupiñán Otavalo.

Vợ lão chưa bao giờ có thai. Mỗi tháng bà lại ra máu đều đặn một cách đáng ghét, và mỗi kỳ kinh tới lại làm tăng thêm sự khinh miệt xa lánh.

“Mụ ấy bị vô sinh,” một bà già bảo.

“Tôi đã thấy máu tháng lần đầu tiên của mụ ta,” một bà khác lên tiếng. “Có cả nòng nọc chết trong ấy đấy.”

“Mụ ta đã chết cứng trong người rồi. Đàn bà như thế thì còn tích sự gì nữa?” họ bồi thêm.

Antonio José Bolívar Proaño gắng động viên vợ và họ theo hết thầy nọ đến lang kia, thử đủ loại lá cỏ và thuốc mỡ chữa bệnh sinh sản.

Tất cả đều vô vọng. Tháng này qua tháng khác, người vợ lại giấu mình trong góc nhà khi dòng máu hổ nhục trào tuôn.

Họ quyết định rời vùng núi khi một gợi ý xúc phạm bắt đầu nhằm vào người chồng.

“Có khi là lỗi của lão hết. Lão nên để bà ta lại trong suốt mùa lễ hội ở San Luis.”

Người ta bảo rằng lão nên mang vợ đến những cuộc hội hè tháng Sáu, ép bà nhập vào cái đám người đông nghẹt chỉ chực nhẩy nhót điên cuồng và rượu chè trác táng ngay khi cha xứ vừa quay lưng đi. Đám người ấy sẽ cứ

uống, uống mãi, rồi nằm ngòai ngã ngón khắp cả nền nhà thờ, cho tới khi rượu rum cất từ đường mía, thứ rượu mạnh “tinh khiết” được đem đến từ nhà máy đường, dẫn họ tới một cuộc nhào trộn hỗn loạn các cơ thể trong bóng đêm đồng lõa.

Antonio José Bolívar Proaño từ chối tất cả những lời khuyên làm cha của một đứa bé sinh ra từ hội hè. Thay vào đó, lão chú ý đến cái tin chính phủ có kế hoạch cho định cư trên một phần vùng đất Amazonia¹⁾. Chính phủ còn hứa hẹn về những khu đất rộng lớn và những hỗ trợ kỹ thuật dành cho người tới khai hoang tại các khu vực đang tranh chấp với Peru. Biết đâu sự thay đổi khí hậu có thể làm bình thường lại cái không bình thường ở một trong hai người.

Tới sát lễ hội San Luis, họ gom góp chút của cải đơn sơ, khóa cửa ngôi nhà cũ rồi lên đường.

Mất đến hai tuần họ mới tới được cửa sông El Dorado. Có nơi họ đi bằng xe buýt, có nơi thì xe tải, nơi khác lại phải đi bộ; họ đã đi

1. Amazonia: Vùng lòng chảo sông Amazon ở Nam Mỹ.

qua những thành phố có các phong tục kỳ lạ, như Zamora, hay Loja, nơi người Anhiêng Saraguru vẫn còn mặc đồ đen, vẫn để tang cái chết của Atahualpa⁽¹⁾ trong niềm thương tiếc khôn nguôi.

Thêm một tuần đi nữa, lần này bằng xuồng, chân tay đã cứng đờ ra vì thiếu hoạt động, họ bị đẩy lên bờ trên một khúc quanh của con sông. Ngôi nhà duy nhất ở đây là một căn lều lợp tôn mái rất lớn, là cơ quan hành chính, là cửa hàng dụng cụ và hạt giống, cũng là chốn nương thân cho tất cả những người định cư mới tới. Đó chính là El Idilio.

Ở đó, sau một vài nghi thức ngắn gọn, họ được trao một mảnh giấy có đóng dấu rất long trọng tuyên bố rằng họ là những người khai hoang vinh quang. Họ được giao hai héc ta rừng, một đôi dao rựa, vài chiếc thuổng, mấy túi hạt giống đã bị một ăn gần hết, và một lời hứa hỗ trợ kỹ thuật chẳng bao giờ thành hiện thực.

Hai vợ chồng xắn tay vào việc, đầu tiên là dựng lên một chiếc lều ọp ẹp, rồi sau đó

1. Atahualpa: vị hoàng đế cuối cùng của đế chế Inca.

bắt đầu dọn sạch cỏ rừng. Quần quật từ sớm cho tới khuya, họ mới nhổ được sạch rễ một cây thân gỗ, những đám cây thân leo, cỏ bụi, và sớm hôm sau đã thấy chúng mọc trở lại, với sức mạnh trẻ trung hùng hục cứ như thể báo thù.

Cho đến lúc mùa mưa đầu tiên vừa chớm, lương thực dự trữ đã cạn và họ hoàn toàn không biết phải làm gì tiếp theo. Vài người khai hoang khác còn có vũ khí là những cây súng cũ, nhưng thú rừng thì nhanh thoăn thoắt và đầy mưu mô. Ngay cả lũ cá dưới sông cũng lộ vẻ coi thường, nhảy tung lên ngay trước mũi họ nhưng chẳng bao giờ chịu mắc vào lưới câu.

Bị cô lập bởi những cơn mưa và bão táp xa lạ, họ tuyệt vọng hiểu ra rằng chỉ còn có thể trông chờ vào phép nhiệm màu khi thấy nước sông cứ dâng liên tục, cuốn trôi những thân gỗ lớn và những xác động vật trương phềnh theo dòng chảy của nó.

Những người khai hoang đầu tiên bắt đầu chết. Vài người ăn phải cây quả lạ; một số người khác bị những cơn sốt quật ngã, thậm chí một số còn mất dạng trong cái bụng dài

của loài trăn, chuyên gia nghiền xương, luôn biết cách quán thân mình quanh con mồi, ép thật chặt, và nuốt chửng họ vào một quy trình tiêu hóa chậm rãi đến kinh hoàng.

Họ thấy mình hoàn toàn bị bỏ rơi trong cuộc chiến tuyệt vọng với những trận mưa mỗi lần ập xuống đều đe dọa cuốn trôi những căn lều; làm mỗi cho lũ muỗi cứ mỗi lúc cơn bão tạm ngưng là lại tấn công hết sức hung bạo, bu lấy khắp người họ, cắn, hút, để lại trên da những nốt sưng vù ngứa ngáy và bên dưới là lũ ấu trùng chỉ chực chảy mủ đau nhức ngay khi chúng thoát ra bên ngoài với ánh sáng và tự do; bị bao vây bởi bầu thú đói khát lang thang khắp rừng sâu, với vô vàn tiếng tru hú ghê rợn khiến giấc ngủ trở thành thứ xa xỉ - cho tới khi sự cứu tế xuất hiện cùng những người đàn ông trong hình dạng ở trần, mặt bôi nước achiote hồng và đầy đồ trang trí đủ màu sắc trên khắp đầu và hai cánh tay.

Đó chính là người Shuar, thấy tội nghiệp cho những kẻ tới khai hoang nên đã đến giúp một tay.

Người Shuar dạy họ săn bắn, câu cá, xây những căn lều vững chãi để chống chọi

với mưa gió, dạy cả cách phân biệt quả độc và quả ăn được. Và trên hết, họ đã dạy những người tới khai hoang cách sống hòa thuận với rừng sâu.

Khi mùa mưa qua, người Shuar còn giúp họ dọn quang các triền đồi, nhưng vẫn nhắc rằng như thế chỉ phí công mà thôi.

Mặc kệ lời các thổ dân, họ vẫn gieo những đám hạt giống đầu tiên, để rồi nhanh chóng phát hiện ra rằng đất đai ở đó quá tệ. Những cơn mưa xối đất liên miên đã khiến cây cối không thể kiếm đủ chất dinh dưỡng cần thiết, đến nỗi chết mà chưa kịp ra hoa, cây cối trở nên còi cọc hoặc cũng bị lũ côn trùng ngấu nghiến mất.

Khi mùa mưa tiếp theo vừa chớm, những cánh đồng mà họ đã quần quật gây dựng bị cuốn trôi sạch sẽ ngay trong trận mưa đầu tiên.

Dolores Encarnación del Santísimo Sacramento Estupiñán Otavalo không sống nổi sang năm thứ hai; sốt rét hủy hoại cơ thể bà, và một cơn sốt cháy da cháy thịt cuối cùng đã tước mạng sống khỏi tay bà.

Antonio José Bolívar Proaño biết rằng lão không thể quay về ngôi làng cũ trên núi được.

Những kẻ nghèo có thể tha thứ bất kỳ điều gì trừ sự thất bại.

Lão chẳng có cách nào khác ngoài việc tiếp tục trụ lại, chỉ còn ký ức làm bạn. Lão muốn trả mối thù hận cái vùng đất đáng ghét ấy, cái địa ngục màu xanh đã cướp mất người yêu dấu và những giấc mơ của lão. Lão muốn tượng ra một ngọn lửa khổng lồ sẽ biến toàn bộ Amazon thành một lò lửa bùng bùng dữ dội.

Nhưng trong nỗi cô đơn không nơi bầu vút, lão nhận ra rằng lão chưa hề hiểu hết rừng để có thể căm ghét được rừng.

Lão học tiếng của người Shuar bằng cách tham gia những cuộc đi săn với họ. Họ săn heo vòi, paca, capybara⁽¹⁾, lợn cỏ pécari, lợn lòi rừng nhỏ và ngon thịt, khỉ, chim, và cả các loài bò sát. Lão còn học được cách dùng cái ống thổi rất êm ái và hiệu quả khi đi săn, và cái xiên dài để bắt loài cá bơi nhanh thoăn thoắt.

Đi cùng họ, lão bỏ dần tính kiêu cách của nông dân Công giáo. Lão bắt đầu cởi trần và

1. Paca, capybara: thú thuộc loài gặm nhấm sống chủ yếu gần sông ở Nam Mỹ.

tránh làm thân với những người mới đến khai hoang, những người coi lão là kẻ mất trí.

Antonio José Bolívar Proaño, người chưa từng nghĩ đến hai chữ “tự do” giữa chốn rừng sâu, nay đang được hưởng thụ một tự do không biên giới. Cho dù có cố hết sức khôi phục lại lòng căm giận xưa kia, lão cũng không thể nào không sinh lòng yêu mến cái thế giới ấy, và rồi lòng căm giận cứ phôi pha thêm nữa khi lão bị mê hoặc bởi những vùng đất mênh mông vô biên và vô chủ.

Hễ đói là ăn. Lão luôn chọn những loại quả ngon ngọt nhất, bỏ qua những loài cá bơi chậm quá làm mất hứng, bám đuổi một con thú hoang, nhưng ngay khi con thú nằm vừa trong tầm ngắm của chiếc ống thổi lão lại thấy cả thềm một thứ gì đó khác hơn.

Đêm xuống, nếu muốn ở một mình, lão chui xuống nằm trong xuồng, và nếu ngược lại, muốn có ai đó ở bên, lão tìm đến với người Shuar.

Và họ chào đón lão rất hào hứng. Họ chia cho lão thức ăn, xi gà tự cuốn, và trò chuyện hàng giờ liền, khắc nhỏ âm ỉ xung quanh ba chiếc cọc lờ sủi rục sáng luôn luôn.

“Chúng mình thế nào nhỉ?” họ hỏi lão.

“Thân thiết như thể một bầy khỉ, lấm mồm như là bọn vẹt say, khoác lác y như lũ quỷ sứ.”

Người Shuar nghe những lời so sánh ấy thì cười âm âm và đánh những cú rắm đầy thỏa mãn.

“Còn ở ngoài kia, chỗ ngày xưa của mày đó, thì như thế nào?”

“Lạnh lắm. Buổi tối và buổi sáng lạnh cóng như băng. Phải mặc poncho⁽¹⁾ dài bằng len, đội mũ nữa.”

“Đấy là lý do chúng mày cứ thối um lên. Khi đi ỉa, chúng mày vãi ra cả poncho.”

“Không phải đâu. Hoặc là chỉ thỉnh thoảng thôi. Vấn đề ở chỗ trời lạnh quá nhiều khi bọn tao muốn tắm mà chẳng được, cũng giống chúng mày thôi.”

“Khỉ của chúng mày có mặc poncho không?”

“Trên núi không có khỉ. Cũng chẳng có lợn cỏ pécari nữa. Dân vùng núi không săn bắn.”

1. Poncho: tấm vải choàng có một lỗ ở chính giữa để chui đầu qua.

“Vậy bọn nó ăn gì?”

“Ăn những thứ có ở đó chứ sao. Khoai tây, ngô. Thỉnh thoảng có lợn hoặc gà vào những ngày lễ. Hoặc có chuột lang vào ngày chợ phiên.”

“Vậy không săn bắn thì bọn nó làm gì?”

“Làm việc. Từ lúc mặt trời lên đến lúc mặt trời lặn.”

“Lũ ngốc thật! Dốt thật!” người Shuar xuýt xoa.

Sau năm năm trời ở đó, lão biết rằng mình sẽ không bao giờ rời xa rừng nữa. Hai cái răng nọc rắn quý quyết đã chịu trách nhiệm đem lời nhắn nhủ ấy đến với lão.

Từ người Shuar, lão đã học được cách di chuyển trong rừng rậm, đặt lòng bàn chân cho phẳng trên mặt đất, đôi mắt và đôi tai phải thật nhạy cảm với mọi tiếng rì rầm, và con dao rựa phải luôn sẵn sàng trong tay. Ngày nọ, trong một phút bất cẩn, lão cầm con dao xuống đất để xóc lại túi hoa quả, và khi cúi xuống nhấc dao lên lão nhói người nhận ra chiếc răng nọc nóng rực của loài rắn độc *equis* đã đâm thẳng vào cổ tay phải mình.

Lão thoáng thấy dáng con bò sát dài một

mét nọ đang bỏ chạy, vẽ thành dấu X trên mặt đất - chính là lý do nó được đặt cho cái tên Tây Ban Nha ấy - trườn đi nhanh thoăn thoắt. Lão nhảy theo con rắn, vung con dao lên bằng cánh tay phải bị thương, chém liên hồi lên lưng nó, cho tới khi nọc độc bắt đầu làm mờ mắt lão.

Lão mò mẫm tóm lấy cái đầu con rắn và, cảm nhận mạng sống của chính mình đang từ từ ra đi, quay đầu tìm về khu người Shuar.

Những người Anđiêng trông thấy lão lão đảo lê lét về phía mình. Lão không nói được, vì cái lưỡi, và cả cơ thể lão, đã sưng vù và biến dạng. Cái chết dường như sắp giành được lão. Trước khi gục xuống mê man, lão còn gắng gờ cho họ thấy cái đầu rắn trong tay mình.

Vài ngày sau, lão tỉnh lại, giữa những đợt sốt cao, người vẫn còn sưng vù, và run rẩy từ đầu đến chân.

Được một thầy phù thủy Shuar chăm sóc chữa trị, lão dần khỏe lại.

Thảo mộc ủ đã lấy đi nọc độc. Tắm trong tro lạnh giúp hạ sốt và giảm những cơn ác mộng. Và chế độ ăn uống chỉ ốc, gan, và bầu

dục khi đã giúp lão đứng dậy được sau ba tuần nằm bẹp.

Suốt thời gian phục hồi sức khỏe, họ giam lão trong khu đất của mình, và những người phụ nữ thanh tẩy phủ tạng cho lão theo một trình tự khắt khe.

“Mày vẫn còn chất độc trong người. Mày phải tẩy nó cho sạch, chỉ giữ lại một tí chút phòng khi bị cắn lẩn nữa thôi.”

Và rồi khi lão không muốn nữa, họ vẫn ép lão uống nước hoa quả, trà thảo mộc và các loại nước ngâm ủ khác để giúp lão lợi tiểu.

Khi thấy lão đã hồi phục hoàn toàn, người Shuar tắm đấm lão bằng những món quà: một cái ống thổi mới, một bó tên, một dây chuyền ngọc trai sông, một dải lông chim tu căng, cùng những tràng vỗ tay chúc mừng để lão hiểu rằng lão vừa vượt qua một trò tình nghịch mà những vị thần ranh mãnh bày ra, những vị thần nhỏ này thường ẩn mình trong đám bọ cánh cứng hay đom đóm mỗi khi muốn giở trò trêu chọc con người, và thường hóa trang thành các vì sao để tạo ra những khoảng đất quang ảo ảnh trong rừng sâu.

Để thể hiện lòng kính trọng đối với lão,

người Shuar sơn lên người lão muôn sắc màu óng ánh của loài trăn lớn và mời lão tham gia một điệu nhảy.

Lão là một trong số ít người từng sống sót sau nhất cận của loài *equis*, và sự kiện hiếm hoi này phải được ghi nhớ trong Lễ hội Thần rắn.

Cuối buổi lễ ấy, lão uống chén *natema* đầu tiên, loại rượu mùi ngọt tạo ảo giác chế từ rễ cây *yahuasca* đun sôi, và trong giấc mơ ngay sau đó, lão thấy mình là một phần không thể tách rời của những vùng đất luôn biến đổi không ngừng nghỉ ấy, giống như chỉ là một sợi tóc thêm vào cái cơ thể màu xanh to lớn vô hạn kia, mang suy nghĩ và cảm nhận như một người Shuar; rồi, vận quần áo của một tay thợ săn chuyên nghiệp, lão đang lần theo dấu một con thú bí ẩn, không hình không dạng, cũng chẳng mùi chẳng tiếng, nhưng rực lên đôi mắt sáng màu vàng.

Đó chính là tín hiệu ngầm yêu cầu lão ở lại, và thế là, lão ở lại.

Về sau, lão kết bạn với Nushiño, một người Shuar cũng tới từ một vùng đất xa xôi lắm, xa đến nỗi hình dung về nó đã mất dạng

nhặt nhòa giữa những nhánh nhỏ của dòng Marañón Vĩ đại. Một ngày nọ, Nushiño đến đây với một vết đạn trên lưng, món quà kỷ niệm từ cuộc hành trình khai hóa của quân đội Peru. Người ta tìm thấy anh đang bất tỉnh, gần như cạn máu sau nhiều ngày trôi dạt bất lực trên chiếc xuồng của mình.

Người Shuar vùng Shumbi săn sóc và chữa trị cho anh, và vì họ cùng có chung dòng máu, họ đã đồng ý cho anh ở lại.

Antonio José Bolívar và Nushiño cùng nhau lang thang khắp rừng rậm. Nushiño rất khỏe. Anh ta có cái eo thon và đôi vai rộng, chuyên gia bơi thi với cá heo sông và lúc nào cũng vui vẻ hào hứng.

Người ta hay trông thấy hai người cùng săn đuổi một con thú lớn, hay trầm ngâm bên dấu máu nó làm rớt lại, và, khi cả hai đã chắc chắn nắm được con mồi, Antonio José Bolívar sẽ chờ ở một khoảng đất trống trong khi Nushiño nhử con thú đang núp trong bụi cây rậm rạp xông ra và dẫn dắt nó tới đúng tầm ngắm mũi tên độc của lão.

Đôi khi hai người còn săn một con lợn cỏ pécari cho những người khai hoang, và số tiền

họ nhận lại có thể đổi được một con dao rựa mới hoặc một túi muối.

Những lúc không đi săn cùng bạn, Antonio José Bolívar dành thời gian lần tìm dấu vết những con rắn độc.

Lão biết cách tiếp cận chúng, huýt một điệu sáo the thé đánh lạc hướng chúng, cho tới tận khi đối diện với chúng. Chỉ bằng một cánh tay, lão sẽ nhai những cử động của loài bò sát này khiến cho con rắn, hoàn toàn bối rối và mê mẩn, bắt chước lại những cử động là bản sao của chính nó. Rồi, cánh tay còn lại của lão sẽ vung lên thật chính xác. Bàn tay lão tóm chặt lấy cổ con rắn đang còn hết sức bàng hoàng kia, bóp thật mạnh để nọc độc phun hết ra từ những cái răng nọc vào trong một cái vỏ bầu khô rỗng.

Khi giọt cuối cùng nhỏ xuống, con vật thẳng đơ người ra, không còn chút sức lực nào cho lòng căm hờn nữa, hoặc có lẽ nó đã nhận ra lòng thù hận thật phù phiếm vô nghĩa, còn Antonio José Bolívar thì khinh khỉnh quăng nó vào bụi rậm.

Người ta trả giá cho nọc rắn rất hậu. Cứ sáu tháng một lần, một nhân viên từ phòng thí nghiệm nào đó, nơi nghiên cứu loại huyết

thanh chống nọc độc của rắn, sẽ đến mua những lọ nọc chết người kia.

Thỉnh thoảng có con còn nhanh hơn cả lão, nhưng lão cũng chẳng sợ. Lão biết mình rồi sẽ phình ra như một con cóc và sốt mê man vài ngày gì đó, nhưng sau lúc ấy giây phút trả thù sẽ tới. Lão đã được miễn dịch, và lão thích nghênh ngang qua lại trước mặt những người khai hoang, khoe ra hai cánh tay mình phủ đầy sẹo.

Cuộc sống nơi rừng thẳm đã tôi luyện từng centimét cơ thể lão. Các khối cơ bắp của lão trở thành cơ bắp của loài mèo, và ngày càng rắn chắc hơn theo thời gian. Lão hiểu rừng già như một người Shuar. Lão có thể lặn ra dấu vết như một người Shuar. Lão bơi giỏi như một người Shuar. Tóm lại, lão giống họ, nhưng vẫn không phải là một trong số họ.

Đây là lý do tại sao thỉnh thoảng lão phải ra đi: vì họ đã giải thích cho lão, rằng tốt hơn cả là lão không trở thành một trong số họ. Họ muốn trông thấy lão, muốn có lão ở bên, nhưng cũng muốn cảm nhận được sự vắng mặt của lão, nỗi buồn khi không được nói chuyện với lão, và niềm hạnh phúc trong tìm

mình khi lại thấy lão xuất hiện.

Nhiều mùa mưa, mùa nắng trôi qua. Suốt thời gian ấy, lão học được các nghi lễ và sự bí ẩn của những con người ấy. Lão dự vào thứ nghi lễ hàng ngày của họ là tôn sùng những cái đầu khô quắt của kẻ thù đã chết như những chiến binh anh dũng, và cùng với họ, lão cất giọng hát khúc *anent*, những bài ca cảm ơn lòng dũng cảm được lưu truyền, và những lời nguyện cầu cho hòa bình mãi mãi.

Lão cũng dự vào những buổi tiệc tùng hào phóng của những người già quả quyết rằng đã đến lúc phải “lên đường”, và khi họ đã thiếp đi, chìm đắm hoàn toàn trong men bia chicha và *natema*, trong nỗi mê đắm hoan hỉ khôn cùng của những giấc ảo giác đang mở cho họ những cánh cửa tới kiếp sau, lão giúp khiêng họ đến một cái lều thật xa và phủ đầy người họ một lớp mật ngọt từ cây cọ.

Ngày hôm sau, vừa ca lên những khúc *anent* để tiễn đưa họ đến với cuộc đời mới của loài cá, loài bướm, hay một loài thú thông minh nào khác, lão vừa giúp thu nhặt những chiếc xương trắng, giờ đã sạch bong, còn cái phần di hài vô tích sự thì đã được vận chuyển

tới cuộc đời mới bằng những bộ răng hàm không biết nương nhẹ của đội quân kiến.

Khi sống với người Shuar, lão chẳng cần đến một câu truyện tình nào để hiểu được tình yêu.

Lão không phải là một trong số họ, vì thế lão không thể có nhiều vợ. Nhưng lão giống họ, và đó là lý do người đàn ông Shuar đã cho lão nơi ăn chốn ở suốt những mùa mưa lại mời chào năn nỉ lão chấp thuận một trong số những người vợ của anh ta, coi đó là niềm hạnh phúc cho địa vị và ngôi nhà của mình.

Người phụ nữ được mang ra dâng tặng ấy đã đưa lão tới bờ sông. Ở đó, vừa hát khúc *anent*, cô vừa tắm rửa, chải chuốt, và xúc nước thơm cho lão; rồi cả hai trở về lều, đùa giỡn âu yếm trên tấm thảm sậy, với đôi chân cô gái hương cao trên không, với hơi ấm dịu dàng của lò sưởi, họ lại ca lên những khúc *anent*, những bài thơ âm mũi mô tả vẻ đẹp cơ thể mình và về nỗi sung sướng khoái lạc được nhân lên gấp bội bởi vẻ diệu kỳ của sự mô tả ấy.

Đó là thứ tình yêu trong trời mà kết cục của nó, không gì khác, vẫn là tình yêu. Không sở hữu, và không cả lòng ghen.

“Không ai trói buộc được tiếng sét và không ai lấy được cho riêng mình cái sung sướng vô ngần của người khác vào khoảnh khắc được tự do.”

Có lần người bạn Nushiño đã giải thích với lão như thế.

Nhìn dòng Nangaritza trôi, người ta dễ nghĩ rằng thời gian đã bỏ quên góc nhỏ đó của vùng đất Amazonia, nhưng lũ chim thì biết rằng những cái lưới hung mạnh đang từ phía Tây vươn tới, thăm dò và xâm nhập vào bên trong cơ thể rừng già.

Một lực lượng máy móc khổng lồ đang mở ra những con đường, và người Shuar ngày càng phải di chuyển nhiều hơn. Từ giờ trở đi họ không còn tiếp nối được cái truyền thống lâu đời là ở một chỗ chỉ trong ba năm rồi chuyển đi nơi khác để cho Tự nhiên hồi phục. Cứ mỗi mùa sang, họ lại phải nhắc căn lều của mình cùng với xương của những người đã chết lên và ra đi, tránh những kẻ lạ mặt đang tới định cư dọc bờ sông.

Ngày càng nhiều người khai hoang tới theo lời hứa hẹn hấp dẫn về một tương lai có thêm gia súc và gỗ xây dựng. Họ mang theo

ruợu, nhưng chẳng vì một nghi lễ nào cả, mà cùng với nó là sự thoái hóa của những kẻ yếu đuối nhất. Và hơn hết là lũ người đi tìm vàng ngày càng nhiều thêm, những kẻ vô liêm sỉ đến từ khắp mọi nơi chỉ với một mục đích duy nhất là làm giàu thật nhanh chóng.

Người Shuar đành đi về phía Đông, kiếm tìm chốn hẻo lánh của dải rừng già không ai có thể xâm nhập.

Một sớm nọ, ống thổi của Antonio José Bolívar phồng chệch khỏi mục tiêu, và lão nhận ra mình đã già. Vậy là cũng đã đến lúc lão phải đi tiếp rồi.

Lão quyết định sẽ tới sống ở El Idilio và săn bắn để kiếm ăn. Lão biết lão không thể tính toán được chính xác thời điểm mình chết và cũng không thể để cho lũ kiến ngấu nghiến làm thịt mình được. Và cho dù lão có tính toán được, thì đó cũng sẽ là một nghi lễ thật buồn.

Lão giống họ, nhưng lão không phải là một trong số họ, vì thế lão sẽ chẳng có buổi tiệc lớn nào, cũng chẳng có chuyến đi sang thế giới bên kia bằng ảo giác nào cả.

Một ngày, khi đang mê mải làm một cái

xuông có thể đương đầu với bất kỳ thứ gì, lão nghe thấy một tiếng nổ lớn vang lên từ một nhánh sông, cái dấu hiệu sẽ dẫn tới cuộc giã từ của lão.

Lão chạy tới nơi phát ra tiếng nổ và trông thấy một nhóm người Shuar đang khóc lóc. Họ chỉ trở về phía một đám cá chết nổi lềnh phềnh đầy mặt nước, và trên bãi cát là một nhóm người nước ngoài đang giương súng nhằm thẳng về phía họ.

Đó là một nhóm năm kẻ thám hiểm tìm vàng, để thông dòng con suối, đã cho mình nổ tung cái đập chắn là nơi lữ cá tụ tập sinh sản.

Mọi thứ xảy ra rất nhanh. Những người da trắng, hoảng loạn trước sự xuất hiện của những người Shuar, đã nổ súng và bắn trúng hai người thổ dân, rồi nhảy lên thuyền bỏ chạy.

Lão biết, vậy là đám người da trắng chẳng còn đường thoát. Người Shuar bám theo bằng đường tắt và chờ bên một khe núi hẹp, nơi bọn chúng dễ dàng trở thành cái đích cho những mũi tên tẩm thuốc độc của họ. Tuy nhiên, một kẻ trong số chúng đã nhảy lên được, bơi thoát sang bờ bên kia, rồi biến mất sau bụi cây.

Mối quan tâm hàng đầu của lão là tới ngay chỗ hai người Shuar đã ngã xuống.

Một người đã chết, đầu nổ tung vì một phát súng bắn trực diện, và người kia đang quần quai đau đớn với bộ ngực bị xé toang. Đó chính là người bạn Nushiño của lão.

“Một cuộc già từ tồi tệ,” Nushiño thì thầm trong đau đớn, đưa tay run rẩy chỉ về phía quả bầu khô đựng thuốc độc của mình. “Ta không thể nào yên lòng ra đi được, người anh em ạ. Khi cái đầu của hấn còn chưa bị treo trên cọc, ta sẽ vẫn còn lang thang như một con vẹt mù buồn bã, vợ vẫn đâm đầu vào các thân cây. Hãy giúp ta, hỏi người anh em.”

Xung quanh lão là người Shuar. Chỉ có mình lão biết được kiểu cách của những kẻ da trắng, và giọng nói yếu ớt của Nushiño báo cho lão biết rằng thời khắc trả món nợ của lão đối với người Shuar kể từ khi họ cứu sống lão sau lần bị rấn cắn ấy đã đến.

Cũng phải thôi, món nợ của lão, lão phải trả, và rồi mang theo một chiếc ống thổi, lão bơi ngang qua sông, bắt đầu cuộc săn người đầu tiên.

Rất nhanh, lão tóm được dấu vết của hấn.

Vì quá sợ hãi và lo lắng, kẻ tìm vàng đã bỏ lại nhiều dấu vết rõ mồn một, lão chẳng phải tốn công tìm kiếm.

Vài phút sau lão đã thấy hấn đang đứng chờ ra vì kinh hãi trước một con trăn lớn đang ngủ say.

“Tại sao mày làm thế? Tại sao mày bắn họ?”

Hấn giương khẩu súng sẵn lên ngắm thẳng vào lão.

“Bọn Jibaro. Chúng nó đâu rồi?”

“Bên kia sông. Họ không theo mày đâu.”

Thở phào nhẹ nhõm, tên đào vàng hạ nòng súng xuống, và Antonio José Bolívar nắm ngay thời cơ, giương chiếc ống thổi lên.

Cú bắn quá tồi. Tên đào vàng choáng váng nhưng không ngã, và lão không còn cách nào khác đành quăng mình về phía hấn.

Hấn rất khỏe, nhưng sau một hồi vật lộn Antonio José Bolívar đã giành được khẩu súng của hấn.

Lão chưa bao giờ cầm một khẩu súng nào trong tay, nhưng khi lão trông thấy hấn sắp tóm được con dao rựa thì ngón tay lão, rất bản năng, đã đẩy vào đúng vị trí, và tiếng nổ

âm vang khiến lũ chim kinh hoàng vụt bay lên náo loạn.

Bất ngờ vì sức mạnh của phát súng, lão bước tới gần hắn. Hắn đã nhận hết đạn từ cả hai nòng súng đầy vào bụng và đang quằn quại trong đòn đau khủng khiếp. Phót lờ tiếng gào thét của hắn, lão trối hai cổ chân hắn lại, lôi hắn về phía bờ sông, và khi mới bơi được một chập đầu tiên, lão cảm nhận được kẻ xấu số đã tắt thở.

Người Shuar đang đợi lão ở bờ bên kia. Họ chạy tới để giúp lão lên bờ, nhưng vừa nhìn thấy cái xác, họ chợt òa lên trong cơn khóc than không ngừng trước nỗi hoang mang của lão.

Họ khóc, không phải cho tên ngoại quốc kia, mà là cho Nushño.

Antonio José Bolívar không phải là một trong số họ, nhưng lại giống họ. Và vì thế lẽ ra lão phải giết kẻ kia bằng một mũi tên tẩm thuốc độc, sau khi đã cho hắn được chiến đấu như một chiến binh; rồi, khi đã bị tê liệt bởi thuốc độc, tất cả lòng can đảm của hắn sẽ phát lộ ra trong cái thần thái sẽ được lưu giữ, giam cầm mãi mãi trong cái đầu khô quắt của hắn, hai mí mắt, mũi, và miệng được khâu chặt lại để nó không thể thoát ra ngoài.

Làm sao họ có thể đem phơi cái đầu ấy được nữa, khi nó đã há hoác đông cứng lại trong nỗi kinh sợ và đón đầu?

Vì lỗi lầm của lão, Nushiño sẽ không thể ra đi được. Nushiño sẽ vẫn như một con vẹt mù, cứ mãi đâm đầu vào thân cây, gây lòng oán ghét ở những người xa lạ khi va phải họ, làm xáo động giấc mơ của những con trăn đang say ngủ, gieo rắc nỗi kinh hoàng cho những con thú bị săn đuổi bằng tiếng đập cánh lang thang vô định của mình.

Antonio José Bolívar đã tự hạ thấp bản thân, và vì thế phải chịu trách nhiệm cho nỗi đau khổ vĩnh viễn của người bạn ấy.

Không ngừng than khóc, họ trao cho lão chiếc xuồng tốt nhất. Không ngừng rơi nước mắt, họ ôm hôn lão, cấp lương thực cho lão, và nói rằng từ nay về sau, lão không bao giờ còn được chào đón nữa. Lão có thể đi qua khu lán trại của người Shuar, nhưng không còn quyền nán lại nữa.

Người Shuar đẩy chiếc xuồng ra theo dòng nước và rồi xóa đi dấu chân lão còn lại trên cát.

4

Sau năm ngày lênh đênh, Antonio José Bolívar tới El Idilio. Vùng đất này đã đổi thay. Chừng hai mươi ngôi nhà mọc lên, tạo thành một con phố nhìn ra sông, và một tòa nhà khá to nằm cuối dãy trung lên tám biển màu vàng ngay mặt tiền mang dòng chữ TÒA THỊ CHÍNH.

Còn có cả một bến cảng dựng bằng gỗ, nhưng lão bỏ qua, tiếp tục xuôi dòng nước thêm vài mét nữa, cho tới khi sức lực cạn kiệt đưa lối lão tới nơi lão tự tay dựng lên căn lều của mình.

Ban đầu, dân cư ở đây luôn tránh mặt lão, và nhìn lão như thể lão là một tên mọi rợ mỗi khi lão biến mình vào rừng sâu, mang theo khẩu Remington 1914 thừa kế từ cái gã duy nhất mà lão từng ra tay giết, và lại là giết theo một cách vô cùng tệ hại, nhưng rồi họ nhanh

chống nhận ra rằng có lão ở gần bên thật giá trị đến nhường nào.

Cả dân khai hoang và lũ đi tìm vàng đều hay gây ra đủ những sơ suất ngu ngốc trong rừng già. Họ còn nhẫn tâm cướp bóc rừng già, khiến nhiều loài thú trở nên thực sự hung hãn.

Đôi lúc, để có được vài mét đất phẳng, họ cứ chặt đốn cây vô tội vạ làm một con nghiền xương⁽¹⁾ mất nơi ẩn náu, nó bèn trả thù bằng cách giết ngay một con lừa của họ, hoặc họ còn đốt tới mức lảng nhảng bám theo lợn cỏ pécari vào đúng mùa giao phối, khiến lũ lợn rừng biến thành những con quái vật dữ dằn.

Rồi còn có cả những tên ngoại bang đến từ những mỏ dầu. Chúng đến theo từng tốp, từng tốp ồn ã, mang theo vô số vũ khí đủ cho cả một tiểu đoàn, và nhắm thẳng hướng rừng già, sẵn sàng tiêu diệt bất cứ thứ gì động đậy. Chúng tự cho phép mình thả sức tấn công lũ mèo rừng, kể cả bọn thú con và những con thú cái mang bầu, và rồi, trước khi kéo nhau đi, chúng lần lượt chụp ảnh cho nhau đứng bên hàng tá bộ da giương trên cọc.

1. Biệt danh của loài trăn lớn Nam Mỹ.

Khi lũ ngoại bang bỏ đi, những bộ da nằm lại bốc mùi thối rữa cho đến khi có ai đó để tâm đem quăng chúng xuống dòng nước, và những con mèo rừng còn sống sót thì xé tan xác bọn gia súc sắp chết đói để trả thù.

Antonio José Bolívar cố gắng tránh xa chúng trong khi dân khai hoang thì tàn phá rừng già và dựng nên cái gọi là tuyệt tác của loài người văn minh: sa mạc.

Nhưng những con thú nhanh chóng hiểu ra tình thế. Những giống loài còn sống sót trở nên thông minh hơn, và, theo bước chân người Shuar và những nền văn hóa khác của vùng Amazonia, các loài thú này cũng buộc phải nhập vào cuộc di cư về phía Đông, cứ đi sâu mãi vào rừng già.

Antonio José Bolívar, giờ đây có biết bao thời gian rỗi rãi, phát hiện ra cùng một lúc rằng lão biết đọc và rằng răng lão đã hỏng mất rồi.

Lão bắt đầu thấy lo lắng về bộ răng khi nhận ra mồm miệng mình bốc mùi hôi hám và răng hàm thì đau đớn không dứt.

Lão thường xem bác sĩ Rubicundo Loachamín làm việc mỗi lần bác đến thị trấn,

hai lần một năm, nhưng lão chưa bao giờ tưởng tượng mình ngồi trên cái ghế đau khổ kia, cho tới một ngày lão không thể chịu nổi cơn đau nữa và chẳng còn cách nào khác ngoài việc tới xếp hàng ở phòng khám.

“Đơn giản thôi, bác sĩ ạ. Tôi chỉ còn lại vài cái. Tôi đã nhớ được những cái đau nhất, còn những cái ở sâu quá thì chịu. Nhớ sạch đi cho tôi với, rồi để xem giá cả một bộ răng giả đẹp thế kia bác nhé.”

Cũng chuyến đi ấy, tàu *Sucre* mang theo hai nhân viên của chính phủ, tới kê bàn ngồi ngay trước cửa tòa thị chính và người ta cho là họ tới để thu một loại thuế mới.

Viên thị trưởng buộc phải vận dụng cái vốn thuyết phục eo hẹp của mình để lôi kéo những người dân hay trốn tránh tới cái bàn của chính phủ kia. Ở đó, hai sứ thần của thứ quyền lực trung ương mặt mày sung sả thu lại các lá phiếu kín của người dân El Idilio cho cuộc bầu cử tổng thống sẽ diễn ra sau một tháng nữa.

Antonio José Bolívar cũng đến chỗ cái bàn ấy.

“Lão biết đọc không?” họ hỏi lão.

“Tôi không nhớ nữa.”

“Vậy họ nói gì đây?”

Lão ngờ vực nhòm vào mẫu giấy họ đưa cho, và bất ngờ nhận ra mình có thể giải mã được những đường ngoằn ngoèo khó hiểu kia.

“Ừ-ứng cử-cử vi-ên-viên xu-ứng-xứng đá-áng-đáng.”

“Vậy đây: lão có quyền bầu cử.”

“Quyền gì cơ?”

“Bầu cử, bằng hình thức bỏ phiếu kín áp dụng phổ thông. Để lựa chọn cho thật dân chủ một trong ba ứng cử viên cho văn phòng chính phủ tối cao. Lão hiểu không?”

“Một chữ cũng không. Quyền này hết bao nhiêu tiền?”

“Không tốn gì hết. Xét cho cùng, đấy là quyền của lão mà.”

“Thế tôi phải bầu cho ai?”

“Lão nghĩ là ai nào? Tất nhiên là cho ngài cao quý, sự lựa chọn của nhân dân.”

Antonio José Bolívar, rốt cuộc, đã bầu cho người sau này được chọn, và để đổi lại cho việc thực hành quyền lợi của mình, lão nhận được một chai Frontera.

Lão biết đọc!

Đó là phát hiện quan trọng nhất trong suốt cuộc đời lão. Lão biết đọc. Lão đã có phương thuốc giải cho thứ thuốc độc tuổi già ghê gớm. Lão biết đọc. Nhưng lão chẳng có gì mà đọc cả.

Khá miễn cưỡng, viên thị trưởng cho lão mượn vài tờ báo cũ vẫn để trưng bày, nhằm minh chứng cho mối dây liên kết không thể nào chối cãi của hắn với chính phủ trung ương, nhưng Antonio José Bolívar thấy chúng rất chán.

Toàn bộ những đoạn dài in lại bài phát biểu của Quốc hội, trong đó Ngài tôn kính Bucaram⁽¹⁾ tuyên bố rằng một thành viên tôn kính khác đích thị là một kẻ ngu độn, hay một bài báo kể lể chi tiết việc Artemio Mateluna, không hề có ác ý, giết người bạn thân nhất của mình bằng cách đâm anh ta những hai mươi nhất như thế nào, hay một bài tường thuật nhằm công kích các khán giả hâm mộ của câu lạc bộ bóng đá Manta vì đã thiến một trọng tài ngay trên sân vận động, tất cả những câu

1. Túc Abdalá Bucaram, tổng thống Ecuador từ giữa năm 1996 đến năm 1997.

chuyện ấy không đủ hấp dẫn cuốn lão vào thói quen đọc. Chúng thuộc về một thế giới tít tắp xa xôi, chẳng liên hệ gì tới những điều lão biết, và chẳng có cái gì sống được trong trí tưởng tượng của lão cả.

Một ngày đẹp trời nọ, tàu *Sucre* dỡ xuống những két bia, bình ga, và một vị linh mục kèm may mắn được các vị chức sắc giáo hội gửi tới với nhiệm vụ rửa tội cho lũ trẻ và kết thúc việc người ta sống trong tội lỗi. Sau ba ngày ở El Idilio, giáo sĩ hiểu rằng sẽ chẳng có ai đưa ông tới khu sinh sống của những người khai hoang cả. Cuối cùng, ngán ngẫm với sự dửng dưng của những vị khách hàng, ông đành ra ngồi trên bến, đợi một con tàu ghé lại đưa ông đi. Để giết thời giờ trong cái nóng giữa mùa hè, ông lấy một cuốn sách cũ trong túi ra và cố đọc, nhưng con buồn ngủ đã buộc ông phải đầu hàng.

Cuốn sách trong tay vị linh mục như một cục nam châm đối với Antonio José Bolívar. Lão kiên nhẫn chờ cho tới khi linh mục ngủ hẳn và để rơi nó xuống bên cạnh.

Đấy là cuốn sách về cuộc đời thánh Francis. Lão lén lút đọc lướt thật nhanh, có

cảm giác như mình đang gây ra một tội ác khủng khiếp.

Lão đánh vắn thành tiếng, và trong niềm háo hức muốn hiểu cho rõ những gì đọc được, lão bắt đầu lẩm bẩm rõ từng từ khi đã nắm được nghĩa của chúng.

Vị linh mục tỉnh giấc, ngạc nhiên khi thấy Antonio José Bolívar đang dí mũi vào cuốn sách.

“Có hay không?”

“Xin thứ lỗi cho tôi, thưa đức ngài. Tôi thấy ngài đã ngủ và không muốn làm phiền.”

“Lão có thấy hay không?” vị linh mục nhắc lại.

“Có vẻ như nó toàn là về các loài thú,” lão rụt rè đáp.

“Thánh Francis yêu các con thú. Và tất cả những tạo vật của Chúa trời.”

“Tôi cũng yêu chúng. Theo cách của tôi. Ngài có biết thánh Francis không?”

“Không. Chúa trời chưa ban cho ta niềm vinh hạnh ấy. Thánh Francis chết đã lâu lắm rồi. Ý ta là, thánh đã từ giã cuộc sống trên trái đất để đến sống vĩnh hằng bên Đấng tạo hóa.”

“Sao ngài biết?”

“Vì ta đọc cuốn sách ấy rồi. Đây là một trong những cuốn ta thích nhất.”

Vị linh mục nhấn mạnh những từ này khi ông vuốt ve gáy sách sờn cũ. Antonio José Bolívar lắng nghe chăm chú mê say và thấy nhói lên lòng ghen tị.

“Ngài đọc nhiều sách chưa?”

“Cũng khá khá. Lâu lắm rồi, khi ta còn trẻ và mắt chưa bị mờ, ta từng ngấu nghiến tất cả những cuốn sách lọt vào tay.”

“Và tất cả đều là về các vị thánh?”

“Không. Có đến hàng triệu hàng triệu cuốn sách trên thế giới. Bằng mọi thứ ngôn ngữ và về mọi chủ đề, bao gồm một số lẽ ra phải bị cấm hoàn toàn.”

Antonio José Bolívar không hiểu thế nào là kiểm duyệt. Mắt lão nhìn như đóng đinh vào đôi tay vị linh mục, tròn trịa trắng trẻo trên bìa sách tối màu.

“Những cuốn sách khác thì về cái gì?”

“Ta đã nói với lão rồi mà. Tất cả mọi thứ có trên đời này. Có sách về thám hiểm, về khoa học, về cuộc đời của những con người đức hạnh, về kỹ thuật, về tình yêu...”

Đây chính là thứ hấp dẫn Antonio José

Bolívar. Lão mới chỉ nghe đến tình yêu qua các bài hát, đặc biệt là những bản ballad của Julito Jaramillo, cậu trai từ khu nhà ổ chuột của Guayaquil có chất giọng đôi khi vút lên từ một chiếc đài chạy pin và khiến tất cả phải yên lặng. Theo những bài hát ấy, tình yêu giống như nhát cắn của một con ruồi trâu, chẳng ai trông thấy được nhưng ai cũng muốn tìm bắt.

“Chuyện về tình yêu thì như thế nào?”

“Ta e là không nói cho lão được. Ta mới đọc một hai cuốn thôi.”

“Không sao. Máy cuốn ấy thế nào?”

“Thì, người ta kể chuyện hai người gặp nhau, yêu nhau, và đấu tranh để vượt qua những thử thách trên đường tìm đến hạnh phúc.”

Tiếng còi rúc từ tàu *Sucre* báo hiệu sắp xuất phát, và lão chẳng dám xin vị linh mục để lại cuốn sách cho mình. Tuy nhiên thứ mà ông đã để lại cho lão chính là niềm khao khát được đọc còn to lớn hơn trước.

Lão ủ ê suy ngẫm về hoàn cảnh một độc giả chán chường, khổ sở, buồn bã của mình suốt một mùa mưa, và lần đầu tiên trong đời, lão biết thế nào là bị con thú cô đơn đeo đẳng.

Một con thú lấu cá. Nếu lão nghỉ ngơi chỉ một chút thôi, nó sẽ chộp ngay lấy giọng nói của lão và cho lão hàng bài thuyết giảng dai dẳng luôn thèm khát người nghe.

Đơn giản là lão cần phải đọc thôi, và điều đó có nghĩa là phải rời El Idilio. Có khi lão không cần đi xa lắm, biết đâu ai đó ở El Dorado có sách, và lão vất óc nghĩ cách để kiếm sách.

Khi những cơn mưa ngọt dần và rừng già lại hồi sinh một lần nữa cùng với lũ thú hoang, lão rời căn lều mang theo khẩu súng ngắn, vài đoạn dây thừng, con dao rựa mài sắc, lên đường thẳng hướng rừng xanh.

Lão ở trong rừng gần hai tuần, ở những khu có nhiều loài thú mà người da trắng thèm khát nhất.

Trên vùng đất của loài khỉ, một vùng đầy cây bụi ken chặt, lão dốc sạch nước mười hai quả dừa để làm bẫy. Lão học được thủ thuật này từ người Shuar và nó chẳng khó khăn gì. Tất cả những việc phải làm là đổ hết nước dừa ra bằng cách đục một cái lỗ chừng ba centimét, rồi thêm một cái lỗ nhỏ phía đầu kia để xuyên dây thừng qua, thắt một nút thật

chặt. Đầu kia của dây phải buộc vào một thân cây và cuối cùng là thả vài viên đá vào trong sọ dừa. Lũ khỉ, đã theo dõi tất cả từ trên cành cây cao, không thể đợi được cho đến lúc người ta quay lưng đi để đu xuống xem xem có gì trong mấy chiếc sọ dừa ấy. Chúng sẽ cầm sọ dừa lên, lắc lắc, và khi nghe thấy tiếng lạo xạo của những viên đá, chúng sẽ thọc một tay vào tìm cách lấy ra. Khi đã tóm được một viên, lũ thú tham lam này sẽ nắm thật chặt và tuyệt vọng cố rút tay ra.

Lão bày số bày của mình ra, rồi trước khi rời khu đất khỉ, lão còn đi kiếm một cây đu đủ cao, thứ cây được gọi bằng cái tên rất hợp là cây đu đủ khỉ, vì chúng cao đến mức chỉ lũ khỉ mới với tới được những quả ngọt nhất tằm đắm mình trong nắng.

Lão lắc thân cây cho đến khi hai quả dày thịt thơm lừng rụng xuống rồi mới lên đường tới vùng đất của vệt đuôi dài, vệt thường, và chim tu căng.

Lão bỏ quả vào trong túi sẵn, tìm những nơi quang quẻ trong rừng mà đi để tránh đối mặt với những con thú nguy hiểm.

Một loạt rãnh nước nhỏ dẫn lão tới một

vùng cây cỏ xanh tốt, nơi ở của ong bắp cày và nhiều tổ ong thợ, khắp nơi lổm đổm phân chim. Ngay lúc lão vừa đặt chân vào khoảng rừng rậm rạp này, một sự im lặng trùm xuống kéo dài đến vài giờ, cho tận khi lũ chim quen với sự có mặt của lão.

Lão bện hai chiếc rọ thật chắc chắn bằng thân tầm gửi và rễ của các loại cây dây leo, khi xong xuôi, lão đi tìm cây *yahuasca*.

Sau đó, lão bóp nát hai quả đu đủ, trộn phần thịt quả màu vàng thơm ngọt với nước rễ cây *yahuasca* mà lão đã đập dập ra bằng tay nắm con dao rựa, rồi lão ngồi hút thuốc, chờ cho hỗn hợp ấy lên men. Lão nếm thử. Mùi vị ngọt và sắc. Rất ưng ý, lão quyết định dựng lều bên một con suối và ăn bữa tối linh đình với món cá sông.

Ngày hôm sau lão đi kiểm tra bẫy.

Trong khu đất của loài khỉ, lão phát hiện mười hai con khỉ đã mệt lử sau những cố gắng vô ích mong rút cánh tay bị bẫy trong sọ dừa. Lão chọn ra ba đôi khỉ non, cho vào trong rọ, và giải thoát cho những con còn lại.

Sau đó, ở chỗ lão bỏ lại phần quả lên men, lão thấy hàng dãy vết đuôi dài, vết

thường, cùng nhiều loại chim khác đang say ngủ trong những tư thế kỳ cục vô lý nhất. Vài con đang cố bước đi lảo đảo, mấy con khác lại đang gắng bay lên bằng đôi cánh ngả nghiêng chập chới.

Lão cho vào rọ một đôi vẹt đuôi dài màu xanh vàng và một đôi vẹt đuôi dài *shapul*, được coi là những loài hay nói, và bỏ số chim còn lại, mong rằng chúng sẽ có một cú bùng tỉnh vui vẻ. Lão biết tình trạng say sưa ngơ ngẩn ấy sẽ còn kéo dài đến hai ngày nữa mới thôi.

Mang số chiến lợi phẩm trên lưng, lão quay trở về El Idilio, chờ cho đội thủy thủ tàu *Sucre* xếp hàng lên tàu xong xuôi mới đến chỗ viên trưởng tàu.

"Tôi cần tới El Dorado và tôi không có tiền đâu. Ông đã biết tôi rồi. Vậy hãy cho tôi đi, tôi sẽ trả tiền ông sau khi tôi bán xong chỗ thú này."

Viên trưởng tàu liếc nhìn hai cái rọ và gãi sồn sột bộ râu bao ngày không cạo rồi mới trả lời.

"Cứ đưa tôi một con vẹt nhỏ, thế là được. Đạo trước tôi có hứa với con trai một con thế này."

“Nếu vậy, tôi sẽ đưa cho ông một đôi và như thế là xong cả vé về nữa nhé. Hơn nữa, lũ chim này mà phải chia lia thì sẽ héo hon đến chết mất.”

Suốt chuyến đi, lão nói chuyện với bác sĩ Rubicundo Loachamín, kể về lý do chuyến đi này của lão. Bác sĩ lắng nghe rất hào hứng.

“Nhưng nếu lão cần vài cuốn sách, sao lão không bảo tôi mang cho? Tôi chắc là sẽ tìm được ở Guayaquil.”

“Bác thật tốt quá. Vấn đề là ở chỗ tôi chưa biết mình thích đọc loại sách gì. Nhưng khi nào tìm ra được, tôi sẽ nhờ đến bác ngay lập tức.”

El Dorado quả thực không phải là một thành phố lớn. Có khoảng một trăm ngôi nhà, hầu hết đều dựng lên dọc bờ sông, và tầm quan trọng của thị trấn chỉ nằm ở vài trại canh sát, hai văn phòng chính phủ, một nhà thờ, và một trường học công vắng bóng học sinh. Đối với Antonio José Bolívar, sau bốn mươi năm khoanh mình trong rừng già, đây chính là một cuộc trở về với cái thế giới rộng lớn mà lão từng thuộc nằm lòng.

Bác sĩ giới thiệu lão với một người có vẻ

như có thể giúp được lão nhất, bà hiệu trưởng trường học, và bác còn sắp xếp cho lão được ngủ lại trong trường, một khu nhà rộng bằng tre có bếp riêng, và đổi lại lão sẽ giúp đỡ những việc vặt trong trường và trồng một vườn rau thơm.

Khi lão vừa bán xong lư khi và vệt, bà hiệu trưởng dẫn lão tới thư viện của mình.

Lão già choáng ngợp trước khung cảnh có quá nhiều sách ở cùng một chỗ này. Bà hiệu trưởng có khoảng năm mươi cuốn sách xếp chồng lên nhau trong một cái tủ gỗ, và lão đắm mình trong cái nhiệm vụ thật dễ chịu biết bao là lướt qua từng cuốn một với sự trợ giúp của chiếc kính lúp mới sắm được.

Suốt năm tháng trời lão hình thành và trau chuốt cho mình một gu đọc sách, luôn luôn đặt ra câu hỏi và đi tìm đáp án. Lướt qua những cuốn sách giáo khoa hình học, lão thắc mắc chẳng biết có thật sự đáng để học cách đọc nó hay không, và từ những cuốn sách này lão chỉ nhớ được đúng một câu dài mà mỗi khi bực bội, lão lại buột miệng: “Trong một tam giác vuông, cạnh huyền nằm đối diện với góc vuông.” Một câu mà sau đó đã khiến người

dân El Idilio kinh ngạc, cho rằng đó là một câu nói mẹo quynh lưỡi kỳ cục hoặc một câu đùa chú bí ẩn.

Sách lịch sử đối với lão dường như là một chuỗi những lời dối trá. Làm sao những kẻ chơi bởi mặt mày xanh bủng, đeo bao tay lên tận khuỷu và quần ống túm bó chặt vào da như quần của anh hề xiếc đi trên dây lại có thể ra trận và chiến thắng được? Người ta chỉ cần nhìn vào những lọn tóc nhỏ gọn gàng bay bay trong gió là biết những ngữ ấy chẳng thể nào giết nổi một con ruồi. Và thế là lão gạt thể loại sử ký ra khỏi danh sách lựa chọn của mình.

Edmundo D'Amicis và *Những tấm lòng cao cả* khiến lão say sưa gần hết nửa thời gian lão ở El Dorado. Thật chẳng có gì lạ. Đây là một trong những cuốn sách mà người ta không dễ gì bỏ qua, và lão đọc mãi miết, chống chọi với đôi mắt đã quá mỏi, nhưng rồi cái vôi nước cứ bị mở nhiều đến nỗi một tối, lão quyết rằng chẳng ai có thể chịu đựng được đến mức ấy hay là bị xô đẩy bởi quá nhiều vận rủi đến thế. Người ta phải thực sự là một kẻ nhẩn tâm kinh khủng mới thấy thỏa mãn khi hành hạ một cậu bé tội nghiệp như là cậu nhỏ Lombardo.

Và rồi, sau khi xử lý xong gần hết cả thư viện, lão đã tìm thấy thứ thực sự yêu thích. *Rosary* của Florence Barclay chứa đầy tình yêu, tình yêu ở khắp mọi nơi. Các nhân vật trải nghiệm và hòa trộn tình yêu cùng nỗi đau hoàn hảo đến mức chiếc kính lúp của lão ướt đầm nước mắt.

Bà hiệu trưởng, không hoàn toàn chung sở thích với lão, đã cho phép lão mang cuốn sách trở về *El Idilio*, và ở đây lão đã đứng bên cửa sổ đọc đi đọc lại hàng trăm lần, cũng giống như điều lão sắp sửa làm với những cuốn sách bác sĩ vừa mang đến, những cuốn sách nằm vấy gọi lão trên chiếc bàn cao, thơ ngây trước khung cảnh hỗn loạn của một quá khứ mà Antonio José Bolívar mong được quên đi, mặc cho những giằng sâu kỷ niệm há miệng để được nỗi niềm hân hoan và đau khổ của những mối tình vượt thời gian ngập đầy.

5

Cơn mưa lớn ào xuống cùng với những cái bóng đầu tiên của buổi chiều chạng vạng và chỉ trong vòng vài phút, lão già không thể trông thấy được gì quá sỏi tay mình. Lão đặt mình xuống võng, chờ giấc ngủ tới, mơ màng trong thứ âm thanh đều đặn mà dữ dội của mưa lộp độp khắp xung quanh lều.

Antonio José Bolívar Proaño ngủ ít. Nhiều lắm là năm tiếng ban đêm và hai tiếng buổi trưa. Lão chỉ cần có thế. Lão dành toàn bộ thời gian còn lại để đọc tiểu thuyết, để ngẫm nghĩ về sự huyền bí của tình yêu, và để tưởng tượng ra khung cảnh của những câu truyện tình ấy.

Khi đọc về các thành phố như Paris, London, Geneva, lão phải cực kỳ cố gắng tập trung để hình dung xem trông chúng ra sao.

Lão mới chỉ từng một lần đến một thành phố lớn, ấy là Ibarra, và lão chỉ còn chút ký ức mờ nhạt về những con phố lát đá, những khu nhà thấp, sơn trắng, chung tường liền nhau, và cái quảng trường đầy người dạo bộ phía trước nhà thờ lớn.

Đó là tất cả những hiểu biết của lão về thế giới bên ngoài, và khi lão lần theo mạch chuyện gỡ mở ở những thành phố với cái tên nghe thật trịnh trọng và xa tít đâu đâu như Prague hay Barcelona, lão chợt nhận ra rằng một thành phố với cái tên như Ibarra được xây lên không phải để dành cho những đắm say cuồng nhiệt.

Trong chuyến đi tới Amazonia, lão và Dolores Encarnación del Santísimo Sacramento Estupiñán Otavalo đã đi qua hai thành phố khác là Loja và Zamora, nhưng cũng chỉ là cưỡi ngựa xem hoa thôi, vì thế lão không rõ liệu tình yêu có thể nảy nở được ở đó hay không.

Nhưng thứ mà lão thích tưởng tượng nhất lại là tuyết.

Khi còn bé lão đã từng thấy tuyết, nó giống như tấm da cừu trải ra để phơi khô trên gờ

miệng núi lửa Imbabura, và đôi khi lão cảm thấy một sự phí phạm không thể chấp nhận được khi các nhân vật cứ giẫm lên tuyết mà chẳng buồn bận tâm là có làm nó bẩn hay không.

Vào những đêm không mưa, lão nhắc mình dậy khỏi cái vồng, đi xuống tắm dưới sông. Rồi lão sẽ chuẩn bị phần ăn của ngày hôm ấy, rán chuối xanh thái lát, và nếu còn thịt khỉ, lão sẽ bổ sung thêm vài miếng dày ngon lành ấy vào khẩu phần thông thường.

Dân khai hoang không thích thịt khỉ. Họ không hiểu rằng cái thứ thịt dai, thớ chắc ấy còn cung cấp protein hơn nhiều so với thịt lợn hoặc thịt bò nuôi bằng cỏ voi, không gì hơn ngoài nước, hoàn toàn chẳng có mùi vị gì hết. Và, hơn thế nữa, thịt khỉ còn bắt người ta phải cố gắng nhai rất nhiều, đặc biệt là đối với những người không còn răng nữa, khiến người ta có cảm giác là mình đã ăn được nhiều mà không phiền hà đến các bộ phận khác trên cơ thể một cách không cần thiết.

Lão sẽ dốc tuột bữa ăn vào bụng bằng một cốc cà phê đại rang trên chảo sắt và nghiền bằng đá, cho thêm đường nâu và điểm chút hương vị bằng một giọt Frontera.

Vào mùa mưa, đêm dài hơn và lão thích nằm trên võng cho đến khi cơn đói hoặc cơn buồn tiểu bắt lão phải trở dậy.

Điều hay nhất của mùa mưa là lão chỉ cần xuống sông, lội trong nước, lật một vài phiến đá và thọc khuấy quanh đám bùn là chẳng mấy chốc đã có cả tá tôm càng cho bữa sáng.

Sáng nay cũng vậy. Lão cởi quần áo, thắt một đoạn dây thừng quanh hông, buộc đầu dây kia thật chắc vào một tảng đá làm cọc đề phòng dòng lũ bất ngờ hoặc một thân cây trôi ngang, rồi khi nước lên cao ngang ngực, lão dầm mình xuống.

Dưới đáy sông nước đục ngầu, nhưng đôi tay thành thực giúp lão bẫy một hòn đá lên và mò khoắng trong bùn cho tới khi lão thấy lũ tôm càng kẹp lấy các ngón tay mình bằng những bộ càng cứng chắc.

Lão trôi lên cùng cả vốc tay đầy lũ sinh vật kia đang điên cuồng giẫy giụa, và khi vừa chuẩn bị lên bờ, lão bỗng nghe tiếng kêu.

“Có xuồng! Có xuồng đang tới!”

Lão căng mắt tìm kiếm, nhưng cơn mưa khiến tất cả thành nhòe nhoẹt hết. Màn mưa trút xuống không ngơi nghỉ, dầm thẳng xuống

sông với hàng triệu cây kim nhỏ, dồn dập hung bạo tới mức chẳng kịp tạo thành những vòng tròn trên mặt nước.

Là ai mới được chứ? Chỉ có thằng điên mới dám dò dẫm trong cơn mưa xối xả thế này.

Lão nghe thấy thêm nhiều tiếng la hét và nhận ra mấy hình người mờ mờ chạy về phía bến tàu.

Lão mặc quần áo, bỏ chỗ tòm càng vào cái nôi úp sấp cạnh cửa lều và trườn lên vai một cái túi nhựa to, đi về phía đám người ấy.

Những người đàn ông rẽ sang hai bên khi viên thị trưởng tới. Tên béo cỏi trần, và mồ hôi vẫn chảy thành dòng trên người hần bên dưới chiếc ô đen to dùng.

“Cái quái gì thế này?” viên thị trưởng rít lên the thé khi bước tới gần bờ sông.

Để đáp lại, người ta chỉ về phía cái xuồng đã được neo lại trên bến. Đó là một trong nhiều con thuyền tuềnh toàng của bọn săn vàng. Đã chìm mất một nửa, con thuyền còn nổi lênh phênh được cũng chỉ vì nó làm bằng gỗ. Trên mặt thuyền, xác một người đàn ông vắt từ bên này qua bên kia, cổ họng bị xé toang và đôi cánh tay bị cào rách. Hai bàn tay

lũng lẳng bên mép thuyền, những ngón tay đã bị cá ăn mất, và hốc mắt trống trơn. Lũ chim trống núi, loài chim lông đỏ nhỏ bé mà dẻo dai, loài vật duy nhất có thể bay lượn trong cơn mưa lớn, xác nhận rằng y đã trở thành kẻ vô hồn.

Viên thị trưởng ra lệnh mang cái xác lên bờ, và khi nó đã nằm trên bến, hắn nhận ra ngay cái mồm ấy.

Đó là Napoleon Salinas, một kẻ tìm vàng chiều hôm trước mới tìm đến bác sĩ. Salinas là một trong số những kẻ hiếm hoi không muốn nhổ răng sâu đi, mà muốn hàn lại bằng những mẩu vàng. Mồm y đầy vàng, và giờ đây, trong cơn mưa đổ xuống chải mượt tóc y, bộ răng phơi ra với một nụ cười chẳng gọi nổi chút niềm thán phục.

Viên thị trưởng quay về phía lão.

"Thế nào? Lại là con mèo ấy à?"

Antonio José Bolívar Proaño ngồi xổm xuống bên cạnh cái xác, tâm trí vẫn còn mãi nghĩ về chỗ tôm càng ở nhà chẳng được đầy cẩn thận. Lão mở vết thương ở cổ, xem xét phần thịt bị xé nát trên hai cánh tay, rồi gạt đầu.

“Quái quỷ thật! Bớt đi một tên,” viên thị trưởng nhận xét. “Sớm muộn gì thì hắn cũng đi đời thôi.”

Tên béo nói đúng. Suốt mùa mưa, những kẻ tìm vàng nhốt mình trong căn lều ọp ẹp, đợi chờ khoảng hừng trời chớp nhoáng, giống như phút lấy hơi của những đám mây trước khi lại sầm sập đổ nước xuống còn sung sức hơn cả trước đó.

Bọn chúng thực hành câu nói “thời gian là tiền bạc” theo đúng nghĩa đen, và nếu như không có khoảng ngưng giữa cơn mưa, chúng sẽ chơi xì lát với những quân bài nhòn mờ hầu như chẳng còn rõ mặt, rồi sinh lòng thù ghét, ghen tức sâu xa, kẻ nào cũng muốn đặt tay lên cây dùi cui của lá K nhép, và thường trước khi dứt mưa thì vài kẻ đã biến mất tăm, bị nuốt chửng trong dòng nước xiết hoặc rùng già đói ngấu.

Thỉnh thoảng, từ trên bến tàu El Idilio, người ta lại thấy một cái xác trương phềnh dập dềnh giữa đám cành cây, thân cây cuộn trôi theo dòng nước, và cũng chẳng có ai buồn để ý đến.

Cái đầu của Napoleon Salinas gục

xuống. Chỉ có đôi tay bị rạch là cho thấy y đã gắng tự vệ.

Viên thị trưởng dốc túi kẻ xấu số ra. Hắn tìm thấy một tấm chứng minh thư đã nhòe, vài đồng xu, một cuộn thuốc lá, và một túi da nhỏ. Hắn mở túi, đếm được hai mươi mẫu vàng to bằng hạt gạo.

“Nào, chuyên gia của chúng ta kết luận gì nữa đây?”

“Giống như quý ông vậy thôi. Y rời dây đi khá muộn, và lại say bí tỉ, gặp bão, y tấp vào bên bờ chờ qua đêm. Đó cũng là lúc con mèo cái tấn công. Dù bị thương nhiều, y vẫn cố ra được tới xuống, rồi máu cứ thế chảy cho đến chết.”

“Thật vui là chúng ta có cùng suy nghĩ,” tên béo nói.

Viên thị trưởng yêu cầu một người đàn ông đứng bên giữ lấy cái ô, để hai tay hắn được thoải mái mà chia số vàng cho những người có mặt. Rồi, cầm lại chiếc ô, hắn đưa chân gạt cái xác dần dần cho tới khi cái đầu chúc xuống kéo theo cả thân người rơi xuống nước. Cái xác chìm chậm chậm, và cơn mưa khiến người ta không thể thấy được chỗ nó nổi lên trở lại.

Cảm thấy hài lòng, viên thị trưởng lắc lắc chiếc ô như thể chuẩn bị đi về, nhưng khi thấy chẳng có ai theo sau mình, và thấy họ đều đang nhìn lão già, hấn cẩu kính nhỏ bọt phì phì.

“Nào, hết diễn trò rồi. Các người còn chờ gì nữa?”

Mọi người vẫn trông về phía lão già, lão đành buộc phải lên tiếng.

“Giả sử ông gặp trục trặc khi trên thuyền vào lúc tối trời. Ông sẽ tấp vào bờ nào để chờ sáng?”

“Bờ an toàn hơn. Bờ phía chúng ta,” tên béo đáp.

“Ông đã nói rồi đấy, thưa quý ông. Bờ của chúng ta. Ta luôn tấp vào bờ bên này, vậy nếu lỡ để trôi mất xuống, ta sẽ còn một cách là tìm đường trở về làng với con dao rựa hỗ trợ. Tên Salinas khốn khổ đã nghĩ y như vậy.”

“Vậy thì có vấn đề gì chứ?”

“Rất có vấn đề đấy. Nếu ông dừng lại và nghĩ một chút, ông sẽ thấy là con thú này cũng đang ở phía chúng ta. Hay là ông nghĩ bọn mèo rừng vượt sông giữa trời đất thế này?”

Những lời của lão già làm đầy lên tiếng xì

xào bàn tán đầy lo sợ. Rồi người ta quay ra chờ đợi lắng nghe điều viên thị trưởng sẽ phải nói. Suy cho cùng, quyền hành quyền hạn của hấn cũng phải để phục vụ một vài mục đích cụ thể nào đó chứ.

Tên béo đánh hơi được không khí căng thẳng trước sự trông đợi của họ, và vờ như suy nghĩ thật lung, hấn vắn vẹo cái cổ đầy thịt bèo nhèo dưới vành ô đen. Con mưa chọt đổ mạnh thêm, và những chiếc túi nhựa che mưa dính chặt lấy những người đàn ông như thể lớp da thứ hai của họ.

“Con thú còn xa đây lắm. Lão không thấy cái khúc thịt ấy thế nào à? Không còn mất và đã bị chén đến một nửa. Trong vòng một tiếng hay thậm chí năm tiếng đồng hồ, cũng không thể nào đến mức ấy. Ta chẳng thấy có lý do gì mà phải sợ đái ra quần cả,” viên thị trưởng lên giọng vẻ vững dạ.

“Có thể. Nhưng sự thật là cái xác chưa hoàn toàn đông cứng lại, và nó cũng chẳng hề bốc mùi,” lão già vắn lại.

Lão không nói gì thêm và cũng chẳng chờ cho viên thị trưởng ý kiến gì nữa. Lão quay ngoắt người bỏ đi, trong đầu bản khoăn nghĩ

ngợi về lũ tôm càng xem nên rán hay nên luộc.

Trở về căn lều của mình, qua màn mưa, lão vẫn trông rõ hình thù phì nộn, đơn độc của viên thị trưởng bên dưới cái ô, trên bến tàu, giống như một cây nấm đen khổng lồ mọc lên từ những tấm ván gỗ.

6

Ăn xong món tôm càng ngon lành, lão già cẩn thận rửa sạch bộ răng giả, gói vào khăn tay và cất đi. Rồi lão lau bàn, ném chỗ rác thức ăn ra ngoài cửa sổ, mở một chai Frontera và chọn một cuốn tiểu thuyết.

Mưa bao bọc lão khắp bốn bề, đem lại sự riêng tư không gì sánh nổi.

Cuốn tiểu thuyết bắt đầu thật tuyệt.

Paul hôn nàng đắm đuối, trong khi người lái thuyền, kẻ đồng lõa trong những chuyến phiêu lưu của bạn mình, vờ quay nhìn một hướng khác, và chiếc gondola, được lót đệm mềm dọc hai thành, êm đềm trôi dọc những con kênh thành Venice.

Lão đọc to đoạn văn mấy lần liền.

Gondola là cái thứ gì ấy nhỉ?

Chúng trôi dọc các con kênh. Hẳn chúng

phải là thuyền hoặc xuống rồi. Và lại còn anh chàng Paul nữa, anh ta chẳng đáng trọng chút nào, vì anh ta hôn cô gái “đắm đuối” trước mặt một người bạn, kẻ đồng lõa trong phi vụ này.

Nhưng lão thích đoạn mở đầu này.

Lão cho là tác giả đã rất đúng khi làm rõ từ đầu ai là kẻ xấu. Theo đó người ta sẽ tránh được sự hiểu nhầm và đặt lòng cảm thông không đúng chỗ.

Còn về nụ hôn, thế nào là “đắm đuối”? Phải quý quyết đến mức nào mới làm được như thế?

Lão nhớ lại một vài lần lão đã hôn Dolores Encarnación del Santísimo Sacramento Estupiñán Otavalo. Có lẽ dù không lão ý thức được, nhưng một trong số mấy nụ hôn hiếm hoi ấy là đắm đuối, y như nụ hôn của anh chàng Paul trong chuyện. Dù sao, cũng chẳng có nhiều nụ hôn cho lắm, vì vợ lão hoặc đáp lại bằng những trận cười lớn hoặc bảo rằng họ thật tội lỗi làm sao.

Những nụ hôn đắm đuối. Những nụ hôn. Lão chợt nhận ra mình đã rất hiếm khi hôn, và cũng chỉ với vợ, vì hôn hít là chuyện xa lạ với người Shuar.

Đàn ông và đàn bà Shuar âu yếm nhau, ôm ấp khắp cơ thể, và cũng chẳng vấn đề gì nếu có nhiều người ở xung quanh. Nhưng thậm chí ngay giữa con yêu đương vật vã họ cũng chẳng hôn bao giờ. Người đàn bà thích ngồi lên trên người đàn ông, bảo rằng tư thế này khiến họ thấy cuộc yêu thêm sức mạnh, và như thế những khúc *anent* xuyên suốt cuộc vui càng thôi thúc nồng nàn.

Không, người Shuar chẳng bao giờ hôn cả.

Lão cũng còn nhớ có lần nhìn thấy một tên đào vàng nằm trên một người đàn bà Jibaro, một sinh vật khốn khổ chuyên bám lấy dân khai hoang và bòn tìm vàng để nài xin một ngụm rượu. Bất kỳ ai thích cũng có thể mang cô đến một góc vắng và chiếm đoạt cô. Người đàn bà tội nghiệp, bị men rượu tàn phá, không còn nhận ra người ta đang làm gì với mình nữa. Lần này kẻ săn tìm vận may đặt ngựa cô trên bãi cát và cố ấn miệng mình vào miệng cô.

Người đàn bà phản ứng như một con thú hoang. Cô xô tên đàn ông ra, ném một nắm cát vào mắt hắn, bỏ chạy, nôn mửa, bộc lộ nỗi ghê tởm thực sự.

Nếu như đây chính là nụ hôn kiểu đắm đuối, thì anh chàng Paul trong chuyện đúng là một kẻ đáng ghê tởm.

Đến trưa, lão đã đọc và ngẫm nghĩ được khoảng bốn trang, và đang lo lắng vì không thể tưởng tượng được Venice bằng đặc điểm của những thành phố khác mà lão đã hình dung ra qua những cuốn tiểu thuyết trước.

Ở Venice, rõ ràng là các con phố đều dưới nước và người ta phải đi lại bằng gondola.

Gondola. Lão mê tíu cái từ "gondola", đó sẽ là cái tên rất hợp cho chiếc xuồng của lão. Chiếc Gondola của dòng Nangaritzza.

Buổi chiều mơ ngủ bọc lấy lão lúc này đã chìm trong hàng đồng suy nghĩ, và lão đuổi mình trên võng, mỉm cười thú vị khi tưởng tượng cảnh người ta mở cửa nhà, bước ra, và rơi thẳng xuống sông.

Buổi tối, sau khi tống đầy bụng tôm càng, lão vừa chuẩn bị đọc tiếp thì có tiếng kêu la bên ngoài khiến lão không thể tập trung được, buộc phải thò đầu ra khỏi cửa trong màn mưa xối xả.

Một con lừa đang phi nước đại điên cuồng dọc lối đi nhỏ, kêu be be âm ỉ bằng cái

giọng đã khàn và đã tung bắt kỳ ai cố tóm nó lại. Sự tò mò trời dậy, lão trùm chiếc áo choàng nhựa lên vai và đi ra xem chuyện gì.

Sau cuộc chiến đấu vất vả, những người đàn ông đã quây một vòng quanh con thú đang lồng lộn chực tìm lối thoát, và vừa tránh những cú đá móng guốc vừa thu hẹp vòng tròn lại. Vài người mất thăng bằng ngã xuống, mình sưng bầm, nhưng cuối cùng họ cũng tóm được dây cương và ghìm nó lại.

Con lừa bị nhiều vết cắt sâu hai bên hông và máu đang chảy tủa ra từ một vết thương kéo suốt từ đầu đến chỗ đám lông lơ thơ trên ngực.

Viên thị trưởng, lúc này không còn ô nữa, ra lệnh ghìm chặt con vật trong khi hấn giải thoát cho nó khỏi cơn khốn khổ. Phát súng đi trúng đích. Con vật đá tung chân vài lần rồi nằm bất động.

"Nó là lừa của Alkaseltzer Miranda," ai đó lên tiếng.

Những người khác đều thừa nhận. Miranda là dân khai hoang, sống cách El Idilio chừng bảy kilômét. Ông ta không còn cày cấy gì trên mảnh đất đã bị rừng già giành lại nữa,

mà mở một cửa hiệu tuềnh toàng bán rượu, thuốc lá, muối, và Alka-Seltzer - thứ đã trở thành biệt hiệu của ông ta - nơi những tên tìm vàng kiếm nguồn tiếp tế mỗi khi không muốn đi tới tận làng.

Con lừa được thả yên, điều đó có nghĩa là người cưỡi nó đang ở đâu đó quanh đây.

Viên thị trưởng ra lệnh lập một nhóm tìm kiếm sẵn sàng để sáng hôm sau lên đường đến cửa hiệu của Miranda, rồi bảo hai người đàn ông xẻ thịt con vật.

Những con dao rựa làm việc thoăn thoắt dưới mưa. Chúng xuyên vào những thớ thịt chết đỏi, rút ra dính đầy máu, và khi chuẩn bị xuyên vào lần nữa để xử lý mấy chiếc xương cứng đầu thì đã kịp được cơn mưa xối xả rửa sạch không còn chút dấu vết.

Các súc thịt được đem đến cửa tòa thị chính, và tên béo phân phát cho những người đứng quanh.

“Lão già, lão thích miếng nào?”

Antonio José Bolívar đáp rằng lão chỉ muốn một miếng gan nhỏ, hoàn toàn ý thức được rằng sự tốt bụng của tên béo là cái cách hấn xẻ lão vào đội tìm kiếm rồi.

Lão trở về lều, trong tay cầm chắc miếng gan còn nóng hổi, trong khi những người khác đem cái đầu và những phần không ăn được của con vật ném ra sông. Đã hoàng hôn rồi, và trên nền tiếng mưa người ta có thể nghe thấy tiếng lũ chó sủa ầm ĩ tranh giành phần ruột dính đầy bùn của nạn nhân mới nhất kia.

Vừa rán miếng gan rắc thêm mấy nhánh hương thảo, lão vừa nguyên rửa cái sự kiện nọ đã dứt lão ra khỏi cái ổ yên bình lặng lẽ của lão. Giờ đây lão không còn tập trung đọc được nữa mà chỉ có thể nghĩ về chuyện viên thị trưởng sẽ dẫn đầu trong cuộc viễn chinh ngày mai.

Ai ai cũng biết viên thị trưởng đã sẵn lòng đổ kị đối với lão, và nỗi oán hận của hắn càng tăng lên kể từ hôm xảy ra chuyện với những người Shuar và cái xác tên ngoại bang.

Tên béo có thể gây khó khăn cho lão, như lão đã biết rất rõ từ một chuyện trong quá khứ.

Giận dữ, lão lấp bộ răng giả vào miệng để nhai miếng gan rán khô. Lão thường nghe nói là sự khôn ngoan đến cùng với tuổi tác, và lão chờ đợi, tin rằng sự khôn ngoan này sẽ cho lão thứ lão muốn nhất: Khả năng dẫn dắt

ký ức và khả năng tránh lọt vào những cái bẫy nhằm vào mình.

Nhưng cuối cùng, một lần nữa, lão lại sập bẫy, trở nên điếc đặc trước tiếng mưa đều đều rơi.

* * *

Vài năm đã qua, kể từ buổi sáng có một chiếc thuyền không giống bất cứ chiếc nào từng thấy trước kia tới neo lại trên bến El Idilio. Một chiếc thuyền máy đáy rộng, đủ chỗ cho cả tám người du lịch thoải mái, có hai hàng ghế xếp dọc, chứ không phải kiểu một hàng như các chuyến du lịch bằng xuồng thông thường.

Con thuyền lạ này mang tới bốn người Mỹ được trang bị đủ máy ảnh, lương thực và đủ các thứ linh tinh chẳng ai biết dùng để làm gì. Chúng bỏ ra mấy ngày để dỡ dành ve vuốt và chuốc whisky cho viên thị trưởng, cho tới khi tên béo tụt hào dẫn chúng tới căn lều của lão già và giới thiệu rằng lão là một chuyên gia địa phương về Amazonia.

Hơi thở tên béo bốc mùi và hấn cứ luôn

mồm gọi Antonio José Bolívar là bạn và là cánh tay phải của mình, trong khi đám ngoại bang chụp hình cả hai, không những thế mà còn cả bất cứ thứ gì trong tầm ngắm máy ảnh của chúng.

Không đợi mời, chúng bước thẳng vào căn lều của lão, và một trong số chúng, sau những tràng cười sắc súa, cứ nằng nặc đòi mua bức chân dung của lão với Dolores Encarnación del Santísimo Sacramento Estupiñán Otavalo. Tên ngoại bang thậm chí còn bạo gan dám tháo bức hình xuống và cho vào cái túi đeo lưng, đổi lại là một nắm tiền giấy vứt trên bàn.

Hết sức khó khăn, lão già kìm nén cơn giận điên người và cất tiếng.

“Hãy nói với thằng khốn kia rằng nếu nó không để tấm ảnh lại chỗ cũ, tôi sẽ cho nó hai viên bắn tung hòn của nó lên đấy. Và nói với nó là súng của tôi lúc nào cũng sẵn đạn.”

Lũ khách không mời mà đến hiểu tiếng Tây Ban Nha, và không cần viên thị trưởng phải giải thích thêm về ý định của lão già nữa. Bằng một giọng thân thiện, tên béo nói chúng hãy thông cảm, và giải thích rằng ở nơi này

những kỷ niệm gia đình luôn được tôn thờ; rằng chúng không nên lo lắng; những người Ecuador nói chung, và hẳn nói riêng, thực sự yêu mến người Mỹ, và nếu chúng muốn vài món đồ lưu niệm để mang đi, thì hẳn hứa danh dự là chúng sẽ có.

Ngay khi bức hình được treo lại chỗ cũ, lão già gầy chột an toàn trên súng và buộc chúng phải cuốn gói.

“Lão già điên,” viên thị trưởng rên lên cái kỉnh, “ta sẽ mất một quả đấm chỉ vì lão thôi. Chúng ta đều mất một món hời. Ông ta đã trả lại tấm hình cho lão rồi. Lão còn muốn gì nữa chứ?”

“Tôi muốn chúng biến đi. Tôi không quan hệ gì với loại người không biết tôn trọng nhà của người khác.”

Viên thị trưởng định nói thêm, nhưng khi nhìn thấy vẻ khinh khỉnh trên khuôn mặt những vị khách của mình trước khi chúng quay đi, hẳn trở nên mất bình tĩnh.

“Lão mới chính là kẻ phải cuốn gói, lão già khùng dờ.”

“Đây là nhà tôi.”

“Ồ, thật ư? Chẳng lẽ lão chưa bao giờ

thắc mắc ai là chủ cái mảnh đất mà lão dựng cái nhà rách của lão sao?”

Antonio José Bolívar bất ngờ trước câu hỏi này. Lão từng có một tờ chứng nhận sở hữu hợp pháp mang tên mình trên một mảnh đất hai héc ta, nhưng là ở cách đây vài kilômét về phía thượng nguồn.

“Nó chẳng là của ai cả. Không ai là chủ hết.”

Viên thị trưởng cười phá lên về đắc thắng.

“Chà, lão sai rồi. Tất cả đất đai bên sông, tính từ bờ cho đến một trăm mét trong đất liền, là của Nhà nước. Và trong trường hợp lão đã quên, thì ở đây ta chính là Nhà nước. Lão chưa nghe đến đoạn này đâu. Ta sẽ không quên những gì lão vừa làm, và ta không dễ dàng bỏ qua đâu.”

Lão già cảm thấy trào lên thôi thúc mạnh mẽ muốn bóp cò súng và cho hấn ăn đạn. Lão thậm chí còn hình dung ra cảnh loạt đạn kép phóng thẳng vào cái bụng phệ to tướng kia, xô hấn ngã ngửa ra sau trong khi ruột gan phèo phối và một khoảng lưng hấn nổ tung tóe.

Tên béo trông thấy tia sáng lóe lên trong mắt lão liền quyết định đã đến lúc phải tránh cho xa. Hắn lóc cóc chạy đuổi theo mấy tên người Mỹ nọ.

Ngày hôm sau chiếc thuyền đầy lớn rời bến với đoàn thủy thủ đã được bổ sung. Cùng đi với bốn tay người Mỹ là một người khai hoang và một người Jibaro được viên thị trưởng giới thiệu là các chuyên gia rừng rậm.

Antonio José Bolívar Proaño, với súng ống sẵn sàng, ngồi đợi tên béo tới viếng thăm.

Nhưng tên béo không bén mảng tới căn lều của lão. Thay vào đó, lão lại đón Onecén Salmudio, ông bạn người vùng Vilcabamaba đã tám mươi tuổi. Lão già quý ông vì họ đều là dân vùng núi tới đây.

“Có chuyện gì vậy hả, ông bạn già?” Onecén Salmudio hỏi ngay sau khi chào lão.

“Chẳng gì cả, ông bạn. Ông nói đi xem nào.”

“Tôi biết có chuyện đang xảy ra đấy, ông bạn ạ. Cóc Nhót đã đến chỗ tôi bảo tôi đi cùng đám ngoại bang vào rừng. Phải mất một lúc mới thuyết phục được hắn là ở tuổi này, tôi không thể đi đâu xa được. Cóc Nhót cứ bám

lấy tôi. Hẳn là nhải mãi, bảo là bọn ngoại bang sẽ vui mừng biết bao khi có tôi đi cùng, vì rằng tên tôi đúng kiểu ngoại bang.”

“Sao thế được, ông bạn?”

“Là thế này. Onecén là tên một vị thần của lũ ngoại bang. Nó được in trên các đồng xu con con của bọn chúng và được viết thành hai chữ, thêm một chữ cái ‘t’ ở cuối chữ thứ hai.”

“Này ông bạn, tôi không nghĩ là ông đến để kể cho tôi nghe về cái tên của ông đâu.”

“Không. Tôi đến để bảo ông phải cẩn thận. Cóc Nhót đã thù ông rồi. Ngay trước mặt tôi, hẳn còn nhờ bọn ngoại bang nói chuyện với viên thanh tra trưởng khi nào chúng trở về El Dorado và bảo ông ta cử hai viên cảnh sát địa phương tới theo dõi ông. Hẳn muốn tống cổ ông ra khỏi cái nhà này đây, ông bạn ạ.”

“Tôi có đủ đạn cho cả lũ chúng nó,” lão trấn an Onecén. Nhưng suốt mấy đêm sau đó lão không tài nào ngủ được.

Liều thuốc chữa mất ngủ đến sau đó một tuần, cùng với sự trở về của con thuyền đầy rộng. Bọn ngoại bang chẳng buồn neo thuyền cho tử tế. Chúng đâm thẳng vào những chân cọc đỡ bến tàu và chẳng buồn tháo đồ xuống.

Chỉ còn ba tên, và cả ba chạy đi tìm viên thị trưởng ngay khi đặt chân lên đất liền.

Chỉ một lát sau đó, tên béo tìm đến lão để làm hòa.

“Này, lão già, trò chuyện luôn giúp cho người ta tìm được tiếng nói chung. Những gì ta đã nói với lão đều là sự thực. Nhà của lão dựng trên đất của Nhà nước và lão không có quyền ở đây. Hơn nữa, lẽ ra ta đã bắt lão vì tội chiếm dụng bất hợp pháp, nhưng vì chúng ta là bạn bè, và vì tay này rửa cho tay kia và cả hai tay đều chùi đất, nên chúng ta phải giúp đỡ lẫn nhau.”

“Ông muốn tôi làm gì bây giờ?”

“Trước hết, hãy nghe đã. Ta sẽ nói cho lão chuyện gì đã xảy ra. Lúc bọn chúng dựng lều lần thứ hai, thằng Jibaro bỏ trốn cùng với hai chai whisky. Lão biết bọn mọi rợ này thế nào rồi đấy. Bọn nó chỉ nghĩ đến trộm cắp thôi. Thằng khai hoang bảo với chúng rằng chẳng sao cả. Lũ ngoại bang rất háo hức muốn đi sâu vào trong rừng và chụp ảnh bọn Shuar. Ta chẳng hiểu sao chúng lại thích thú cái lũ Anhđiêng trần như nhộng ấy đến thế cơ chứ. Dù sao thì thằng khai hoang vẫn dẫn chúng

đến tận chân núi Yacuambi chẳng khó khăn gì. Vậy mà chúng nói chúng bị lũ khỉ tấn công. Ta chẳng hiểu nổi một tí gì những điều bọn chúng nói, vì chúng nó cứ rối rít hết cả lên, cả ba nói cùng một lúc. Chúng nói lũ khỉ đã giết thẳng khai hoang và một người của bọn chúng. Ta không thể tin được. Ai từng nghe đến chuyện khỉ giết người chứ? Hơn nữa, chỉ tung chân một phát là hạ được cả tá khỉ rồi. Ta không hiểu gì cả. Ta đoán đó chắc là bọn Jibaro. Lão nghĩ sao?”

“Ông biết rất rõ là người Shuar luôn tránh xa mọi rắc rối. Tôi cá là bọn chúng chẳng nhìn thấy một người Shuar nào cả. Nếu như, theo lời chúng nói, anh chàng khai hoang kia dẫn bọn chúng đến tận Yacuambi, thì người Shuar đã rời khỏi đó khá lâu rồi. Và tôi nói với ông điều này nữa: lũ khỉ có tấn công đấy. Đúng là bọn chúng nhỏ thật, nhưng một ngàn con khỉ thì có thể xé một con ngựa nát thành từng mảnh đấy.”

“Ta vẫn không hiểu. Bọn ngoại bang không đi săn kia mà. Bọn chúng thậm chí còn không mang vũ khí nữa.”

“Còn rất nhiều thứ ông chưa hiểu được

đâu. Chính *tôi* đã sống bao nhiêu năm trời trong rừng rồi. Nghe đây. Ông có biết người Shuar làm gì trước khi đi vào vùng đất của khỉ không? Đầu tiên là họ bỏ hết các đồ đeo trên người ra; họ không mặc gì hết để khỏi khiến chúng nảy tính tò mò, và họ kẹp dao rựa giữa những miếng vỏ cây cọ dài đã đốt khô. Thử tưởng tượng một lũ ngoại bang, với máy ảnh, đồng hồ đeo tay, vòng xích bạc, khóa thắt lưng, dao, đúng là một trung tâm lấp lánh đầy ma lực trước bản tính tò mò của lũ khỉ. Tôi biết vùng đất khỉ và tôi biết kiểu cách của chúng. Tôi nói cho ông hay, nếu ông bỏ sót một chi tiết thôi, nếu ông còn mang một thứ dù nhỏ bé nhất mà lọt vào mắt một con khỉ và nó từ trên cây đu xuống để lấy, thì tốt nhất là hãy đưa cho nó, bất kể thứ gì. Bởi vì nếu ông chống lại, lũ khỉ sẽ bắt đầu kêu gào và chỉ vài giây sau thôi, hàng trăm, hàng ngàn con quỷ nhỏ hung dữ sẽ nhào xuống điên cuồng quấn phủ lấy ông."

Tên béo lắng nghe, vuốt mồ hôi đang túa ra.

"Ta tin lão. Nhưng đấy là lỗi của lão cả, vì lão không chịu đi dẫn đường cho chúng. Sẽ chẳng xảy ra chuyện gì nếu lão ở đó. Mà bọn

chúng lại có một lá thư giới thiệu từ ngài thống đốc nữa chứ. Ta ngấp trong mớ bong bóng này mất rồi, và lão phải giúp ta thoát.”

“Chúng cũng sẽ chẳng thêm quan tâm đến tôi đâu. Bọn ngoại bang luôn nghĩ là chúng biết tuốt mà. Nhưng ông vẫn chưa nói là cần tôi làm gì.”

Viên thị trưởng rút một chai whisky nhỏ từ trong túi ra, mời lão một ngụm. Lão già nhận lấy, chỉ để xem mùi vị thế nào, nhưng rồi ngay lập tức thấy xấu hổ vì nổi tò mò đúng y như khi của mình.

“Chúng muốn một người đi nhặt những thứ còn sót lại của tên bạn kia. Ta hứa là chúng sẽ trả rất hậu, và lão là người duy nhất có thể làm được việc đó.”

“Được thôi. Nhưng tôi chẳng cần tí gì trong những thỏa thuận của ông cả. Tôi sẽ mang về những gì sót lại của tên ngoại bang kia và chỉ cần ông để tôi được yên.”

“Tất nhiên rồi, lão già. Như ta đã nói đấy, trò chuyện giúp người ta được đồng lòng.”

Lão chẳng gặp khó khăn gì khi tìm đến chỗ đám người Mỹ cắm trại đêm đầu tiên. Rồi

lão dùng dao rửa vạch đường tới tận dãy núi Yacuambi, một vùng rừng trên cao, phong phú quả dại, nơi có mấy đội quân khi thiết lập lãnh thổ. Ở đó lão chẳng mất công lần dấu vết. Đám người Mỹ đã vút lại nhiều thứ trong chuyến đi của mình đến mức lão chỉ phải lần theo chúng để tìm đến chỗ những nạn nhân xấu số kia.

Lão tìm thấy xác người khai hoang trước. Lão nhận ra nhờ cái sọ không còn răng của anh ta. Tên Mỹ thì nằm xa hơn, cách đó vài mét. Lũ kiến đã hoàn thành nhiệm vụ một cách hoàn hảo, bỏ lại bộ xương trơn nhẵn như thạch cao. Bộ xương của tên người Mỹ xếp hạng cuối cùng trong mối quan tâm của lũ kiến. Lúc này chúng đang khiêng mái tóc vàng rom của y đi từng sợi từng sợi một, trông như thể những nữ tiểu phụ tí hon đang đốn những cây đồng để gia cố cho lối vào đường hầm tới cái tổ của mình thêm vững chắc.

Không chút vội vàng, lão đốt một điếu xì gà và hút trong khi ngắm đám sâu bọ côn trùng đang bận rộn, thờ ơ với sự có mặt của lão. Chợt nghe thấy một tiếng động phía trên, lão không thể không bật cười phá lên. Một con khỉ bé tí từ trên cây rơi nhào xuống vì bị kéo xệ

bởi sức nặng của chiếc máy ảnh mà nó vẫn đang cố bám giữ thật chặt.

Điều xì gà cháy hết. Với con dao rựa, lão giúp lũ kiến gọt vết sạch nốt cái sọ rồi bỏ tất cả xương vào chiếc túi đi rừng.

Lão cố tìm được duy nhất một thứ còn lại thuộc về tên Mỹ khốn khổ kia: cái dây lưng với mặt khóa hình móng ngựa bằng bạc mà lũ khỉ không tài nào mở ra được.

Lão quay trở về El Idilio và đưa trả những thứ còn lại đó; viên thị trưởng để cho lão sống yên ổn, và lão chỉ cần có thế, vì đó là thứ mang đến cho lão những phút giây thư giãn bên sông, đứng tựa vào chiếc bàn cao mà chậm rãi đọc những câu truyện tình.

Và bây giờ sự bình yên ấy một lần nữa lại bị đe dọa bởi viên thị trưởng, kẻ đang ép lão tham gia vào đội tìm kiếm, và hơn cả là bởi những móng vuốt sắc nhọn đang lẫn trốn đâu đó trong sâu thẳm rừng già.

7

Đội tìm kiếm tập hợp khi tia sáng chói lòa đầu tiên của bình minh xuyên qua những đám mây. Vừa đi vừa nhảy tránh những vũng nước mưa, những người đàn ông lần lượt đến, chân không, và ống quần thì xắn cao đến đầu gối.

Viên thị trưởng lệnh cho vợ đai họ cà phê và những lát chuối xanh rần trong khi hắn phát đạn cho họ để nạp vào súng. Ba băng kép, cùng với một nắm xì gà, diêm, và một chai Frontera cho mỗi người.

“Tất cả đây đều do Nhà nước trả tiền. Khi nào quay về, các người sẽ phải ký vào hóa đơn cho ta.”

Những người đàn ông ăn và uống ngum rum đầu tiên trong ngày để đốt nóng bộ máy cơ thể mình.

Antonio José Bolívar Proaño phần nào

vẫn tách biệt khỏi nhóm và không hề chạm đến cái đĩa thức.

Lão đã ăn sáng từ sớm và lão biết sẽ khó chịu biết bao nhiêu nếu phải đi săn với một cái bụng no nê. Một người đi săn lúc nào cũng nên lên đường với cái bụng hơi đói một chút, vì cơn đói sẽ chuốt sắc các giác quan. Lão mài con dao rựa, chốc chốc lại nhỏ nước bọt lên lưỡi dao, rồi nheo một mắt lại nhìn nó để kiểm tra độ sắc.

“Vậy kế hoạch của ông là thế nào?” một người hỏi.

“Đầu tiên là đến chỗ Miranda. Sau đó hãy xem đã.”

Tên béo rõ ràng không phải là một nhà chiến lược cực kỳ. Sau khi kiểm tra một cách phô trương khẩu Smith&Wesson vốn được dân địa phương gọi là *mitigueso*, hắn tự nhồi mình vào bộ đồ vải dầu màu xanh làm nổi rõ thêm những đường nét phì nộn của hắn.

Cả bốn người kia, không ai nói một câu gì. Họ đang tận hưởng niềm thích thú ngắm hắn túa mồ hôi như một cái vòi hoen gỉ không ngừng nhỏ nước.

Ông sẽ thấy ngay thôi, Cóc Nhót ạ. Ông

sẽ thấy nóng bức đến mức nào trong cái áo vải dầu đó. Rồi ông sẽ tự nướng mình đến nổi nổ cả hai hòn ra trong ấy mất thôi.

Chỉ trừ viên thị trưởng, ai cũng đi chân không. Mấy chiếc mũ rom đã được cho vào túi nhựa; xì gà, đạn, và diêm nằm an toàn trong các túi con bằng vải bạt trắng cao su. Họ khoác những khẩu súng sẵn chưa nạp đạn lên vai.

“Xin thứ lỗi, nhưng đôi ủng cao su này sẽ gây khó khăn khi đi lại đấy ạ,” một người lên tiếng.

Tên béo vờ như không nghe thấy và phát lệnh lên đường.

Họ nhanh chóng bỏ ngôi nhà cuối cùng của El Idilio lại phía sau và tiến thẳng vào rừng rậm. Ở đó mưa bớt sầm sập hơn nhưng nước mưa thì chốc chốc lại ào xuống từng dòng nặng trĩu. Con mưa không thể nào xuyên qua nổi vòm lá dày của rừng già. Nước mưa tích tụ lại trên lá, và khi các cành cây không chịu nổi sức nặng nữa thì đổ ào xuống, mang theo đủ thứ mùi.

Tiến độ của họ khá chậm chạp vì bùn đất và những cành, những cây cứ xòa xuống lối đi nhỏ hẹp bằng một thứ sinh lực tươi mới.

Họ chia thành các nhóm nhỏ để đẩy nhanh tốc độ. Phía trước, hai người mở lối bằng dao rựa, theo sau là viên thị trưởng thở phì phò và ướt đầm đìa từ trong ra ngoài, và hai người còn lại đi sau rớt thì phát sạch những lá cỏ đã trốn thoát khỏi hai lưỡi dao đi trước.

Antonio José Bolívar là một trong hai người gác phía sau.

"Nạp đạn đi. Nên đề phòng là hơn," tên béo ra lệnh.

"Tại sao chứ? Tốt hơn là nên giữ cho đạn khô trong túi."

"Ở đây ta là người ra mệnh lệnh."

"Bất cứ điều gì ông nói thôi, thưa quý ông. Suy cho cùng, đạn được là tiền của Nhà nước mà."

Bốn người vờ như nạp đạn vào súng.

Sau năm giờ đi bộ, họ mới giải quyết được hơn một kilômét một chút. Hết lần này đến lần khác, họ phải dừng lại chỉ vì đôi ủng của tên béo. Chân hắn liên tục ngập lút vào trong bùn cùng tiếng kêu ùm ụp của đất nhão, cứ như là nó sắp nuốt chửng cái thân thể phì nộn ấy, và hắn cứ luống cuống ngo ngoáy thì thụp khiến thân người càng chìm xuống sâu

hơn nữa. Cả bốn người phải tóm chặt cánh tay hấn mà kéo lên, để rồi chỉ đi được thêm vài bước nữa là hấn lại ngập trong bùn đến tận đầu gối.

Đột nhiên, hấn mất một chiếc. Cái chân không của hấn nhấc lên, tái nhợt và nhẹ bẫng, nhưng để giữ thăng bằng hấn lập tức cầm lút chân xuống cái hố mà chiếc ủng đã biến mất.

Lão già và người cùng đi phía sau cố giúp hấn thoát ra.

“Ủng của ta! Tìm ủng cho ta,” tên béo ra lệnh.

“Bọn tôi đã báo trước với ông là chúng sẽ cản trở mà. Nó mất rồi. Bắt chước bọn tôi đây; dẫm lên cành cây khô mà đi. Ông sẽ thấy đi chân không dễ hơn nhiều, và nhanh hơn nữa.”

Nổi giận, viên thị trưởng cúi sấp xuống, cố gắng đào bùn lên bằng hai tay không. Vô ích. Hấn chỉ bóc lên được vài nắm bùn đặc đen nhớt, chẳng thấm tháp gì đối với mặt bùn phẳng lặng.

“Nếu là ông tôi sẽ chẳng làm thế,” một người nói. “Ông không biết được cái giống kinh dị gì đang nấu dưới ấy đâu.”

“Đúng vậy,” lão già thêm. “Như bọ cạp chẳng hạn. Chúng tự chôn mình dưới ấy suốt cho tới khi mưa tạnh, và chúng không thích bị làm phiền đâu. Bọn ấy rất hung dữ.”

Viên thị trưởng, vẫn còn lom khom, phóng về phía họ một ánh mắt căm thù.

“Chúng mày nghĩ tao nuốt trôi những lời lẽ vớ vẩn ấy à? Chúng mày định dọa tao bằng mấy chuyện đàn bà xó bếp đấy sao?”

“Không, thưa quý ông. Hãy đợi một chút.”

Lão già chặt một cành cây, chẻ một đầu thành cái nĩa, rồi đâm nhiều lần xuống đám bùn nổi bọt. Khi lão nhấc nó lên và cẩn thận gạt sạch bằng dao rựa, một con bọ cạp lớn rơi xuống đất. Mình nó đầy bùn, nhưng cái đuôi mang nọc độc dựng thẳng đứng thì trông rất rõ.

“Ông thấy chưa? Với mồ hôi mồ kê thế kia thì ông cũng chỉ là một mẩu thức ăn miễn cho cái giống này thôi.”

Viên thị trưởng không nói năng gì nữa. Hắn chăm chăm nhìn con bọ cạp đang cố lặn trở lại xuống mặt bùn tĩnh lặng và bình yên của nó, rút khẩu súng lục ra, xả liền sáu viên

đạn vào con côn trùng. Rồi, hấn tháo chiếc ủng bên chân kia ra, liệng vào bụi cây.

Bây giờ, cùng với tên béo đi chân không, tốc độ đi của cả nhóm đã nhanh hơn, nhưng cũng chỉ được một chút thôi, vì họ phải tốn thời gian leo dốc. Tất cả đều trèo lên rất dễ dàng rồi dừng lại để nhìn viên thị trưởng hí hục với cả tứ chi, tiến hai bước thì trượt lùi bốn bước.

“Khi leo dốc thì phải dùng móng ấy, thưa quý ông,” một người gào lên. “Nhìn bọn tôi làm đây này. Xoải chân thật rộng ra trước khi đặt bàn chân xuống đất. Ông đang đi hai đầu gối bằng nhau cứ như một bà sơ đi qua sỏi chọi gà vậy. Dang rộng ra và dùng cái bàn tọa ấy.”

Tên béo, hai tròng mắt đã hằn những tia máu đỏ căm thù, cố bò lên theo cách của mình, nhưng thân hình húp húp khiến hấn cứ tụt xuống mãi, cho tới khi những người đàn ông phải xếp thành hàng mà kéo hấn lên, chuyển hấn từ tay người nọ sang tay người kia.

Đoạn đường xuống dốc thì khá nhanh. Viên thị trưởng bắt bốn người ngồi xuống, hoặc phía trước hoặc phía sau hấn. Hấn luôn đến đích đầu tiên, mình đẩy những bùn và vụn cây cỏ.

Sẩm tối, những đám mây giông lớn tụ lại trên trời. Họ không nhìn thấy, nhưng đoán được sự có mặt của chúng nhờ bóng tối phủ xuống khiến rừng già càng trở nên khó thâm nhập.

“Chúng ta không thể đi tiếp được. Không thấy cái gì hết,” viên thị trưởng nói.

“Có lý đấy,” lão già đáp.

“Được, vậy chúng ta dừng ngay ở đây,” viên thị trưởng ra lệnh.

“Mọi người ở lại đây. Tôi sẽ đi tìm chỗ nào an toàn. Không lâu đâu. Hút thuốc đi, để tôi còn tìm được đường quay lại.” Lão già đưa khẩu súng của mình cho một người trong nhóm. Rồi lão đi, bóng tối nuốt chửng lão, còn những người ở lại đứng túm tụm hút xì gà, khum khum lòng bàn tay che chắn.

Lão không tốn nhiều thời gian tìm ra khu đất bằng phẳng. Lão đi quanh chỗ ấy, đo đếm bằng sỏi chân và thăm dò đám cây dại bằng lưỡi dao. Chợt con dao rựa dội lại một tiếng rung kim khí và lão già thở phào thỏa mãn. Lão tìm được trở lại chỗ cũ nhờ mùi thuốc lá, báo rằng đã tìm được chỗ có thể nghỉ đêm.

Tất cả cùng đến khu đất cao ấy, và hai

người bắt đầu đi chặt những lá chuối dại. Số lá ấy họ phủ lên mặt đất và ngồi xuống thưởng thức một phần Frontera xứng đáng.

“Tiếc là chúng ta không đốt được một đồng lửa. Sẽ an toàn hơn nhiều nếu có một đồng lửa,” viên thị trưởng phản nài.

“Như thế này tốt hơn,” một người nói.

“Ta không thích thế này. Ta không thích bóng tối. Ngay cả bọn mọi rợ cũng tự biết bảo vệ bằng lửa cơ mà,” tên béo nói bằng giọng nài xin.

“Nghe đây, thưa quý ông, ở đây chúng ta được an toàn. Nếu con thú kia có lảng vảng đâu đó gần đây, chúng ta không thấy được nó, nhưng nó cũng chẳng thấy gì hết. Nếu đốt lửa lên, chúng ta sẽ cho nó cơ hội nhìn thấy chúng ta, mà chúng ta vẫn không thể thấy được nó vì bị ánh lửa làm lóa mắt. Đừng có lo nữa và cố ngủ đi. Tất cả đều cần nghỉ ngơi thật tốt. Và hơn cả là phải giữ yên lặng!”

Những người khác gật gù đồng ý với lão già và, sau cuộc hội ý ngắn, đồng ý thay phiên nhau canh gác. Lão sẽ canh phiên đầu tiên và có trách nhiệm đánh thức người thay phiên mình.

Nỗi kiệt sức vì chuyển đi rừng nhanh chóng xâm chiếm tất cả. Họ nằm ngủ cuộn tròn hai tay ôm lấy hai chân, mũ che mặt. Tiếng mưa rơi khò lấp hơi thở khẽ khàng của họ.

Antonio José Bolívar ngồi khoanh chân, lưng tựa vào một thân cây. Chốc chốc lão vuốt ve lưỡi dao và lắng nghe chăm chú âm thanh của rừng già. Tiếng đập nước liên tục của một thứ gì đó rất lớn cho lão hay rằng họ đang ở gần một nhánh sông hoặc một khúc suối rộng. Vào mùa mưa, cứ mỗi cơn mưa lại đội vô số côn trùng trên cành cây xuống, và lũ cá lại được ăn uống no say. Chúng nhảy tung lên vui sướng, tọng đầy bụng cho tới khi no nề thỏa mãn.

Lão vẫn nhớ lần đầu tiên nhìn thấy một con cá sông thật sự. Hồi ấy đã lâu lắm rồi, khi lão còn là một tay mơ với rừng già.

Một chiều đi săn, lão ngửi thấy người mình bốc mùi vì đầm đìa mồ hôi, và khi lão tới gần một con suối, tất cả những gì lão ao ước chỉ là được đắm mình xuống nước. May thay, một người Shuar kịp thời trông thấy và hét lên.

“Đừng nhảy xuống. Nguy hiểm đấy.”

“Piranha ư?”

Anh chàng Shuar giải thích rằng chúng không phải là loài nguy hiểm. Piranha sống tập trung ở vùng nước sâu lơ lờ, không bao giờ ở nơi có dòng chảy nhanh. Chúng là loài cá biếng nhác và chỉ trở nên linh hoạt khi bị con đoi thôi thúc hoặc khi thấy mùi máu. Rõ ràng là lão chưa bao giờ gặp vấn đề với cá piranha cả. Lão học từ người Shuar cách bôi nhựa cây cao su lên khắp người để khiến chúng phải tránh xa. Nhựa cao su rất ngứa ngáy, nóng rát, như chỉ chực lột da người ra, nhưng những phản ứng đầu tiên ấy biến mất ngay khi gặp nước mát, và lũ piranha bơi xa ra ngay khi chúng thoáng thấy có mùi ấy.

“Kinh khủng hơn cả piranha,” anh chàng Shuar nói, và với một cái khoát tay, anh chỉ về một chỗ trên mặt nước. Antonio José Bolívar nhìn thấy một thân hình tối sẫm dài hơn một mét vọt bơi qua.

“Cái gì thế?”

“Một con cá trê to.”

Một con cá khổng lồ. Sau này lão bắt được vài con cá trê dài đến hai mét, nặng phải

hơn bảy mươi cân, và lão cũng phát hiện ra chúng vô hại, nhưng sự thân thiện của chúng lại dễ gây chết người.

Khi nhìn thấy có người bơi trong nước, chúng sẽ lao tới để vui đùa, chúng quấy đuôi mạnh tới mức có thể làm gãy xương sống của người ta như chơi.

Có lẽ tiếng quấy nước liên tục mà lão đang nghe thấy đây là của một con cá trê lớn đang nhét cho đầy bụng các loại mối, ong nghệ, bọ que, châu chấu, dế, nhện, hoặc những con rắn bay mảnh dễ bị cơn mưa lớn cuốn trôi.

Đó là tiếng động đầy sức sống giữa đêm đen. Như người Shuar vẫn nói: Ban ngày là người và rừng. Ban đêm, người là rừng.

Lão lắng nghe chăm chú cho tới khi nó lặng dần.

Người gác kế tiếp thức dậy sớm. Vừa đi anh ta vừa vắn người khiến xương kêu răng rắc.

“Tôi ngủ đủ rồi. Đi nằm một chút đi. Chỗ tôi nằm còn ấm và dễ chịu đấy.”

“Tôi không mệt. Tôi thích ngủ lúc sáng sớm hơn.”

“Có cái gì nhảy nhảy trên nước phải không?”

Lão già vừa định kể cho anh ta về con cá, thì một tiếng động phát ra từ lùm cây cắt ngang.

“Lão có nghe thấy không?”

“Yên. Yên.”

“Có thể là gì được nhỉ?”

“Tôi không biết. Nhưng nó khá to. Đi gọi mọi người dậy nhưng đừng gây tiếng động đấy.”

Anh chàng chưa kịp đứng dậy thì cả hai đã bị lóa mắt bởi luồng sáng trắng chói cùng bao nhiêu ánh phản chiếu từ lùm cây ướt đầm.

Đó là viên thị trưởng, bị tiếng động đánh thức, đã mang cây đèn pin tới.

“Tắt đi,” lão già gầm gọng.

“Tại sao? Có gì đó ở đây, ta muốn xem đó là cái gì,” tên béo đáp lại, lia ánh đèn khắp tứ phía và lên đạn.

“Tôi nói là ông hãy bỏ cái của ấy xuống!” lão già hất cây đèn trên tay viên thị trưởng xuống.

“Lão làm cái quái...”

Lời của tên béo chìm đi trong tiếng đập cánh ồn ã, và một dòng chất lỏng hôi thối đổ xuống đầu tất cả.

“Xin chúc mừng. Chúng ta phải đi ngay, nếu không bọn kiến sẽ tới giành giựt chỗ cút tươi này ngay tức thì.”

Viên thị trưởng chờ người không nói năng. Hắn mò mẫm lấy cây đèn và dò bám theo cả nhóm khi tất cả rời khỏi chỗ nghỉ đêm.

Mọi người nguyên rửa sự ngu ngốc của tên béo, lầm bầm trong hơi thở.

Họ đi thật xa, tới tận một khoảng rừng thưa, nơi cơn mưa ào ạt đổ xuống quất thẳng vào người.

“Cái gì thế? Chuyện gì vậy?” tên béo hỏi ngay khi hắn dừng lại.

“Cút. Ông không ngủi được à?”

“Ta biết là cút. Trên đó là một bãi khi à?”

Một màn sáng mờ đục bắt đầu rơi tủa lên bóng dáng những người đàn ông và khoảng rừng xung quanh.

“Trong trường hợp nó còn có ích cho ông, thưa quý ông, thì khi nghỉ lại đêm trong rừng người ta phải chọn một chỗ có cây bị cháy hoặc cây đã hóa đá. Lũ dơi tụ tập ở đó, và chúng là loại chuông báo hiệu tốt nhất. Bằng cách bay đi theo hướng ngược với tiếng động chúng ta nghe được, những con thú nhỏ này sẽ cho ta biết

tiếng động từ đâu đến. Nhưng quý ông đây, với chiếc đèn quý báu và cái mồm toang toác, đã xua chúng đi mất rồi, và chúng còn tuổi đâm phân lên bọn ta nữa chứ. Giống như tất cả các loài thú gặm nhấm khác, chúng rất nhạy cảm; chỉ cần một dấu hiệu nguy hiểm nhỏ nhất chúng cũng sẽ tổng ra sạch sẽ những gì có trong người để được càng nhẹ càng tốt. Thôi, lau chùi cho sạch đi, kéo bọn muỗi sẽ thịt ông đấy.”

Viên thị trưởng bắt chước mọi người gột sạch đám phân dơi hôi thối trên người. Khi tất cả xong xuôi, thì ánh sáng cũng đã đủ để họ tiếp tục hành trình.

Họ đi suốt ba tiếng đồng hồ, vẫn về hướng Đông, vượt qua những khúc suối rộng, các khe núi, những khoảng rừng thưa nơi họ vừa đi vừa ngựa cổ, há miệng đón nước mưa mát lạnh, cho đến khi gặp một cái vịnh bé, họ dừng lại kiếm thứ gì lót dạ.

Họ gom nhặt hoa quả và tôm càng, thứ tên béo đã từ chối không chịu ăn sống. Vẫn còn lên mình trong bộ đồ vải da dầu màu xanh, hấn run rẩy vì lạnh và phàn nàn rằng không thể đốt lửa được.

“Sắp đến nơi rồi,” một người lên tiếng.

“Đúng vậy. Nhưng chúng ta sẽ đi tránh sang một bên, vòng đến đó từ phía sau. Sẽ dễ hơn nếu đi lần theo sông, nhưng nó là một con thú thông minh và hẳn đang chờ ở đó để khiến bọn ta bất ngờ,” lão già nhận định.

Những người khác đều đồng ý và vượt xuôi đồ ăn cùng những ngum Frontera lớn.

Khi họ nhìn thấy tên béo tắt tả đi tới núp mình phía sau bụi cây gần đó, họ huých nhau.

“Quý ông đáng kính không muốn cho bọn mình thấy móng vuốt của hắc kìa.”

“Hắc ngu ngốc đến mức rồi sẽ ngồi lên một tổ kiến mà cứ tưởng là hố xí cơ đấy.”

“Tôi cá là hắc sẽ xin ít giấy chùi đít nữa cơ,” ai đó lại thì thầm, làm rõ lên những tiếng cười hức hức cố nén.

Sau lưng hắc, người ta pha trò chế giễu Cóc Nhót, cái tên mà người ta chẳng bao giờ quên gọi mỗi khi vắng mặt hắc. Nhưng trận cười của họ bị cắt ngang bởi một tiếng hét kinh hoàng, ngay sau đó là một loạt súng bắn điên cuồng. Sáu phát hào phóng từ một khẩu súng ngắn giờ trở thành đạn.

Viên thị trưởng xuất hiện, vừa kéo quần vừa hét lên với họ.

“Đằng kia! Đằng kia! Ta đã trông thấy nó. Nó ở ngay phía sau, định tấn công ta, chắc có vài viên trúng nó rồi. Đằng kia! Đuổi theo nó, tất cả đuổi theo!”

Tất cả nạp đạn và nhanh chân đuổi theo phía tên béo chỉ. Họ bám theo vết máu rớt lộ liễu, thứ càng làm tăng thêm niềm háo hức của viên thị trưởng, và cuối cùng đến chỗ một con thú có cái mũi dài đang quần quai giãy chết. Bộ lông lốm đốm màu vàng đẹp đẽ bị nhuốm đầy bùn và máu. Con vật nhìn họ với đôi mắt mở to và tiếng rên rỉ yếu ớt thoát ra từ cái mõm dài hình kèn trompet.

“Nó là một con thú vồi. Tại sao ông không chịu nhìn trước khi bóp cò cái thứ đồ chơi chết tiệt kia hả? Giết thú vồi là điềm xấu lắm. Ngay cả bọn đàn độn cũng biết rõ như vậy. Nó là con thú vô hại nhất trong khắp khu rừng này.”

Họ đều cúi đầu, động lòng trước số phận tội nghiệp của con thú, trong khi tên béo nạp thêm đạn, thậm chí còn chẳng thèm thanh minh.

Quá nửa ngày họ đã trông thấy tám biển Alka-Seltzer phai màu chỉ cửa hiệu của

Miranda. Đó là một tấm thiếc màu xanh hình vuông với những chữ cái gần như không thể đọc được nữa mà chủ hiệu đã đóng đinh cao trên một thân cây bên cạnh căn lều.

Họ tìm thấy người đàn ông đi khai hoang ấy ở cách cửa lều vài mét. Lưng bị rách banh ra; hai vết móng cào từ xương vai cho tới tận thắt lưng. Vết thương sâu trên gáy làm lộ hẳn ra chỗ xương sống đốt cổ.

Người đàn ông nằm sấp mặt, tay vẫn nắm chặt con dao rựa.

Không bận tâm đến thứ kiến trúc ma thuật của lũ kiến, sau một đêm đã xây dựng được một chiếc cầu bằng lá và nhánh cây để tiện xử lý cái xác, họ lôi nó vào trong cửa hiệu. Bên trong, một cây đèn dầu còn leo lét và mùi mỡ cháy tỏa khắp lều.

Khi tới gần chiếc bếp lò đốt dầu, họ phát hiện nguồn gốc của thứ mùi ấy. Bếp vẫn còn ấm. Nó đã dùng đến giọt nhiên liệu cuối cùng và đốt cháy cả bắc. Cái chảo trên bếp vẫn còn hai cái đuôi cự đà đã thành than.

Viên thị trưởng xem xét cái xác.

"Ta không hiểu. Miranda là một tay già đời ở đây, chẳng phải là kẻ dễ run sợ. Nhưng

có vẻ như hấn đã sợ tới mức không kịp nghĩ đến chuyện tắt bếp. Tại sao hấn không khóa trái cửa ở trong nhà khi nghe thấy tiếng con mèo rừng ấy? Khẩu súng còn treo kia. Tại sao hấn không dùng?”

Tất cả đều có chung những câu hỏi ấy.

Viên thị trưởng lột chiếc áo vải dầu ra, một dòng mồ hôi chảy ồ xuống khiến lão ướt sũng cho tới tận ngón chân. Vừa nhìn cái xác, họ vừa hút xì gà và uống rượu. Một người bắt đầu sửa lại cái bếp lò, và, với sự cho phép của tên béo, họ mở mấy hộp cá mòi.

“Ông ấy là người không đến nổi tệ, thật đấy,” một người nói.

“Từ khi bà vợ bỏ đi, ông ta cô đơn hơn cả cây gậy chống của người mù,” người khác nói thêm.

“Hấn có người thân gì không?” viên thị trưởng hỏi.

“Không. Ông ta đến đây với em trai, nhưng người em đã chết vì sốt rét mấy năm trước rồi. Vợ ông ta bỏ đi với một tay chụp ảnh du lịch, người ta nói bà ấy đang sống ở Zamora. Có thể bác trưởng tàu biết bà ấy ở đâu đấy.”

“Ta đoán hần cũng phải kiếm chác khá từ cửa hiệu. Các người có biết hần làm gì với số tiền kiếm được không?” viên thị trưởng lại hỏi.

“Tiền ấy à? Ông ta bài bạc hết cả, còn không gỡ lại nổi để mà lấy hàng nữa. Ông không để ý thôi chứ ở đây là như vậy cả. Rừng già khiến bọn tôi buồn chán phát ngấy lên. Nếu không có mục đích gì cụ thể để nhắm vào, thì bọn tôi sẽ chỉ suốt ngày lang thang đi đi lại lại lòng vòng mà thôi.”

Tất cả gật đầu xác nhận cùng với một niềm tự hào kỳ quái. Đúng lúc ấy lão già bước vào.

“Ngoài kia còn một cái xác nữa.”

Họ chạy vội ra và, dầm mình trong mưa, trông thấy xác chết thứ hai. Y nằm ngửa với cái quần tụt xuống. Hai vai đầy vết móng vuốt và cái cổ họng bị xé toạc đã trở thành hình ảnh quen thuộc. Con dao rựa cắm xuống dưới đất cạnh đó cho thấy y đã không kịp dùng đến nó.

“Tôi nghĩ là tôi đã hiểu rồi,” lão già nói.

Họ đứng quanh cái xác, và qua biểu hiện của viên thị trưởng, họ thấy là tên béo cũng đang cuống quýt tìm kiếm lời giải cho chuyện này.

“Cái xác này là Plascencio Puñán, một người thuộc dạng ít giao thiệp. Cả hai hẳn đang chuẩn bị ăn uống với nhau. Mọi người có thấy mấy cái đuôi cự đà cháy đen không? Chắc Plascencio đã đem chúng đến. Quanh đây chẳng có con cự đà nào cả, vậy chắc y đã bắt chúng trong chuyến đi rừng mấy ngày trước đó. Mọi người không biết y. Y là một kẻ đi thăm dò. Y muốn đá quý. Y không có ý đồ kiếm vàng, giống như hầu hết những thằng điên đi theo con đường này; y cho là người ta có thể tìm thấy ngọc lục bảo nếu đi sâu vào trong rừng. Tôi còn nhớ y nói chuyện về Colombia và những viên đá xanh to bằng nắm tay. Tên khốn đáng thương. Hẳn y muốn đi giải quyết và phải ra ngoài. Đó là lúc con thú phát hiện ra y, núp xuống, dựa vào con dao rựa của y. Mọi người có thể thấy nó đã tấn công trực diện như thế nào rồi đấy, đâm ngập móng vuốt vào vai y và cắn ngập răng vào cổ họng y. Có lẽ Miranda đã nghe thấy tiếng kêu la và chạy ra, kịp trông thấy đoạn kinh khủng nhất. Ý nghĩ duy nhất của ông ta là thắng lừa bỏ chạy. Nhưng rồi ông ta cũng chẳng chạy được bao xa.”

Một người lật cái xác sắp xuống. Những mẫu phân còn bám đầy lưng y.

“Thì, ít nhất y còn kịp đi ỉa,” anh ta nói, và họ bỏ cái xác nằm úp mặt lại đó, để cơn mưa dữ dội rửa sạch dấu vết hành vi cuối cùng của y trên trần gian.

8

Họ bỏ cả buổi chiều còn lại để xử lý hai kẻ xấu số.

Sau khi quấn hai cái xác trong tấm võng của Miranda, cho chúng úp mặt vào nhau, để khi đi vào cõi vĩnh hằng cả hai không thành những kẻ xa lạ, họ khâu chặt lại và buộc các tảng đá to vào mỗi góc.

Họ lôi cái bọc tới cái đầm gần đó, nâng lên và đu qua đu lại lấy đà trước khi quăng nó vào giữa đám lau sậy và hoa hồng đầm lầy. Cái bọc sủi bọt chìm xuống, kéo theo cả những cây cỏ tang ma và những con cóc còn đang kinh ngạc.

Họ trở về cửa hiệu khi bóng tối đã phủ lấy khu rừng, và tên béo bắt đầu sắp xếp phiên canh gác.

Hai người sẽ thức, và hai người khác sẽ thay thế sau bốn tiếng đồng hồ. Còn bản thân hắn thì sẽ được ngủ thẳng giấc tới sáng.

Trước khi đi ngủ, họ nấu cơm và rán chuối xanh, và sau bữa tối Antonio José Bolívar rửa sạch bộ răng giả trước khi gói vào chiếc khăn tay. Mấy người kia trông thấy lão ngần ngừ một chút, rồi, trước sự ngạc nhiên của họ, lão lấp nó trở lại vào mồm.

Vì thuộc vào phiên canh đầu, lão giữ lấy cây đèn dầu.

Người đàn ông gác cùng dõi theo lão đầy khó hiểu khi lão di chiếc kính lúp qua những ký hiệu in trên các trang giấy.

“Này bạn già, lão biết đọc thật à?”

“Một ít.”

“Lão đang đọc gì thế?”

“Tiểu thuyết. Nhưng yên nào. Hề ông nói là đèn bập bùng và chữ nghĩa cứ như nhảy loạn cả lên.”

Người đàn ông lùi ra tránh làm phiền lão, nhưng có vẻ như lão già đắm chìm hết cả tâm trí vào cuốn sách đến mức ông ta không thể bỏ qua được.

“Chuyện về cái gì thế?”

“Tình yêu.”

Nghe được câu trả lời, ông ta xích lại gần, đầy hứng thú.

“Không đùa đấy chứ? Có những cô em bé bỏng xinh đẹp bốc lửa chứ?”

Lão già sập quyển sách lại khiến ngọn lửa giấy nảy lên.

“Không. Đây là kiểu tình yêu khác. Kiểu đau đớn.”

Người đàn ông thất vọng. Ông ta nhún vai và lùi ra xa. Đây về pho tượng, ông ta rút một cốc rum lớn, đốt một điếu xì gà, và bắt đầu mài con dao rựa của mình.

Mài với viên đá xong, ông ta nhỏ nước bọt lên thanh kim loại, mài lần nữa, rồi lấy đầu ngón tay thử độ sắc.

Lão già lại cắm đầu vào cuốn sách, mặc kệ tiếng kêu kin kít khó chịu của đá cọ vào kim loại. Lão lầm bầm trong miệng như thể đang cầu nguyện.

“Nào, đọc to lên chứ.”

“Ông cũng thích à?”

“Tất nhiên là có. Tôi đã từng đi xem nhiều phim ở Loja, và còn xem được một bộ phim tình yêu của Mexico. Tôi không biết tại sao lại đi kể với lão chuyện này, nhưng thực là tôi đã khóc hết nước mắt đấy.”

“Nếu vậy thì tôi phải đọc lại từ đầu, để

ông còn phân biệt được người tốt với kẻ xấu.”

Antonio José Bolívar trở lại trang đầu tiên. Lão đã đọc lại nó mấy lần và thuộc nằm lòng.

“Paul hôn nàng đắm đuối, trong khi người lái thuyền, kẻ đồng lõa trong những chuyến phiêu lưu của bạn mình, vờ quay nhìn một hướng khác, và chiếc gondola, được lót đệm mềm dọc hai thành, êm đềm trôi dọc những con kênh thành Venice.”

“Đừng đọc nhanh quá,” một giọng nói cất lên.

Lão già nhướng mày. Cả ba người đàn ông đang quỳ gối ngồi quanh lão. Xa hơn một chút, viên thị trưởng đang nằm duỗi thẳng cẳng trên một chõng bao bố.

“Có nhiều từ tôi không hiểu,” người vừa lên tiếng nói thêm.

“Lão có tự hiểu được hết không?” một người khác hỏi.

Lão già bắt đầu nói về cách lý giải của mình với những từ lạ.

Công việc của người lái gondola, chiếc gondola, và cả cái nụ hôn nồng nàn nọ trở nên sáng tỏ hơn chút ít sau hai giờ bàn luận được thêm mắm thêm muối với những truyện tình

ái thú vị. Nhưng cái thành phố bí ẩn, nơi người ta phải đi lại trên thuyền, thì đã vượt quá tầm hiểu biết của họ.

“Tôi đồ là họ bị mua nhiều lắm.”

“Hoặc là những con sông lúc nào cũng lũ lụt hết cả.”

“Chắc họ còn bị ướt hơn cả bọn ta nữa.”

“Tuồng tượng nhé. Ông uống vài chén, ông phải đi đái, và ông thấy gì nào? Lũ hàng xóm mặt cá đang chăm chăm nhìn ông.”

Tất cả cười phá lên, hút thuốc, và uống rượu. Viên thị trưởng trở mình khó chịu trên chỗ nằm.

“Xin nói cho các người hay, Venice là một thành phố xây trên một cái vịnh bé. Và nó nằm ở Ý,” hấn gầm gừ từ cái xó không yên nổi của mình.

“Thật vậy sao! Thế thì nhà cửa cứ lênh bênh như là bè ấy,” ai đó nhận định.

“Nếu thế, họ cần thuyền để làm gì chứ? Họ có thể dùng chính nhà mình để đi lại mà,” một người khác đánh bạo lên tiếng.

“Toàn một lũ đàn độn! Đây là những cái nhà cố định. Ở đó còn có cả các cung điện, nhà thờ lớn, lâu đài, cầu, phố xá cho người ta nữa.

Tất cả các ngôi nhà đều có nền đá," tên béo hùng hồn tuyên bố.

"Sao ông biết? Ông đã tới đó chưa?" lão già hỏi.

"Chưa. Nhưng ta được giáo dục. Và đây là lý do ta làm thị trưởng."

Lời giải thích của tên béo càng làm mọi chuyện rối mù.

"Nếu như tôi hiểu đúng lời ông, thưa quý ông, thì những người này có những tảng đá trôi được, giống như đá bọt vậy. Nhưng nếu người ta xây nhà bằng đá bọt, thì nó vẫn không thể nổi được. Họ phải để những tấm ván dài ở dưới cơ."

Viên thị trưởng ôm lấy đầu.

"Trời ạ! Sao người ta có thể ngu dốt đến thế! Thích nghĩ thế nào thì nghĩ. Rừng già đã ảnh hưởng lên não của các người rồi. Đến Chúa cũng không thể cứu vớt các người khỏi sự ngu dốt được đâu. Và một điều nữa này: Đừng có gọi ta là quý ông nữa. Kể từ khi các người nghe thấy bác sĩ dùng cái từ ấy, là các người chẳng chịu bỏ qua bao giờ."

"Vậy thì ông muốn chúng tôi gọi ông thế nào? Quan tòa phải được gọi là quý ngài, linh

mục thì là đức ngài, và phải có một từ gì để bọn tôi gọi ông chứ, thưa quý ông.”

Tên béo đang định nói thêm gì đó, thì lão già khoát tay ngăn hấn lại. Những người đàn ông hiểu ý, nhặt lấy súng, vặn tắt đèn, và chờ đợi.

Từ bên ngoài, họ thấy vọng vào tiếng chuyển động rón rén rất êm của một cơ thể. Những bước chân của con vật không gây chút tiếng động nào, nhưng thân mình nó thì vẫn đang trườn qua cây cối bờ bụi. Và như vậy, thân mình nó ngấn khoảng mưa xối xả đổ xuống, và khi nó đi qua rồi, nước mưa lại giành lấy chỗ ấy với nhịp điệu rơi đều như cũ.

Cái cơ thể chuyển động lần bám được nửa vòng quanh căn lều của người chủ hiệu. Viên thị trưởng bò tới chỗ lão già.

“Chính là con ấy đấy à?”

“Phải, nó đang đánh hơi chúng ta đấy.”

Tên béo bất chợt đứng bật dậy. Mặc kệ đêm tối, hấn đi tới phía cửa và xả đạn điên cuồng vào bụi cây.

Ai đó thắp đèn lên. Tất cả lắc đầu không buồn nói năng, nhìn viên thị trưởng đang nạp thêm đạn.

“Tại các người mà ta để tuột mất con thú. Các người bỏ cả đêm nói chuyện linh tinh vớ vẩn như thể lũ đàn bà dài mỏ thay vì chú ý mà canh gác.”

“Ông thật là có giáo dục đấy chứ, thưa quý ông! Con thú đang ở trong tình huống bất lợi cho chính nó. Ông chỉ cần chờ cho nó dò dẫm xung quanh đến khi bọn tôi phát hiện được nó còn cách bao xa. Chỉ một hai vòng nữa thôi là nó sẽ ở ngay trong tầm ngắm.”

“Ồ, cả lũ các người biết hết mọi thứ đấy. Ta dám chắc là nó đã dính đạn rồi,” tên béo biện bạch.

“Cứ đi xem xem, nếu ông thích. Và nếu có con muỗi nào tấn công ông, thì đừng có vội bắn nó, nếu không bọn tôi chẳng ngủ được đâu.”

Tầng sáng, lợi dụng ánh sáng lơ mờ lọc qua đám lá ken dày trên cao, họ ra ngoài và lùng sục khu vực xung quanh. Con mưa chưa rửa sạch dấu vết đám cây bị con thú dẫm bằng. Không hề có dấu máu trên lá và vết chân thì biến mất trong bụi cây rậm dày.

Họ trở lại lều và uống cà phê đen.

“Điều khiến ta suy nghĩ nhất,” viên thị

trưởng nói, “là con thú đó lảng vảng cách El Idilio chỉ năm kilômét. Một con mèo rừng mất bao lâu để vượt qua quãng đường đó?”

“Ít hơn chúng ta. Nó có bốn chân, có thể nhảy qua các đầm nước, và nó không đi ủng,” lão già trả lời.

Viên thị trưởng nhận ra giờ đây hắn đã hoàn toàn đánh mất thể diện trong mắt những người này. Nếu hắn ở lại lâu thêm nữa, cùng với lão già ngày càng trở nên giễu cợt này, thì cái tiếng tăm là một tên hèn nhát vô dụng của hắn sẽ chỉ càng lớn thêm mà thôi.

Hắn đã nghĩ ra một giải pháp có vẻ như hợp lý và còn bảo vệ được bản thân mình nữa.

“Hãy thỏa thuận thế này nhé, Antonio José Bolívar. Lão là cựu chiến binh rừng già. Lão hiểu rừng còn hơn là hiểu mình nữa. Bọn ta chỉ làm vương đường lão thôi, lão già ạ. Hãy lần theo dấu vết của nó và giết nó đi. Chính phủ sẽ trả cho lão năm ngàn sucre khi lão xong việc. Hãy ở lại đây và làm những gì lão cho là cần thiết. Trong lúc ấy, bọn ta sẽ quay về và bảo vệ ngôi làng. Năm ngàn sucre. Đồng ý nhé?”

Lão già lắng nghe đề nghị của viên thị

trưởng mà không hề chớp mắt lấy một lần.

Thực ra, điều duy nhất hợp lẽ lúc này là trở về El Idilio. Con thú, trong cuộc săn đuổi con người, sẽ nhanh chóng nhắm hướng ngôi làng, và họ sẽ dễ dàng đặt một cái bẫy ở đó. Con thú cái chắc chắn sẽ tìm kiếm những nạn nhân mới, và sẽ thật ngu ngốc nếu muốn hạ nó ngay trên đất của nó.

Viên thị trưởng muốn loại lão già. Miệng lưỡi sắc sảo của lão đã làm tổn thương các nguyên tắc cai trị của hắn, vì vậy hắn bày ra một giải pháp tinh vi để gạt bỏ lão thật gọn ghẽ.

Lão già đặc biệt chẳng lo lắng về những gì tên béo suy nghĩ. Lão cũng chẳng quan tâm đến phần thưởng nọ. Những suy nghĩ khác đang trôi trong tâm trí lão.

Có điều gì đó cho lão biết rằng con thú không ở xa đây. Nó thậm chí còn có thể đang theo dõi họ ngay giây phút này. Hơn nữa, lão cứ băn khoăn tại sao chẳng có một nạn nhân nào làm động lòng lão. Có lẽ quãng đời sống bên người Shuar đã khiến lão coi những cái chết ấy như là một sự thực thi công bằng. Một quy luật nhân quả phũ phàng nhưng

không thể trốn thoát được. Tên ngoại bang đã giết lũ con nhỏ của nó và có lẽ là cả bạn tình của nó nữa.

Mặt khác, hành xử của con thú cho thấy có lẽ nó đang tìm kiếm cái chết khi mạo hiểm lớn vồn rất gần con người, như đêm vừa rồi, và đêm trước nữa, khi nó giết Plascencio và Miranda.

Một giọng nói từ bên trong thâm thì với lão rằng giết con thú là một hành động cứu rỗi cần thiết, nhưng không phải là thứ cứu giúp chia ra từ những kẻ đứng ở vị trí tha thứ và phân phát của từ thiện. Con thú cái đang tìm kiếm cơ hội được chết trong một trận chiến tung hoành, một cuộc đọ sức ngang tài mà không phải viên thị trưởng hay bất kỳ ai trong số ba người kia hiểu được.

"Lão già, thế nào?" viên thị trưởng nhắc lại.

"Tôi đồng ý. Nhưng để lại cho tôi xì gà, diêm, và một băng đạn nữa."

Viên thị trưởng thở phào nhẹ nhõm và đưa cho lão tất cả những thứ lão muốn.

Nhóm người nhanh chóng vạch ra chi tiết chuyến trở về. Họ chào tạm biệt, và Antonio

José Bolívar bắt đầu kiểm tra cửa chính và cửa sổ của căn lều.

Tối nửa chiều thì trời đã tối, và bên ánh đèn lạng lẽ, được bao bọc trong tiếng nước rót xuống từ những tán cây, lão trở lại đọc sách trong khi chờ đợi.

Lão già đọc lại từ đoạn mở đầu.

Điều khiến lão thấy khó chịu là lão vẫn không thể nắm được cốt truyện. Lão đọc lại những câu mà lão đã thuộc lòng và chúng dường như vô nghĩa. Ý nghĩ của lão bay bổng khắp nơi, kiếm tìm một điểm thật cụ thể để đổ lại.

Có lẽ mình đang lo lắng.

Lão nghĩ về câu tục ngữ của người Shuar khuyên người ta trốn tránh nỗi sợ hãi, và lão tắt đèn đi. Trong bóng tối lão đuổi người trên đám vỏ bao bì cùng khẩu súng đầy đạn nằm trên ngực, và để những ý nghĩ của mình dịu lại yên bình như những viên đá cuội khi chúng chạm được tới lòng sông.

Nào, Antonio José Bolívar. Có vấn đề gì chứ?

Đây không phải lần đầu người đối mặt với một con thú điên dại. Tại sao người lại

thiếu kiên nhẫn thế? Vì phải chờ đợi ư? Người có muốn nó xuất hiện ngay bây giờ, xô đổ cánh cửa, và kết thúc chuyện này đi không? Điều đó sẽ không xảy ra. Người biết là chẳng con thú nào ngu ngốc đến mức xông vào một nơi chính là hang ổ của kẻ khác. Và tại sao người lại đoán chắc rằng người là kẻ con thú sẽ bám theo? Người không nghĩ là một con thú đã tỏ rõ được trí thông minh của mình sẽ quyết định đuổi theo đám người kia sao? Nó có thể đi theo và hạ từng người một trong số họ trước khi họ về tới được El Idilio. Người biết rằng nó có thể làm thế và lẽ ra người phải nhắc nhở họ, nói với họ rằng: “Đừng đi tách xa nhau quá một mét. Phải cảnh giác. Không được ngủ đêm, và luôn nghỉ chân ở bên bờ sông.” Người biết rằng, thậm chí có làm như thế, thì con thú vẫn dễ dàng nằm rình họ được, rồi bất thần chồm lên, xô ngã một người và xé toang cổ họng anh ta, và trước khi những người còn lại hoàn hồn được thì nó đã lại lần mình trốn mất, chuẩn bị cho lần tấn công tiếp theo. Người có tưởng tượng là con mèo rừng nghĩ về người như một kẻ ngang hàng? Đừng có ngạo mạn thế, Antonio José Bolívar. Nên

nhớ rằng người không phải là thợ săn; người đã luôn chối bỏ cái danh xưng ấy. Mà loài mèo thì bám theo những tay săn thú thực thụ, bám theo thứ mùi của nỗi sợ hãi và của dương vật cương cứng tỏa ra từ người họ. Không, người chẳng phải là thợ săn gì hết. Cư dân của El Idilio hay nói về người như một Tay thợ săn, và người nói với họ rằng điều ấy không đúng, vì dân săn bắn ra tay giết chóc để chế ngự nỗi sợ hãi luôn khiến họ phát điên và gặm nhấm mòn mỗi ruột gan họ. Người thường thấy có biết bao nhiêu bọn người đột nhiên xuất hiện, tràn đầy hứng khởi như thể phát sốt cả lên, trang bị đến tận chân răng, hăng hái xông thẳng vào rừng già? Vài tuần sau người thấy họ xuất hiện trở lại với hàng bó da thú - thú vồi, rái cá, trăn, thằn lằn, mèo núi nhỏ - nhưng chưa bao giờ với xác của một kẻ thù thật sự như con thú cái mà người đang chờ đây. Người đã thấy họ uống rượu quên trời quên đất bên những đồng da thú ấy, để giấu đi nỗi sợ vì ý thức được rằng trong rừng sâu mênh mông bạt ngàn họ đã bị theo dõi, bị đánh hơi, và bị khinh miệt bởi một kẻ xứng danh kẻ thù. Sự thật là ngày càng có ít thợ săn đi, vì thú

hoang đã đi về phía Đông, vượt qua cả những dãy núi không thể vượt qua được, rất xa, xa đến nỗi con rắn anaconda cuối cùng người ta còn thấy là trên đất Brazil. Vậy mà chính người đã từng có thời trông thấy và săn được bao nhiêu anaconda chẳng cách đây bao xa.

Với con đầu tiên thì là một hành động tìm lẽ công bằng, hay là để trả thù? Cho dù người có nhìn nó theo cách nào đi nữa, thì cũng chẳng có gì khác cả. Con bò sát đã bất ngờ tấn công đứa con trai của một người khai hoang khi thằng bé đang tắm. Người đã nghĩ nhiều về thằng bé. Nó còn chưa đầy mười hai tuổi, và con anaconda bỏ lại nó mềm oặt như một bọc nước. Người còn nhớ không hả lão già? Người đã lấy xuống lần theo con thú cho tới khi tìm tới được bãi sông nó đang nằm sưởi nắng. Rồi người để mấy con rái cá chết làm mồi và chờ đợi. Những ngày ấy người còn trẻ, nhanh nhẹn, và biết rằng người chỉ trông cậy vào độ tinh nhạy của chính mình để tự cứu mình khỏi trở thành một bữa ăn thịnh soạn nữa cho nữ hà bá. Người bật nhảy thật mau lẹ, tay nắm chắc con dao rựa. Một nhát cắt rất ngọt. Cái đầu con rắn rơi xuống cát, và trước

khi nó chạm đất, người đã kịp nhảy lùi lại núp mình trong đám cây cỏ rậm rạp, trong khi con bò sát giãy giụa vùng vằng cái cơ thể đầy hung dữ trên cát. Hơn mười một mét cầm giân. Hơn mười một mét da xanh ô liu khoang đen còn cố gắng giết chóc trong khi bản thân nó đã chết.

Con thứ hai là cử chỉ hàm ơn đối với thầy phù thủy Shuar đã cứu mạng người. Người còn nhớ không? Người lặp lại cái trò bỏ mồi trên bến sông và ngồi chờ trên một cái cây thật cao cho tới khi thấy con thú từ mặt nước bò lên. Lần ấy thì chẳng có chút cầm giân nào. Người nhìn nó nuốt chửng mấy con thú gặm nhấm trong khi người chuẩn bị tên: người quán mạng nhện quanh đầu nhọn, bôi đầy nhựa độc cura, đặt nó vào miệng ống thổi, ngấm, nhằm thẳng vào chỗ gốc sọ.

Con bò sát bị mũi tên cắm trúng, thoát dụng thẳng dậy đến gần ba phần tư chiều dài của nó, và từ trên cây người nhìn thấy đôi mắt màu vàng của nó, đôi đồng tử thẳng đứng đảo tìm bóng dáng người nhưng chẳng bao giờ thấy được bởi nhựa độc đã tác dụng quá nhanh.

Sau đó là nghi lễ lột da: người đã phải bước tới tận mười lăm hay hai mươi bước với con dao rựa rọc mở bộ da của nó khiến thú thít màu hồng lạnh lẽo dính quện đầy cát.

Người có nhớ không, lão già? Khi người mang bộ da tới cho họ, những người Shuar đã nói người không phải là một trong số họ, nhưng người thuộc về họ.

Người cũng chẳng phải xa lạ gì với mèo rừng nữa, chỉ trừ một điều là người chưa hề giết một con thú con nào, dù có là con của mèo rừng hay của bất kỳ loài nào đi nữa. Phải là những con thú hoàn toàn trưởng thành, như một lệ luật người Shuar đã tuyên bố. Người biết rằng mèo rừng là những sinh vật kỳ lạ và không thể đoán trước được. Chúng thiếu sức mạnh của loài báo, nhưng lại chứng tỏ được rằng chúng vô cùng thông minh.

"Nếu vết dấu quá lộ liễu và ta nghĩ rằng con mèo rừng đã nằm trong tay mình rồi, thì thật ra nó đang đằng sau ta, và đôi mắt nó đang nhằm vào cổ ta," người Shuar nói như vậy, và đó là sự thật.

Một lần, trước lời nhờ vả của những người khai hoang, người đã có cơ hội đo được

trí thông minh của loài mèo đốm lớn. Đó là một sinh vật rất to đã ngốn vào bụng mình biết bao nhiêu bò và lừa của họ, và họ đề nghị người giúp. Lăn ra được dấu vết của nó đúng là rất khó khăn. Đầu tiên nó để cho người bám theo, dẫn dắt người tới tận chân núi dãy Condor, một vùng đất phủ đầy cây bụi rậm thấp, rất lý tưởng cho một cuộc phục kích trên nền đất phẳng. Khi người phát hiện ra là đã bị dẫn tới một cái bẫy, người gắng quay trở lại vào rừng rậm, nhưng con mèo rừng chặn lối đi, lộ hẳn thân mình ra nhưng không bao giờ để người có đủ thời gian ngắm đúng cự ly cây súng sẵn. Người đã bắn hai hay ba lần và đều trượt, cho tới khi người nhận ra rằng con mèo muốn làm cho người mệt lử trước khi nó tung đòn cuối cùng. Nó cho người biết rằng nó chờ đợi được, và có lẽ nó còn đoán được rằng người chẳng còn bao nhiêu đạn.

Đó là một cuộc thi tài vô cùng căng thẳng. Người còn nhớ chứ, lão già? Người đã im lìm chờ đợi, không động dây một cơ bắp nào, dù vẫn phải tự tát mình đôi lúc để tránh ngủ gật. Ba ngày chờ đợi, cho tới khi con mèo cảm thấy đủ tự tin để ra miếng đòn của nó.

Đấy đúng là một kế hay, phải, nằm bẹp trên mặt đất chờ đợi cùng khẩu súng đã lên đạn sẵn sàng.

Tại sao người lại nhớ hết những chuyện này? Vì người không thể gạt con thú cái này ra khỏi tâm trí được ư? Hoặc có thể vì cả hai bên đều biết rõ khả năng thắng bại là tương đương? Sau bốn lần giết chóc nó đã hiểu về con người bằng độ hiểu biết của người đối với loài mèo rừng rồi. Hoặc có khi người còn biết ít hơn nó nữa. Người Shuar không săn mèo rừng. Thịt nó không ăn được, và chỉ cần một bộ da là đủ để làm hàng trăm thứ đồ trang sức bền tới nhiều thế hệ. Người có muốn có một người Shuar bên cạnh mình không? Tất nhiên là có rồi - người bạn của người, Nushiño.

“Này người anh em, có muốn đi lần dấu vết với tôi không?”

Người Shuar sẽ từ chối. Nhỏ nước bọt nhiều lần để cho người hiểu là anh ta đang nói thật, anh ta sẽ thể hiện rất rõ là mình chẳng hứng thú gì. Đấy không phải là mối quan tâm của anh ta. Người là một tay thợ săn da trắng, mang theo một khẩu súng, thứ can thiệp vào

cái chết bằng chất độc của nỗi đau đớn. Người bạn Nushiño sẽ nói với người rằng con thú duy nhất người Shuar giết chỉ để giết mà thôi là loài *tzantza*, con lười.

“Tại sao lại là con *tzantza* hả người anh em? Chúng chỉ treo mình ngủ khò trên cây suốt ngày thôi mà.”

Trước khi trả lời người, người bạn Nushiño sẽ đánh rắm um um thật to, để cho bọn *tzantza* lười nhác không thể nghe thấy anh ta nói gì, rồi mới nói với người rằng, từ rất lâu rồi, một tù trưởng Shuar đột nhiên trở nên độc ác và khát máu. Ông ta đã giết những người Shuar tốt chẳng vì lý do gì cả, và những người già quyết định rằng tốt nhất là ông ta nên chết đi. Khi phát hiện ra mình bị bắt, Tñaupi, người tù trưởng khát máu, đã trốn chạy dưới cái lốt con lười, và vì, giống như loài khỉ, tất cả những con lười trông đều giống nhau, người ta không thể biết được con nào trong số chúng đang ẩn giấu người Shuar có tội kia. Đây là lý do họ phải giết tất cả bọn chúng.

“Đây là những gì đã xảy ra, theo lời người ta kể,” người bạn Nushiño sẽ nói, nhờ một bãi nước bọt cuối cùng trước khi bước đi,

vì người Shuar luôn đi khỏi sau mỗi câu chuyện kể, để tránh những câu hỏi dễ dẫn đến những lời dối trá.

Tất cả những ý nghĩ này từ đâu ra vậy? Nào, Antonio José Bolívar. Kìa, lão già kia. Chúng lẩn quất dưới những tán cây nào vậy? Có phải nỗi sợ hãi cuối cùng đã chiếm được người rồi không? Chẳng lẽ người không thể làm gì nữa để giấu mình trước nó ư? Nếu điều đó là sự thực, thì đôi mắt của nỗi sợ hãi có thể nhìn thấy người, cũng như người có thể nhìn thấy ánh sáng bình minh xuyên qua những kẽ hở mái tranh vậy.

Sau khi uống mấy cốc lớn cà phê đen, lão già bắt đầu việc chuẩn bị. Lão đốt cháy vài cây nến và nhúng toàn bộ đạn vào chỗ mỡ hóa lỏng ấy. Rồi lão để mỡ nhỏ giọt cho tới khi chúng được bọc bằng một lớp màng mỏng. Như thế chúng sẽ vẫn được khô ráo ngay cả khi rơi xuống nước.

Lão bôi chỗ mỡ chảy còn lại khắp trán mình, đặc biệt là đôi lông mày, để nó tạo thành một thứ giống như lưới trai. Bây giờ thì nước mưa sẽ không thể ảnh hưởng đến khả năng

quan sát của lão ngay cả khi lão phải đối mặt với con vật trong khoảng rừng thưa nữa.

Cuối cùng, lão kiểm tra lưỡi dao, và lên đường vào rừng tìm lối đi.

Lão bắt đầu bằng cách đi theo bán kính chùng hai trăm bước về phía Đông căn lều, bám theo dấu vết của ngày hôm trước.

Khi vừa đạt được mốc của bán kính, lão đi theo đường nửa vòng tròn về phía Tây Nam.

Lão phát hiện một cụm cây đã bị giẫm bằng, thân cành bị quăn nát trong bùn. Đây là nơi con thú đã nằm núp trước khi di chuyển về phía căn lều. Những chỗ cây cối bị đập bằng xuất hiện cách nhau những khoảng đều đặn trước khi giảm dần rồi mất hẳn trên đường đồi.

Lão bỏ qua những lối đi cũ này và lại tiếp tục tìm kiếm.

Bên dưới những tàu lá rộng của một cây chuối dại, lão thấy dấu chân thú còn rất rõ. Chúng khá to, giống như những nắm tay đàn ông, và cạnh đó lão còn thấy những chi tiết khác cho lão biết thêm về hành xử của con thú.

Con thú cái đang không đi săn. Các đoạn thân cây dập nát quanh mép các dấu

chân trái ngược với kiểu cách săn mồi của bất kỳ loài mèo nào. Con thú đã quật đuôi rất nhiều, tâm trí nó bị phân tán đến mức thiếu cẩn trọng, bắt nguồn từ việc ở quá gần những con mồi của mình. Không, nó không đi săn mồi. Nó tin chắc là nó đang xử lý một giống loài yếu ớt hơn mình.

Lão hình dung nó nằm đó, cái cơ thể mảnh mai, hơi thở lo lắng hồi hộp, ánh mắt sắc đá chăm chú, mọi cơ bắp căng thẳng, cái đuôi vẫy qua vẫy lại thật uyển chuyển.

“Được rồi, quý bà xinh đẹp của ta, giờ ta đã biết nàng đang di chuyển. Ta chỉ cần biết nàng đang ở đâu nữa mà thôi.”

Lão nói với rừng già, và chỉ có tiếng mưa rơi trả lời lão.

Lão mở rộng bán kính tìm kiếm bằng cách đi xa thêm khỏi cái lều của người chủ hiệu cho tới khi lão ở trên vùng đất cao hơn, nơi mà dù có mưa xối xả, thì vẫn là một vị trí quan sát thật tốt khắp khu vực lão vừa đi qua. Quá vùng ấy, cây cỏ lại thấp và dày khít, trái ngược với những cây cao bảo vệ được lão trước một cú tấn công trên mặt đất. Lão quyết định rời đỉnh đồi và đi theo một đường thẳng về

hướng Tây, về phía sông Yacuambi không cách đó bao xa.

Sắp tới giữa trưa thì trời ngừng mưa, và điều này khiến lão lo lắng. Con mưa *phải* tiếp tục mới được. Nếu không nước sẽ bắt đầu bốc hơi, và rừng già sẽ chìm trong màn sương mù dày đặc, làm hơi thở lão trở nên khó khăn và tầm nhìn của lão sẽ chẳng quá được đầu mũi.

Bất thành linh, hàng triệu chiếc kim bạc chọc thủng vòm lá dày của rừng già, tạo thành vùng ánh sáng rực rỡ trên mọi bề mặt chúng rơi xuống. Lão đang ở ngay dưới khoảng trống của trời và hoa mắt trước phản chiếu của ánh mặt trời trên đám lá ẩm ướt. Lão dụi mắt nguyên rửa, và, bị bao bọc bởi hàng trăm chiếc cầu vồng chóng hiện chóng tàn, lão vội vã bỏ đi trước khi cơn bốc hơi đáng sợ bắt đầu.

Rồi, lão thấy nó.

Được báo hiệu bằng tiếng nước đổ ào xuống bất chợt, lão quay đầu và thoáng thấy bóng dáng nó đang di chuyển về hướng Nam cách lão chừng năm mươi mét.

Nó di chuyển chậm, miệng há, đuôi đập đập vào hai bên hông. Lão ước đoán nó phải được hai mét tính từ đầu cho đến đuôi, và nếu

đứng trên hai chân sau thì nó phải cao hơn một con chó chăn cừu.

Con vật biến mất sau một lùm cây và lại lộ ra gần như ngay lập tức. Giờ thì nó đang nhằm hướng Bắc.

“Ta biết trò chơi của nàng rồi. Nếu nàng muốn ta ở đây, ta sẽ ở đây. Nàng cũng sẽ chẳng thấy gì trong màn sương đang lên này hết,” lão hét lên với nó, và đứng tựa lưng vào một thân cây cạnh chùng.

Khoảng mưa ngưng ngay lập tức mang lũ muỗi đến. Chúng tấn công môi, mi mắt, và khắp mọi góc ngách lão. Lũ ruồi bé tí chui vào lỗ mũi, tai, rồi khắp cả đầu tóc lão. Thật nhanh, lão nhét một miếng xì gà vào mồm, nhai nát thành một thứ hỗn hợp đặc, rồi bôi thứ chất quánh nước bọt ấy lên khắp mặt và hai cánh tay.

May thay, khoảng ngưng không kéo dài và cơn mưa lại đổ xuống với cường độ sung sức hơn trước. Cùng với nó là sự yên bình cũng trở lại, và tiếng động duy nhất là tiếng nước tấp vào mặt lá.

Con thú thoát hiện ra vài lần nữa, luôn theo hướng từ Bắc sang Nam.

Lão già bắt đầu nghiên cứu nó. Lão theo dấu vết di chuyển của con vật và tìm thấy bụi cỏ nơi nó quay đầu chuyển hướng lần tìm lại lối đi tới điểm phía xa nhất phía Bắc và trở lại con đường dạo dẫm của nó.

“Ta đây. Ta là Antonio José Bolívar Proaño, và ta có vô kể lòng kiên nhẫn. Nàng là một con thú kỳ lạ; điều đó đã rõ ràng. Ta không thể hiểu nổi liệu nàng đang hành xử một cách thông minh hay là tuyệt vọng nữa. Sao nàng không chạy vòng quanh ta và thể hiện những đòn tấn công đi? Sao nàng không tiến về phía Đông để ta bám theo? Nàng cứ đi từ Bắc sang Nam, quay về phía Tây và rồi lại chạy trở lại đường cũ? Nàng nghĩ là ta ngu dốt thế sao? Nàng đang chặn đường ta tới sông. Đây là kế hoạch của nàng. Nàng muốn thấy ta phải bỏ chạy vào rừng sâu, rồi sẽ bám theo ta. Ta không ngốc thế đâu, quý bà xinh đẹp ạ. Và nàng cũng chẳng thông minh như ta tưởng.”

Lão trông con thú chạy tới chạy lui, và đã vài lần định bắn. Nhưng rồi lại thôi. Lão biết rằng phát đạn của mình phải thật chắc chắn mới được. Nếu lão chỉ làm con thú bị

thương, thì nó sẽ chẳng cho lão đủ thời gian nạp thêm đạn, và một lỗi vận hành nhỏ thôi cũng sẽ khiến cả hai nòng súng cùng nhả đạn một lúc.

Thời gian trôi qua, và khi ánh sáng nhạt dần, lão hiểu rằng con thú không muốn đẩy lão về phía Đông. Nó muốn lão ở đúng chỗ ấy, chính chỗ ấy, và nó đang chờ đêm xuống để tấn công.

Lão già đoán chừng chỉ còn một giờ nữa thôi trước khi trời tối, và lão nên tận dụng thời gian ấy mà tới bờ sông và tìm lấy chỗ trú ẩn an toàn.

Lão chờ cho con thú đi đến điểm xa nhất phía Nam và quay vòng lại. Rồi lão thẳng phía sông mà vận mọi sức lực lao chạy thật nhanh.

Lão tới một khoảnh rừng đã được phát quang từ trước, tăng thêm vận tốc, và vượt qua đó với cây súng ôm chặt trên ngực. Chỉ cần tí xúi may mắn thôi là lão sẽ tới được bờ sông trước khi con thú phát hiện ra cuộc trốn chạy này. Lão biết rằng không xa nơi đó sẽ có một khu lều của bọn tìm vàng, nơi lão có thể kiếm chỗ qua đêm.

Lão mừng rỡ hẳn lên khi nghe thấy tiếng

nước sông chảy âm ào như lũ. Lão chỉ còn phải tuột xuống một đoạn dốc mọc đầy dương xỉ chừng mười lăm mét là tới được bờ sông, thì con thú tấn công.

Khi phát hiện ra lão bỏ trốn, con thú chắc hẳn đã phóng theo với tốc độ cực lớn theo một đường song song với lối đi của lão, ôm ái đến mức lão chẳng hề nhận ra, cho tận tới khi nó bắt kịp lão.

Hai chân trước của nó tấp lão ngã lăn lông lốc xuống con dốc.

Bằng hoàng, lão vùng đứng dậy, vung con dao lên bằng cả hai tay, đợi cú tấn công cuối cùng.

Trên đỉnh dốc, con thú đang quật đuôi liên tục. Đôi tai nhỏ của nó vẫy vẫy, thu vào mọi tiếng động của rừng già, nhưng nó vẫn không tấn công.

Ngạc nhiên, lão già khẽ đưa tay nâng súng lên.

“Sao nàng không ra tay đi? Nàng đang chơi trò gì vậy?”

Lão tháo chốt an toàn và ngắm. Với khoảng cách ấy lão không thể nào trượt được.

Trên cao, con thú không hề rời mắt khỏi

lão. Bất thành linh, nó gầm lên một tiếng buồn bã và mỗi mệ, cơ thể nó rướn cao.

Tiếng vọng đáp lại yếu ớt là của một con đực, rất gần bên, và lão già dễ dàng tìm ra nó.

Nhỏ hơn con cái, con đực này đang nằm duỗi dài trong một hốc cây rỗng. Lớp da dính chặt lấy xương, và một bên đùi nó đã gần rời hẳn ra bởi một phát đạn. Nó hầu như không còn thở được nữa và đang chết dần chết mòn trong đau đớn.

“Đây là thứ nàng muốn sao? Nàng muốn ta giúp anh chàng được giải thoát bằng cái chết ư?” lão già kêu to về phía con đực, nhưng con thú cái đã giấu mình sau đám cây cỏ.

Lão đi về phía con thú bị thương và chạm vào đầu nó. Nó hơi nhướng một mắt lên mệ mội, và khi tỉ mỉ xem xét vết thương, lão phát hiện ra lỗ kiến đã bắt đầu ăn thịt nó rồi.

Lão đặt gọn nòng súng vào ngực con thú.

“Tha thứ cho ta nhé, anh bạn. Tên ngoại bang khốn kiếp đã khiến chúng ta khốn khổ thế này đây.” Rồi lão bóp cò.

Lão không nhìn thấy con thú cái, nhưng lão hình dung ra nó nấp đâu đó trên kia, đang run lên vì nước mắt như một con người.

Lão nạp thêm đạn và chậm rãi đi về phía bờ sông. Đi được chừng vài trăm mét thì lão trông thấy con thú cái men đến bên người bạn tình đã chết của nó.

Khi lão tìm đến được túp lều xộc xệch mà bọn tìm vàng bỏ lại, trời đã gần tối hẳn, và lão phát hiện cơn mưa lớn đã tàn phá hết đám kèo cột trong lều. Lão xem qua và rồi cảm thấy nhẹ cả người khi trông thấy một chiếc xuồng rách nằm úp trên bờ sông.

Lão tìm thấy một bọc đầy chuối khô thái lát, bèn nhét vào túi rồi bò vào bên trong xuồng. Đám sỏi đá bên dưới còn khô ráo. Lão thở phào một cái, duỗi lưng nằm dài, cảm giác thật an toàn.

“Người thật may mắn, Antonio José Bolívar. Cú ngã ấy lẽ ra phải gãy mấy cái xương. May mà còn có lớp đệm dương xỉ.”

Lão đặt khẩu súng và con dao vừa tầm tay với. Thân xuồng cao đủ cho lão có thể bò tới bờ lui khi cần. Xuồng dài chừng chín mét và có vài vết rạch do những viên đá nhọn của thác ghềnh.

Lão khoan khoái nghỉ ngơi, ăn mấy vốc chuối khô và đốt một điếu xì gà, khoan khoái

thường thức. Quá mệt mỏi, lão nhanh chóng thiếp đi.

Giấc mơ của lão thật kỳ lạ. Lão thấy chính mình, với cơ thể sơn vẽ đầy màu sắc lấp lánh giống như một con trăn lớn, ngồi bên sông nhấm nháp *natema*.

Đối diện với lão, thứ gì đó đang chuyển động trong không khí, trong đám lá cây, bên trên mặt nước phẳng lặng, tận dưới đáy sông. Một thứ gì đó dường như có thật nhiều đáng vẽ và đồng thời là mối cho chính nó. Nó biến đổi liên tục, chẳng để cho đôi mắt ngà say của lão kịp tập trung vào một hình thù nhất định nào. Lúc này nó là một con vệt đuôi dài, sau đó lại là một con cá trê to nhảy căng lên ngoác mồm nuốt chửng mặt trăng, và khi rơi trở lại mặt nước lại lộ vẻ hung tợn như một con nghiền xương đổ vỡ xuống người ta. Cái thứ kỳ lạ ấy không có hình thù xác định, nhưng dù nó có ở dạng nào đi nữa, đôi mắt của nó vẫn một màu vàng sáng, lấp lánh.

"Đấy là cái chết của người đã tự hóa trang để bắt thành linh tóm lấy người. Nếu nó làm như vậy, thì nghĩa là thời khắc ra đi của người vẫn chưa tới. Hãy tìm bắt lấy nó," văng

văng vọng lại mệnh lệnh của thầy phù thủy Shuar đang mãi miết xoa bóp cơ thể đầy sợ hãi của lão bằng những vốc tro lạnh.

Cái hình thù có đôi mắt vàng ở đây, ở đó, khắp mọi chỗ. Nó lùi dần cho tới khi bị nuốt chửng vào đường chân trời xanh vĩnh hằng và tỏa sáng rực rỡ, và ngay lúc ấy những con chim vỗ cánh bay về cùng lời nhắn gửi cho sức mạnh và sự đủ đầy. Nhưng chỉ trong chốc lát, nó trở lại trong một đám mây đen đột ngột ập xuống hung dữ, và một cơn mưa những con mắt màu vàng chăm chăm nhìn đổ rơi xuống rừng già, phủ đầy cành cây và các loại thân leo, tắm đẫm rừng già trong không gian chói sáng một màu vàng nóng rực, ném lão vào điên cuồng sợ hãi và cơn sốt bùng bùng. Lão muốn hét lên, nhưng loài gặm nhấm ghê sợ đã cắn nát lưỡi lão bằng những hàm răng sắc nhọn. Lão muốn ăn, nhưng những con rắn bay mảnh dẻ cuộn chặt lấy hai chân lão. Lão muốn quay về căn lều của mình và ngồi vào chỗ của lão, trong tấm chân dung, bên cạnh Dolores Encarnación del Santísimo Sacramento Estupiñán Otavalo và rời khỏi vùng đất hoang đại này. Nhưng những con

mắt vàng đã ở khắp mọi nơi, chúng chặn lối đi của lão, cùng một lúc ở khắp mọi nơi, và ngay khoảnh khắc này, lão cảm thấy chúng đang ở phía trên chiếc xuống run rẩy, lắc lư dưới sức nặng của một cơ thể đang bước đi trên lớp vỏ gỗ.

Lão nín thở, chuyện gì đang xảy ra thế này.

Không. Lão không còn trong vùng đất của những giấc mơ nữa. Con thú cái đang thông thả đi lại phía trên, và vì mặt gỗ rất trơn do dòng nước mưa liên tục chảy, nó phải dùng những móng vuốt mới bám chắc được mỗi bước đi suốt từ mũi xuống đến tận đuôi xuống, hơi thở lo lắng của nó đè nặng lão.

Tiếng động từ sông và cơn mưa cùng chuyển động của con thú là những sợi liên kết duy nhất của lão với cả vũ trụ. Hành xử mới của con thú bắt lão phải suy tính thật nhanh. Nó đã cho lão thấy rằng nó quá thông minh, nó không cho là lão sẽ chấp nhận thách thức ra mặt và đối đầu với nó giữa đêm đen đặc thế này.

Trò mới gì kỳ lạ vậy? Người Shuar có chắc là đúng khi nói về khứu giác của loài mèo?

“Mèo rừng đánh hơi được mùi của cái chết mà rất nhiều người tự tỏa ra một cách vô thức.”

Một vài giọt, rồi cả một dòng nước hơi thối trộn lẫn với nước mưa chảy xuống qua những vết rạn trên khung xuống.

Lão già hiểu rằng con thú không còn sáng suốt nữa. Nó đã đái lên lão. Đánh dấu lão là con mồi của mình, cư xử với lão như thể lão đã chết cho dù nó chưa hề đụng đến lão.

Rồi những giờ đồng hồ dài dằng dặc đầy lo lắng trôi qua, cho tới khi ánh sáng yếu ớt len lỏi bò vào chỗ trú chân của lão.

Phía dưới, lão nằm ngửa, kiểm tra khẩu súng sẵn đạn, và bên trên, con thú vẫn bước qua bước lại không chút mỏi mệt, những chuyển động của nó dần nhanh hơn và trở nên sốt ruột.

Nhờ ánh sáng, lão nghĩ hẳn đã phải gần trưa lúc lão cảm nhận được con thú đã nhảy xuống. Lão đang lắng nghe xem hành động tiếp theo là gì thì một tiếng động ngay bên cạnh báo cho lão biết rằng nó đang đào lớp đá sỏi mà chiếc xuống tựa lên.

Con thú đã sẵn sàng xâm nhập nơi trú ẩn

của lão, bởi lão không chịu đáp lại sự thách thức của nó.

Lê mình về phía sau, lão rút về đầu kia của xuống, vừa đúng lúc tránh được một cú vuốt cào mù mắt.

Lão ngóc đầu dậy, giữ báng súng tựa vào ngực, và xả đạn.

Lão nhìn thấy được một dòng máu phun ra từ bàn chân con thú. Cùng lúc ấy, một con đau nhối ở bàn chân trái khiến lão nhận ra rằng lão đã tính sai khoảng cách giữa hai chân mình: một phát đạn có lẽ đã đi thẳng vào mu bàn chân lão.

Thật sòng phẳng. Cả hai cùng bị thương.

Lão nghe thấy con thú chạy đi và, với con dao rựa, lão nâng chiếc xuống lên vừa đủ để thấy nó, cách đó một trăm mét, đang liếm máu trên bàn chân bị thương.

Lão nạp đạn, và trong nháy mắt, lật mở chiếc xuống.

Khi lão đứng dậy, vết thương trở nên nhức nhối khủng khiếp, và con thú, quá bất ngờ, phục mình dài trên lớp đá sỏi, áng chừng cho một cú tấn công.

“Ta đây! Hãy chơi cái trò khôn khổ này một lần vĩnh viễn cho xong đi.”

Lão nghe mình hét vang bằng một thứ giọng lão chưa hề quen biết, và cũng không chắc là mình đã nói bằng tiếng Shuar hay tiếng Tây Ban Nha, và lão nhìn thấy con thú chạy dọc bờ sông như một mũi tên dóm, mặc kệ bàn chân bị thương.

Lão già khuyu xuống hai đầu gối, và con thú, giờ chỉ còn cách lão năm mét, dữ dội tung mình lên phía trước, khoe lộ tất cả bộ móng và hàm răng của nó.

Một sức mạnh nào đó đã bắt lão phải đợi tới khi con thú đạt tới độ cao đỉnh điểm trong cú tung mình ấy. Và lão bóp cò. Con thú đông cứng lại giữa không trung, cơ thể nó xoắn về một bên, và rơi xuống thật nặng nề, ngực nó bị xé tung bởi phát đạn kép.

Antonio José Bolívar Proaño chậm chạp đứng dậy. Lão bước tới bên cái xác của con thú và rùng mình khi thấy loạt đạn đã xé toang nó. Ngực nó giờ là một vết thương ngoác miệng to khủng khiếp, những vụn phổi và ruột bắn tung qua lưng nó.

Con thú thậm chí còn to hơn cả trong ý nghĩ của lão lần đầu tiên trông thấy nó. Dù đã gầy mòn đi nhiều, nó vẫn là một con thú tuyệt

vời, một vẻ đẹp, một kiệt tác duyên dáng không thể nào còn có lần thứ hai, dù chỉ trong tưởng tượng.

Lão già vuốt ve nó, quên đi cơn đau trên bàn chân và mặc những giọt nước mắt tủi hổ rơi xuống, dâng lên cái cảm giác dễ tiện, nhục nhã, chẳng một chút nào vinh quang chiến thắng.

Đôi mắt lão mờ đi vì nước mắt và mưa, lão đẩy xác con thú ra bờ sông, và nước mang nó đi, vào lòng rừng xanh sâu thẳm, về nơi không một người da trắng nào có thể làm vấy đục, về thượng nguồn Amazon, về xoáy nước khủng khiếp nhất, nơi nó sẽ bị tàn hủy bởi những miếng đá sắc nhọn, vĩnh viễn tránh xa khỏi những con người ghê tởm.

Và, trong cơn điên giận bùng cháy, lão quăng khẩu súng đi, lặng nhìn nó chìm xuống không sủi tăm chút hào quang. Một con quái vật bằng kim loại bị tất cả các loài sinh vật sống khinh miệt.

Antonio José Bolívar Proaño tháo bộ răng giả ra, gói vào chiếc khăn tay và vừa nguyên rửa tên ngoại bang đã gây ra tấn bi kịch này, viên thị trưởng, lũ săn vàng, tất cả

những kẻ đã làm ô uế Amazonia trong trắng của lão, lão vừa chặt lấy một cành cây thật chắc chắn. Tựa vào nó, lão lên đường trở về El Idilio, về căn lều của lão, và về với những cuốn tiểu thuyết kể truyện tình bằng những lời đẹp nhất, để đôi khi giúp lão được quên đi sự tàn ác của con người.

Artatore, Yugoslavia 1987

Hamburg, Germany 1988

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel & Fax: 38222135

E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo

PHẠM SÔNG HỒNG

- * Biên tập: NGUYỄN ÁNH NGÂN
- * Thiết kế bìa: ĐỖ HỮU CHÍ
- * Trình bày: ĐỨC THẮNG
- * Sửa bản in: NGUYỄN LÊ

Liên kết xuất bản và phát hành:

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÀ NAM

1B/IF1, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.35146875 - Fax: 04.35146965

Blog: <http://360.yahoo.com/nhanambook>

Email: nhanambook@vnn.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

**Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh**

Điện thoại: 08.38479853 - Fax: 08.38443034

Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 2.000 cuốn, khổ 12 x 20cm tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc Phòng. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 957-2008/CXB/05-61/HNV và quyết định xuất bản số 618/QĐ-NXB HNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 6.11.2008. In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2009.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhà Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

Thị trấn El Idilio vui sâu trong lòng rừng nhiệt đới, bên bờ sông Amazon. Ở nơi đó, Antonia José Bolívar Proaño - tay thợ săn dũng cảm của rừng xanh một thuở, thường đứng bên cửa sổ túp lều đơn sơ của lão, lặng lẽ say mê đọc truyện tình.

Nhưng tất cả không mãi yên bình như thế trên miền đất hoang dã đang bị thực dân hóa từng ngày. Một sự kiện xảy ra đã đưa lão vào rừng thẳm, đối diện với hiểm nguy. Chính trong quãng thời gian đó, lão như một lần soi lại quá khứ, nhìn thấu cả nỗi hoang mang lẫn niềm kiêu hãnh của con người trước tự nhiên bao la. Một cuộc đối đầu hồi hộp và lời cuốn tới tận phút cuối...

Được viết lên từ cảm hứng hùng tráng của núi rừng đại ngàn, *Lão già mê đọc truyện tình* là câu chuyện kể về cuộc sống trước bao biến động bên dòng Amazon kỳ vĩ. Mạnh mẽ mà giàu chất thơ, đậm sắc Mỹ Latin, cuốn sách chinh phục trái tim hàng triệu độc giả khắp thế giới. Tác phẩm đã được trao giải Tigre Juan, giải thưởng văn học danh giá của Tây Ban Nha.

¥787 9 1



Giá: 30.000đ



8 936024 912598